

STT	SO_DANG_KY	TEN_THUOC	MA_HOAT_CHAT (Theo CV 908/BYT-BH)
1	GC-220-14	Bình can ACP	05C.23
2	GC-221-14	Giải cảm liên ngân	05C.32.1
3	GC-222-14	Hoạt huyết dưỡng não ACP	05C.127.1
4	GC-223-14	Kim tiền thảo râu ngô	05C.37.2
5	GC-224-14	Lục vị ACP	05C.193.4
6	GC-225-14	Phong thấp ACP	05C.63
7	GC-226-14	Thông xoang ACP	05C.203
8	GC-229-14	Cenditan	05C.20
9	GC-231-14	Centhionin	05C.11
10	NC19-H01-10	Angobin (gia hạn lần thứ 1)	05C.178.1
11	NC23-H10-10	Abivina	05C.15
12	NC26-H02-11	Agerihnin 15ml	05C.207.1
13	NC31-H04-12	Cốm trẻ việt	05C.106
14	NC32-H08-12	Angobin	05C.178.1
15	NC37-H05-13	Agerhinin (gia hạn lần 1)	05C.207.1
16	NC46-H06-15	Agerhinin (gia hạn lần 1)	05C.207.1
17	NC49-H12-15	Abivina	05C.15
18	NC50-H06-16	Cốm trẻ việt (gia hạn lần 1)	05C.106

19	V10-H12-13	Lyzfokid	05C.98
20	V1005-H12-10	Lục vị TW3	05C.193.3
21	V1014-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
22	V1024-H12-10	Giải độc gan xuân quang	05C.45
23	V1026-H12-10	Dầu khuynh diệp Me & Em	05C.217
24	V1038-H12-10	Dầu phật độ	05C.217
25	V1044-H12-10	Dầu gió hồi phục linh	05C.217
26	V1045-H12-10	Dầu phong thấp trường thọ	05C.217
27	V1046-H12-10	Nghệ mật ong	05C.97
28	V1086-H12-10	Bổ thận thủy TW 3	05C.195
29	V1087-H12-10	Dầu gió SINGTW3	05C.217
30	V1088-H12-10	Diệp hạ châu	05C.21
31	V1089-H12-10	Viên cảm cúm Foriphar	05C.5
32	V1093-H12-10	Bổ gan P/H	05C.22
33	V1096-H12-10	Cảm xuyên hương - Kigona	05C.5
34	V1110-H12-10	Dầu di lạc diệp long	05C.217
35	V1111-H12-10	Dầu gió diệp long	05C.217
36	V1112-H12-10	Dầu khuynh diệp diệp long	05C.217
37	V1120-H12-10	Dầu gió xanh thiên linh	05C.217
38	V1131-H12-10	An thần B/P	05C.82.16
39	V1135-H12-10	Ngân kiều giải độc	05C.32.3
40	V1141-H12-10	Mellonga	05C.97.1
41	V1160-H12-10	Dầu Bạc hà Thượng Tháp	05C.217

42	V1162-H12-10	Fitôhepa-F	05C.21
43	V1163-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
44	V1167-H12-10	Crila	05C.117
45	V1183-H12-10	Viên sáng mắt	05C.212.2
46	V12-H12-13	Dầu phong thấp gừng Thái Dương	05C.217
47	V1201-H12-10	Bổ huyết điều kinh HT	05C.201.32
48	V1202-H12-10	Viên nang cảm cúm	05C.5
49	V1210-H12-10	Dầu gió Sagopha	05C.217
50	V1216-H12-10	Dầu gió xanh trường thọ	05C.217
51	V1223-H12-10	Dầu phong bảo Thái Hoà	05C.217
52	V1229-H12-10	Thuốc ho Thuận Thiên Đường	05C.155.3
53	V1231-H12-10	Fitôrhì - F	05C.204
54	V1241-H12-10	Bình vị hoàn Akhang	05C.113.1
55	V1244-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
56	V1245-H12-10	Cảm xuyên hương	05C.5
57	V1247-H12-10	Dầu gió Ba Đình	05C.217
58	V1254-H12-10	Dầu khuynh diệp Trường Sơn	05C.217
59	V1255-H12-10	Dầu phật linh Trường sơn	05C.217
60	V1265-H12-10	Bổ huyết ích não	05C.129
61	V1268-H12-10	Nhiệt độc thanh	05C.16
62	V1272-H12-10	Diệp hạ châu Vạn xuân	05C.27
63	V1276-H12-10	Dầu nóng Kim Long	05C.217

64	V1294-H12-10	Bổ huyết Hoapharm	05C.181
65	V1311-H12-10	Casoran	05C.123.1
66	V1315-H12-10	Cảm xuyên hương	05C.5
67	V1317-H12-10	Khang minh phong thấp nang	05C.67
68	V1323-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
69	V1326-H12-10	Cảm xuyên hương	05C.5
70	V14-H12-13	Quý Phi	05C.229
71	V142-H12-13	Cerecaps (Hoạt huyết dưỡng não)	05C.133
72	V1424-H12-10	Hoàn phong thấp Natural	05C.70
73	V1425-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não - Vibatop	05C.127.1
74	V1430-H12-10	Frentine	05C.72
75	V1432-H12-10	Trà An thần TW3	05C.135.2
76	V1434-H12-10	Thấp khớp hoàn P/H	05C.73
77	V1442-H12-10	Cao phong thấp	05C.82.16
78	V1443-H12-10	Quy tỷ	05C.82.16
79	V1447-H12-10	Tùng lộc thanh nhiệt tán	05C.29
80	V145-H12-13	MediPhylamin	05C.173
81	V1454-H12-10	Litinki	05C.13
82	V1455-H12-10	Sỏi thận Hoapharm	05C.13
83	V146-H12-13	MediPhylamin	05C.173

84	V1462-H12-10	Dầu quan âm	05C.217
85	V1463-H12-10	Dầu Thiên Phước	05C.217
86	V1466-H12-10	Cebraton Liquid	05C.127.1
87	V147-H12-13	Tuzamin	05C.76.1
88	V1470-H12-10	Viên sáng mắt	05C.205.13
89	V1471-H12-10	Khang minh tỷ viêm nang	05C.209
90	V1473-H12-10	Hoàn lục vị bổ thận âm	05C.193.4
91	V1474-H12-10	Diệp hạ châu	05C.21
92	V1475-H12-10	Diệp hạ châu	05C.21
93	V1479-H12-10	Hoàn bổ thận âm TW3	05C.195
94	V1480-H12-10	Đại tràng hoàn	05C.81
95	V1484-H12-10	Hoàn phong tê thấp HT	05C.58.35
96	V1486-H12-10	Cao lỏng ích mẫu	05C.199.1
97	V1487-H12-10	Hoàn sáng mắt	05C.205.15
98	V1488-H12-10	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.3
99	V1489-H12-10	Oraliton	05C.21
100	V1491-H12-10	Hepacap	05C.17
101	V1492-H12-10	P/H Mộc hương	05C.100.2
102	V1496-H12-10	Khu phong hóa thấp Xuân quang	05C.55.1

103	V15-H12-13	Sungin	05C.77
104	V1501-H12-10	Cao lạc tiên	05C.136.1
105	V1502-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
106	V1503-H12-10	Bổ gan PV	05C.8.1
107	V1505-H12-10	PV Xoang	05C.213.2
108	V1519-H12-10	Cầm cúm-Bảo Phương	05C.4.2
109	V1525-H12-10	Bổ phế Nam Hà chỉ khái lộ	05C.148.1
110	V1529-H12-10	Cao ích mẫu	05C.199.1
111	V1530-H12-10	Khung phong hoàn	05C.58.14
112	V1534-H12-10	Quy tỳ	05C.82.16
113	V1536-H12-10	Phong tê thấp Tana	05C.72
114	V1543-H12-10	Bổ thận dương TW3	05C.170
115	V1547-H12-10	Cao long ích mẫu	05C.199.1
116	V1548-H12-10	Hoàn bát vị	05C.169.13
117	V1549-H12-10	Hoàn lục vị	05C.193.4
118	V1555-H12-10	Bát trân	05C.179.3
119	V1556-H12-10	Proginvex	05C.202
120	V1557-H12-10	Dầu gió hương thảo	05C.217
121	V1562-H12-10	Hoạt huyết nhất nhất	05C.181.35
122	V1569-H12-10	An thần B/P	05C.82.16
123	V1577-H12-10	Dầu gió búp sen xanh	05C.217

124	V1579-H12-10	Bricomtablet	05C.205.15
125	V1583-H12-10	Giải độc gan Tana	05C.8.2
126	V1584-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
127	V1586-H12-10	ích mẫu khang	05C.199.1
128	V1587-H12-10	Langga	05C.137.2
129	V1590-H12-10	Mộc hoa trắng	05C.99
130	V1591-H12-10	Cảm xuyên hương DNA	05C.5
131	V1592-H12-10	DNA-Gas	05C.110
132	V1595-H12-10	Biofil	05C.98
133	V1596-H12-10	Hydan	05C.71.1
134	V1597-H12-10	Siro bổ phổi	05C.153.2
135	V1599-H12-10	Dầu gió Kim Linh	05C.217
136	V1600-H12-10	Dầu gió Trường Sơn	05C.217
137	V1601-H12-10	Dầu gió xanh Thiên Thảo	05C.217
138	V1602-H12-10	Dầu nóng Thiên Thảo	05C.217
139	V1603-H12-10	Dầu nóng Trường Sơn	05C.217
140	V1604-H12-10	Bát trân	05C.179.4
141	V1605-H12-10	Dầu gió đỏ con voi	05C.217
142	V1610-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
143	V1616-H12-10	Diệp hạ châu V 0,45g	05C.21
144	V1617-H12-10	Hamov	05C.186.3
145	V1618-H12-10	Việt hưng tiền đình phương	05C.107.8
146	V1624-H12-10	Dầu phong thấp trật đả Chánh Đại	05C.217

147	V1629-H12-10	ích mẫu	05C.199.1
148	V1631-H12-10	Bài thạch Tana	05C.36
149	V1638-H12-10	Diệp hạ châu	05C.21
150	V1640-H12-10	Hipolten	05C.99
151	V1641-H12-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
152	V1642-H12-10	Nhuận tràng thông táo	05C.96
153	V1643-H12-10	Phong thấp cốt nhân hoàn	05C.58.3
154	V1651-H12-10	Giải độc gan Xuân quang	05C.45.2
155	V1652-H12-10	Lục vị - F	05C.193.4
156	V1654-H12-10	Bổ trung ích khí hoàn	05C.107.8
157	V1656-H12-10	Lục vị địa hoàng hoàn	05C.193.4
158	V1661-H12-10	Lakani	05C.14
159	V1663-H12-10	Đại tràng hoàn Bà Giằng	05C.81
160	V1664-H12-10	Phong tê thấp Bà Giằng	05C.70
161	V17-H12-13	Thuốc uống Suncurmin	05C.101
162	V21-H12-13	Dầu gió đỏ An Lạc	05C.217
163	V23-H12-13	Dầu khuynh diệp An Lạc	05C.217
164	V26-H12-13	An thần bổ tâm	05C.138.1
165	V27-H12-13	Diệp hạ châu	05C.21
166	V28-H12-13	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
167	V29-H12-13	Kim tiền thảo	05C.35

168	V3-H12-13	Dầu gió gừng Thái Dương	05C.217
169	V31-H12-13	Thuốc ho bổ phế	05C.157
170	V33-H12-13	Ích mẫu	05C.199.1
171	V34-H12-13	Hạc tất phong	05C.58.28
172	V36-H12-13	Dầu phong thấp ánh Dương	05C.217
173	V362-H12-10	Tioga	05C.12
174	V39-H10-11	Hương sa lục quân	05C.105.3
175	V40-H10-11	Tễ bổ trung ích khí	05C.107.7
176	V41-H10-11	Tễ qui tỳ	05C.82.9
177	V44-H12-13	Hoàn cứng mật ong nghệ	05C.97.1
178	V45-H12-13	Phyllantol	05C.25
179	V464-H12-13	Siro Mediphyllamin	05C.173
180	V566-H12-10	Gastro-Max	05C.110
181	V567-H12-10	Tioga	05C.12
182	V762-H12-10	Cảm mạo thông	05C.2.19
183	V763-H12-10	Lopassi	05C.135.9
184	V8-H12-13	Cốt khang linh	05C.224.8
185	V810-H12-10	Nhân sâm tam thất	05C.167
186	V817-H12-10	Cốm nghệ mật ong	05C.97
187	V818-H12-10	Dầu nóng bình quan	05C.217

188	V820-H12-10	Cao hy thêm TW3	05C.65
189	V827-H12-10	Bồ gan P/H	05C.22
190	V833-H12-10	Thấp khớp ND	05C.56
191	V844-H12-10	Bình can ACP	05C.23
192	V845-H12-10	Bạch kim hoàng	05C.203
193	V880-H12-10	Dầu cù là Thiên thảo	05C.217
194	V881-H12-10	Dầu cù là Trường sơn	05C.217
195	V890-H12-10	Kim tiền thảo - F	05C.35
196	V893-H12-10	Đan sâm tam thất	05C.124
197	V894-H12-10	Luc vị nang vạn xuân	05C.193.4
198	V9-H12-13	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
199	V928-H12-10	Traluvi	05C.193.4
200	V930-H12-10	Viên mật nghệ	05C.97.1
201	V936-H12-10	Bồ thận dương TW3	05C.170
202	V937-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
203	V940-H12-10	Dầu phong thấp gừng thái dương	05C.217
204	V942-H12-10	Kim tiền thảo	05C.37.2
205	V949-H12-10	Fitôgra-F	05C.162
206	V955-H12-10	Dầu thần linh	05C.217
207	V970-H12-10	Đan sâm tam thất	05C.124
208	V971-H12-10	Ampelop (Cơ sở đăng ký: Công ty CP. Traphaco)	05C.87
209	V974-H12-10	Boganic (Cơ sở đăng ký: Công ty CP. Traphaco)	05C.8.1

210	V977-H12-10	Lục vị ẩm	05C.193.4
211	V999-H12-10	Diệp hạ châu	05C.21
212	VD-10890-10	Bình Vị - BVP	05C.113.2
213	VD-10892-10	Bổ thận âm- BVP	05C.193.4
214	VD-10896-10	Vương thảo trừ xoang	05C.213
215	VD-10923-10	Dưỡng tâm an thần	05C.131
216	VD-10941-10	Cozz extra	05C.215.3
217	VD-10953-10	Kim tiền thảo Tada	05C.35
218	VD-11070-10	Hoastex	05C.150
219	VD-11235-10	Nhân sâm tam thất	05C.167
220	VD-11390-10	Bát trân - BVP	05C.179.2
221	VD-11401-10	Transda-S	05C.134.2
222	VD-11407-10	Hoạt huyết dưỡng não Vinacare 10	05C.127.1
223	VD-11455-10	Bar- tada	05C.8.2
224	VD-11456-10	Bar-tada	05C.8.2
225	VD-11457-10	Bar-tada	05C.8.2
226	VD-11458-10	Kim tiền thảo Tada	05C.35
227	VD-11459-10	Kim tiền thảo Tada	05C.35
228	VD-11478-10	Betasiphon	05C.47.2

229	VD-11561-10	Didicera	05C.58.14
230	VD-11636-10	Rhinassin - OPC	05C.213.1
231	VD-11639-10	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo	05C.35
232	VD-11769-10	An thần MP	05C.135
233	VD-11782-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
234	VD-11784-10	Medibogan	05C.8.2
235	VD-11789-10	Mesliping	05C.134.2
236	VD-11796-10	Cổm bỏ tỷ	05C.91.1
237	VD-11813-10	Xuyên tâm liên-DNA	05C.121
238	VD-11814-10	Xuyên tâm liên-DNA	05C.121
239	VD-11845-10	Mekocurcuma	05C.97.1
240	VD-11901-10	Đan sâm - Tam thất	05C.124
241	VD-11906-10	D-A-R	05C.10.2
242	VD-12073-10	Crila Forte	05C.117
243	VD-12086-10	Cảm xuyên hương	05C.5
244	VD-12138-10	Hoàn an thần	05C.126
245	VD-12139-10	Hoàn lục vị địa hoàng	05C.193.4
246	VD-12141-10	Sáng mắt	05C.212.2
247	VD-12143-10	ích mẫu	05C.199.1
248	VD-12174-10	Kim tiền thảo	05C.35
249	VD-12192-10	Ziber	05C.1
250	VD-12214-10	Hoạt huyết dưỡng não BDF	05C.127.1
251	VD-12287-10	Hdjincovi	05C.127.1
252	VD-12310-10	Connec	05C.46
253	VD-12347-10	Hoạt huyết dưỡng não -QB	05C.127.1

254	VD-12456-10	Tâm não khang	05C.125.1
255	VD-12469-10	Ngân kiều giải độc	05C.32.3
256	VD-12476-10	Hoạt huyết kiện não	05C.127.1
257	VD-12477-10	Hoạt huyết kiện não-DNA	05C.127.1
258	VD-12478-10	Viên nang Chorlatcyn	05C.9
259	VD-12565-10	Cebraton	05C.127.1
260	VD-12566-10	Cebraton	05C.127.1
261	VD-12575-10	Vidibest- herbs	05C.212.1
262	VD-12712-10	Ngân kiều giải độc - BVP	05C.32.3
263	VD-12718-10	Hoàn điều kinh bổ huyết	05C.201.1
264	VD-12719-10	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
265	VD-12722-10	Viên sáng mắt	05C.212.2
266	VD-12747-10	Cynaphytol	05C.7
267	VD-12885-10	Cồn xoa bóp	05C.224.6
268	VD-12886-10	Op.Liz	05C.84
269	VD-12923-10	Hoạt huyết dưỡng não - QB	05C.127.1
270	VD-13106-10	Hoạt huyết dưỡng não Cebraton- S	05C.127.1
271	VD-13107-10	Hoạt huyết dưỡng não Cebraton- S	05C.127.1
272	VD-13229-10	Ampelop	05C.87
273	VD-13231-10	Boganic	05C.8.1
274	VD-13233-10	Sitar	05C.107
275	VD-13234-10	Trà Casoran	05C.123.2
276	VD-13283-10	Kim tiền thảo	05C.35

277	VD-13287-10	Rendesmol	05C.35
278	VD-13331-10	Amelicol	05C.215.3
279	VD-13333-10	Bổ huyết ích não BDF	05C.129
280	VD-13458-10	Bercolis Viên Đại Tràng	05C.100
281	VD-13604-10	Ampelop	05C.87
282	VD-13605-10	Boganic BC	05C.21
283	VD-13608-10	Luviam	05C.193.4
284	VD-13715-11	Didicera	05C.58.38
285	VD-13880-11	Diệp hạ châu	05C.21
286	VD-14450-11	Hương liên Yba	05C.92
287	VD-14451-11	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
288	VD-14623-11	Bổ Thận Dương-BVP	05C.169.13
289	VD-14628-11	Actiso	05C.7
290	VD-14788-11	Hoạt huyết dưỡng não Dutamginkogo	05C.127.1
291	VD-14834-11	Doladi	05C.199.1
292	VD-14909-11	Dầu xoa sao vàng	05C.217
293	VD-14949-11	Hotan Fort	05C.215.3
294	VD-14991-11	Kimraso	05C.37.1
295	VD-14992-11	Magasol	05C.8.1
296	VD-15068-11	Tiêu dao - BVP	05C.50
297	VD-15090-11	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1

298	VD-15285-11	Hương xuân	05C.228.1
299	VD-15304-11	Crila	05C.117
300	VD-15335-11	Lotosonic	05C.131
301	VD-15364-11	Ceteco Botagan	05C.8.1
302	VD-15483-11	Hương liên hoàn	05C.92
303	VD-15565-11	Diệp hạ châu	05C.21
304	VD-15598-11	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
305	VD-15610-11	Diệp hạ châu	05C.21
306	VD-15750-11	Tiêu dao	05C.50
307	VD-15761-11	Kim tiền thảo	05C.35
308	VD-15895-11	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
309	VD-16322-12	Antesik	05C.100.1
310	VD-17333-12	Hesota	05C.36
311	VD-17597-12	Cảm xuyên hương	05C.5
312	VD-17599-12	Thuốc ho Thảo dược	05C.149
313	VD-17630-12	Botecgan	05C.8.2
314	VD-17632-12	Dilagin	05C.127.1
315	VD-17634-12	Giadogane	05C.8.2
316	VD-17637-12	Kim tiền thảo	05C.35
317	VD-17641-12	Tibidine	05C.174.1
318	VD-17642-12	Trà gừng	05C.1
319	VD-17643-12	Vigavir-B	05C.21
320	VD-17817-12	Dưỡng cốt hoàn	05C.54.1

321	VD-17830-12	Cholestin	05C.186.2
322	VD-17832-12	Sedatab	05C.131
323	VD-18032-12	Diohd	05C.89
324	VD-18033-12	Hoàn bổ thận âm	05C.195
325	VD-18072-12	Ampelop	05C.87
326	VD-18179-13	Cao khô Actisô	05C.7
327	VD-18184-13	Boogasick	05C.8.2
328	VD-18185-13	Hoạt huyết dưỡng não ATM	05C.127.1
329	VD-18324-13	Op.Zen Viên tiêu sưng giảm đau	05C.114
330	VD-18414-13	An thần bổ tâm	05C.138.2
331	VD-18435-13	Ceginkton	05C.127.1
332	VD-18444-13	Quaneuron	05C.127.1
333	VD-18675-13	Phong tê thấp HD	05C.71.1
334	VD-18753-13	Diệp hạ châu	05C.21
335	VD-18756-13	Hoàn lục vị bổ thận âm	05C.193.4
336	VD-18757-13	Kim tiền thảo Desmodin	05C.35
337	VD-18759-13	Thập toàn đại bổ	05C.161.1
338	VD-18795-13	Kim tiền thảo Vinacare 250	05C.35
339	VD-19084-13	Mộc hoa trắng	05C.99
340	VD-19139-13	Cebraton	05C.127.1
341	VD-19267-13	Botidana	05C.105.4
342	VD-19292-13	Dầu gió Vim III Hồng gấm	05C.217

343	VD-19294-13	Mecaflu forte	05C.215.3
344	VD-19401-13	Kidneyton Lục vị - Bổ thận âm	05C.193.4
345	VD-19547-13	Hipolten	05C.99
346	VD-19598-13	Bronzoni	05C.215.3
347	VD-19621-13	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
348	VD-19789-13	Boganic	05C.8.9
349	VD-19790-13	Boganic	05C.8.9
350	VD-19791-13	Boganic Fort	05C.8.9
351	VD-19811-13	Bài thạch	05C.36
352	VD-19812-13	Colitis	05C.104
353	VD-19821-13	Betasiphon	05C.47.1
354	VD-19911-13	CHOLAPAN Viên mật nghệ	05C.97.4
355	VD-19913-13	FENGSHI-OPC Viên Phong Thấp	05C.71.2
356	VD-19914-13	Hoàn bát vị bổ thận dương	05C.169.17
357	VD-20009-13	Hoạt huyết dưỡng não Vinacare 100	05C.127.1
358	VD-20010-13	Hoạt huyết dưỡng não Vinacare 200	05C.127.1
359	VD-20057-13	Siro trị ho Slaska	05C.155.1
360	VD-20068-13	Axe Brand Red Flower Oil (Dầu nóng hồng hoa hiệu cây búa)	05C.217
361	VD-20151-13	Revmaton	05C.58.16

362	VD-20303-13	Hoạt huyết dưỡng não TP	05C.127.1
363	VD-20317-13	Kim tiền thảo MKP	05C.35
364	VD-20356-13	Bảo Thanh	05C.159
365	VD-20534-14	Ngân kiều giải độc-F	05C.32.3
366	VD-20622-14	Livonic	05C.8.14
367	VD-20628-14	Hoạt huyết dưỡng não ATM	05C.127.1
368	VD-20776-14	Garlicap viên tỏi nghệ	05C.115
369	VD-20777-14	KIM TIỀN THẢO Thuốc trị sỏi thận	05C.35
370	VD-20913-14	Diệp hạ châu	05C.21
371	VD-20963-14	Cao đặc Actiso	05C.7
372	VD-21196-14	Bổ phế - BVP	05C.148.7
373	VD-21197-14	Cao ích mẫu - BVP	05C.199.1
374	VD-21289-14	Bổ trung ích khí	05C.107.8
375	VD-21303-14	Thập toàn đại bổ	05C.161.1
376	VD-21311-14	Cốm hòa tan Hepagon	05C.21
377	VD-21418-14	Actiso HD	05C.7

378	VD-21421-14	Eurganic	05C.8.10
379	VD-21422-14	Hoạt huyết dưỡng não HD	05C.127.1
380	VD-21423-14	Quanliver	05C.8.10
381	VD-21424-14	Thập toàn đại bổ HD	05C.161.3
382	VD-21425-14	Thập toàn đại bổ Oratonmaxx	05C.161.3
383	VD-21427-14	Hoàn sáng mắt	05C.205.15
384	VD-21451-14	Bổ phế chỉ khái lộ	05C.148.13
385	VD-21452-14	Hoạt huyết thông mạch K/H	05C.181.9
386	VD-21453-14	Cebraton	05C.127.1
387	VD-21454-14	Cebraton	05C.127.1
388	VD-21455-14	Sáng mắt	05C.212.2
389	VD-21485-14	Bát vị- F	05C.169.21

390	VD-21486-14	Chỉ thực tiêu bã- F	05C.88.1
391	VD-21487-14	Đại tràng- F	05C.100.4
392	VD-21489-14	Fitôcolis- F	05C.100.4
393	VD-21490-14	Fitôgra- F	05C.162
394	VD-21491-14	Fitôrhi- F	05C.204
395	VD-21492-14	Hương sa lục quân	05C.105.8
396	VD-21493-14	Kim tiền thảo- F	05C.35
397	VD-21494-14	Lục vị- F	05C.193.4
398	VD-21495-14	Quy tỳ	05C.82.16
399	VD-21560-14	Dầu gió Nam Dược	05C.217
400	VD-21607-14	Diệp hạ châu - BVP	05C.21
401	VD-21608-14	Hoạt huyết an thần - BVP	05C.142

402	VD-21609-14	Kim ngân vạn ứng	05C.31
403	VD-21622-14	NPluvico	05C.127.1
404	VD-21649-14	Bổ gan tiêu độc Livsin-94	05C.24
405	VD-21652-14	Ibaliver-H	05C.8.10
406	VD-21708-14	Hoạt huyết Thephaco	05C.181.20
407	VD-21710-14	Kim tiền thảo	05C.35
408	VD-21738-14	Đan sâm tam thất	05C.124
409	VD-21749-14	Cốm bổ tỳ P/H	05C.78.2
410	VD-21754-14	Thận khí hoàn P/H	05C.171
411	VD-21758-14	Cao lạc tiên	05C.136.1
412	VD-21801-14	Livonic	05C.8.14
413	VD-21849-14	Greenneuron-H	05C.127.1
414	VD-21856-14	Khang Minh bát trân nang	05C.179.3
415	VD-21857-14	Khang Minh lục vị nang	05C.193.4
416	VD-21858-14	Khang Minh tỳ viêm nang	05C.209

417	VD-21859-14	Kim tiền thảo	05C.37.1
418	VD-21939-14	Kim tiền thảo 200	05C.35
419	VD-21948-14	Bổ thận âm	05C.161.4
420	VD-21950-14	Sirô bổ phổi	05C.153.2
421	VD-21976-14	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.4
422	VD-22084-15	Bổ khí thông huyết - BVP	05C.183
423	VD-22088-15	Kim tiền thảo 165	05C.35
424	VD-22091-15	Bovega	05C.21
425	VD-22100-15	Hoàn thập toàn đại bổ - HT	05C.161.3
426	VD-22101-15	Lục vị - HT	05C.193.4
427	VD-22105-15	Dung dịch vệ sinh Mydugyno	05C.221
428	VD-22157-15	Thập toàn đại bổ	05C.161.1
429	VD-22167-15	Atiliver Diệt hạ châu	05C.28
430	VD-22168-15	Khang Minh thanh huyết	05C.34
431	VD-22184-15	Meslipping	05C.134.2
432	VD-22274-15	Biofil	05C.98
433	VD-22306-15	Dogarlic	05C.115
434	VD-22316-15	Lục vị hoàn P/H	05C.193.4

435	VD-22318-15	Cốt Bình Nguyên	05C.224.6
436	VD-22326-15	Cao ích mẫu	05C.199.1
437	VD-22328-15	Fitôbaby	05C.112
438	VD-22329-15	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
439	VD-22330-15	Ích mẫu	05C.199.1
440	VD-22332-15	Bát trân Radix Green	05C.179.3
441	VD-22349-15	Diệp hạ châu	05C.21
442	VD-22396-15	Bổ thận âm- BVP	05C.193.4
443	VD-22420-15	Actisô	05C.7
444	VD-22425-15	Bavegan	05C.8.10
445	VD-22463-15	Busalpain - Tiêu viêm giảm đau	05C.185
446	VD-22473-15	Khang minh phong thấp nang	05C.67
447	VD-22482-15	Bibiso	05C.8.9
448	VD-22492-15	Dầu gió hiệu con gấu	05C.217
449	VD-22716-15	Bình Vị - BVP	05C.113.2
450	VD-22724-15	Khu phong trừ thấp	05C.52

451	VD-22740-15	Dưỡng tâm an thần	05C.131
452	VD-22778-15	Diệp hạ châu	05C.21
453	VD-22832-15	Bar	05C.8.9
454	VD-22869-15	Boliveric	05C.8.9
455	VD-22984-15	Ajiteki	05C.87
456	VD-23253-15	Đan sâm Tam thất	05C.124
457	VD-23284-15	Bát vị	05C.169.21
458	VD-23285-15	Dầu gió đỏ	05C.217
459	VD-23286-15	Diệp hạ châu	05C.21
460	VD-23287-15	Kim tiền thảo	05C.35
461	VD-23288-15	Kim tiền thảo	05C.35
462	VD-23291-15	Haviliver	05C.21
463	VD-4938-08	ích mẫu	05C.199.1
464	VD-5167-08	Hepamarin	05C.21
465	VD-5457-08	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo	05C.35
466	VD-5457-08	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo	05C.35
467	VD-5599-08	Lục vị ẩm	05C.193.4

468	VD-5707-08	Bài thạch	05C.36
469	VD-6033-08	Kim tiền thảo	05C.35
470	VD-6043-08	Bavegan	05C.8.1
471	VD-6245-08	Bổ gan tiêu độc Livsin 94	05C.24
472	VD-6276-08	Dầu gió hiệu con gấu	05C.217
473	VD-6280-08	Mimosa viên an thần	05C.135.5
474	VD-6499-08	Boganic	05C.8.1
475	VD-6502-08	Slaska	05C.155.3
476	VD-6690-09	Kim tiền thảo	05C.35
477	VD-6699-09	Kim tiền thảo	05C.35
478	VD-6700-09	Kim tiền thảo	05C.35
479	VD-6780-09	Bibiso	05C.8.1
480	VD-6804-09	Phì nhi đại bổ	05C.90.2
481	VD-6850-09	Viên mật nghệ	05C.97.1
482	VD-6942-09	Haisamin	05C.182
483	VD-7033-09	Kim tiền thảo	05C.35
484	VD-7057-09	Boganic	05C.8.1
485	VD-7061-09	Đan sâm Tam thất	05C.124
486	VD-7105-09	Khu phong trừ thấp	05C.52
487	VD-7152-09	Nic - Bag	05C.8.1
488	VD-7199-09	Cảm xuyên hương TR-G	05C.5

489	VD-7200-09	Hepamarin	05C.21
490	VD-7430-09	Kim tiền thảo râu mèo	05C.37.1
491	VD-7440-09	Garlicur	05C.115
492	VD-7463-09	Diệp hạ châu	05C.21
493	VD-7466-09	Kim tiền thảo	05C.35
494	VD-7476-09	Thanh nhiệt tiêu độc	05C.49
495	VD-7480-09	Bratonic	05C.127.1
496	VD-7484-09	Hebar	05C.8.1
497	VD-7748-09	Cebraton Liquid	05C.127.1
498	VD-7819-09	Khu phong trừ thấp	05C.52
499	VD-8161-09	Kim tiền thảo	05C.35
500	VD-8180-09	ích mẫu	05C.199.1
501	VD-8248-09	Casoran	05C.123.1
502	VD-8310-09	Dưỡng tâm an thần	05C.131
503	VD-8414-09	Dầu nóng Quảng Đà	05C.217
504	VD-8456-09	Diệp hạ châu	05C.21
505	VD-8461-09	Centhionin	05C.11
506	VD-8526-09	Eucatol Forte	05C.215.1
507	VD-8543-09	Đan sâm tam thất	05C.124
508	VD-8870-09	Tiêu trĩ linh Safinar	05C.188
509	VD-8994-09	Đan sâm Tam thất	05C.124
510	VD-8998-09	Boganic	05C.8.1

511	VD-8999-09	Cebraton	05C.127.1
512	VD-9000-09	Cebraton-S	05C.127.1
513	VD-9001-09	Cebraton-S	05C.127.1
514	VD-9127-09	Kim tiền thảo	05C.35
515	VD-9128-09	Kim tiền thảo	05C.35
516	VD-9180-09	Kim tiền thảo	05C.35
517	VD-9457-09	Thuốc ho trẻ em - OPC	05C.158
518	VD-9711-09	Thuốc ho K/H	05C.155.2
519	VD-9712-09	ích mẫu	05C.199.1
520	VD-9741-09	Ceteco Kim tiền thảo	05C.35
521	VN-10300-10	Mimosa viên an thần	05C.135.5
522	VN-10685-10	Hoắc hương chính khí dạng nước	05C.2.4
523	VN-11931-11	Eugica fort	05C.215.3
524	VN-15693-12	Juvenol	05C.199.1
525	VN-16175-13	Lục khang	05C.109
526	VN-16359-13	Hoàn actiso	05C.7
527	VN-16395-13	Dưỡng huyết thanh não	05C.130
528	VN-16540-13	Piascledine	05C.53
529	VN-17499-13	Huyết thái	05C.125.1
530	VN-17604-13	Thiên sứ thanh phế	05C.121
531	VN-17872-14	Prospan Cough Liquid	05C.151
532	VN-17873-14	Prospan Cough Syrup	05C.151
533	VN-18222-14	Marathone	05C.68

534	VN-18334-14	Hepacap	05C.17
535	VN-18528-14	Phong liều Trạng vị kháng	05C.103
536	VN-18652-15	Garlicap viên tỏi nghệ	05C.115
537	VN-18656-15	Giải cảm liên ngân	05C.32.1
538	VN-9380-09	Thông Tâm Lạc	05C.187
539	VS-4887-14	Thuốc rửa phụ khoa Gyfor	05C.228.1
540	VD-24481-16	D-A-R	05C.8.9
541	VD-12739-10	Bermoric	05C.100.1
542	VD-9723-09	Domeric	05C.101
543	V730-H12-10	HEPASCHIS	05C.102
544	VD-0531-06	Hoàn bổ trung ích khí	05C.107.4
545	V1251-H12-10	Viên Bách Trĩ	05C.107.2
546	V480-H12-10	Bổ Trung Ích Khí - f	05C.107.7
547	VD-20533-14	Bổ trung ích khí-F	05C.107.7
548	V1328-H-10	Bổ trung ích khí	05C.107.8
549	VD-23914-15	Bổ Trung Ích Khí P/H	05C.107.8

550	VD-16400-12	Chè trĩ BTIKG	05C.108
551	V1387-H12-10	Fitôbaby	05C.112
552	V577-H12-10	Caltestin (Viêm đại tràng Xuân Quang)	05C.116
553	VD-24654-16	Crila Forte	05C.117
554	VD-22742-15	Tadimax	05C.118
555	V630-H12-10	Hoàn xích hương	05C.119
556	V1366-H12-10	Cốm dạ tá TW3	05C.120.1
557	VD-24528-16	Xuyên tâm liên	05C.121
558	VD-24524-16	Fitôcoron-F	05C.124
559	VD-24045-15	Hộ tâm an	05C.125.1
560	VD-12314-10	OPCARDIO viên hộ tâm	05C.125.1
561	VD-21741-14	Tottim extra	05C.125.1
562	VN-11642-10	Thiên sứ hộ tâm đan	05C.125.1
563	V50-H12-13	Hộ tâm đan Thephaco	05C.125.1
564	VD-16789-12	Hộ tâm đơn	05C.125.3
565	V413-H12-10	Fitôcoron - F	05C.125.2
566	VD-16618-12	An thần	05C.126
567	VD-24067-16	Hoàn an thần	05C.126
568	VD-22919-15	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
569	V75-H12-13	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
570	VD-18440-13	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
571	VD-22645-15	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1

572	VD-24069-16	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
573	VD-24472-16	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
574	VD-6785-09	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
575	VD-7465-09	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
576	VD-24102-16	Hoạt huyết dưỡng não DHG	05C.127.1
577	VD-24259-16	Hoạt huyết dưỡng não DN	05C.127.1
578	V308-H12-13	Hoạt huyết dưỡng não QN	05C.127.1
579	VD-24388-16	Hoạt huyết dưỡng não QN	05C.127.1
580	VD-16788-12	Dưỡng tâm an thần	05C.131
581	VD-22759-15	Dưỡng tâm an thần - HT	05C.131
582	VD-20778-14	Mimosa Viên an thần	05C.135.5
583	VD-7454-09	An thần bổ tâm	05C.138.2
584	VD-24529-16	Bổ gan tiêu độc nhất nhất	05C.14
585	VD-24184-16	Flavital 500	05C.140
586	VD-8643-09	Flavital 500	05C.140
587	VN-5597-10	Kiện não hoàn	05C.141
588	VN-5257-10	Hoa đà tái tạo hoàn	05C.143

589	V360-H12-10	Codcerin	05C.148.5
590	V1188-H12-10	Siro bổ phế chi khái lộ	05C.148.11
591	V252-H12-10	Thuốc ho bổ phế chi khái lộ siro 125ml	05C.148.9
592	V1250-H12-10	Bổ phế chi khái lộ TW3- Foripham	05C.148.61
593	V53-H12-16	Abivina (Gia hạn lần 1)	05C.15
594	VD-24083-16	Danospan	05C.151
595	18621/QLD-DL	Pectolvan Ivy	05C.151
596	VD-24403-16	Sirô ho Thepharm	05C.151
597	V703-H12-10	Thuốc Hen P/H	05C.152
598	VD-19081-13	Ho hen PQA	05C.155.2
599	V81-H12-13	Thuốc ho K/H	05C.155.4
600	V309-H1-2013	Cao lỏng mẫu sinh đường	05C.156
601	V039-H12-13	Mẫu Sinh Đường	05C.156
602	VD-23290-15	Thuốc ho bổ phế	05C.157
603	VD-24238-16	Thuốc ho trẻ em OPC	05C.158.4
604	VD-16180-12	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.4
605	V1022-H12-10	Thập Toàn Đại Bổ P/H	05C.161.3

606	VD-0532-06	Hoàn thập toàn đại bổ TW3	05C.161.4
607	V677-H12-10	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.4
608	V716-H12-10	Linh chi-F	05C.163
609	VD-23289-15	Linh chi-F	05C.163
610	VD-23436-15	Hữu quy phương	05C.164.1
611	VD-21496-14	Song hảo đại bổ tinh – f	05C.165
612	V162-H12-13	Bát vị	05C.169.21
613	V262-H12-13	Pharnanca	05C.17
614	V83-H12-13	Fitôbetin - F	05C.171
615	V464-H12-10	Mediphyllamin	05C.173
616	VD-24351-16	Mediphyllamin	05C.173
617	VD-24352-16	Mediphyllamin	05C.173
618	VD-24353-16	Mediphyllamin	05C.173
619	VD-24470-16	Bảo mạch hạ huyết áp	05C.175.2
620	V153-H12-13	Bảo mạch huyết áp	05C.175.2
621	VD-24473-16	Didala	05C.18

622	VD-24511-16	Hoạt Huyết Phúc Hưng	05C.181.19
623	V575-H12-10	Hoạt Huyết Thông Mạch P/H	05C.181.24
624	VD-24512-16	Hoạt huyết thông mạch P/H	05C.181.24
625	V1258-H12-10	Hoạt Huyết Thông Mạch P/H	05C.181.3
626	VD-22264-15	Haisamin	05C.182
627	V1507-H12-10	Vạn xuân hộ não	05C.183
628	VD-24510-16	Đương Quy bổ huyết P/H	05C.184
629	V1020-H12-10	Long Huyết P/H	05C.185
630	VD-23917-15	Long huyết P/H	05C.185
631	VD-8870-09	Thuốc tiêu trĩ SAFINAR	05C.188
632	V596-H12-10	SUPERYIN	05C.189.1
633	VD-16401-12	TIEUKHATLING CAPS	05C.190.5
634	VD-24513-16	Tam thất bột Phúc Hưng	05C.191
635	VD-24068-16	Hoàn lục vị địa hoàng	05C.193.4
636	VD-24126-16	A. T Lục vị	05C.193.3
637	V172-H12-10	Hoàn lục vị	05C.193.3
638	VD-17087-12	Lục Vị	05C.193.4
639	VD-22317-15	Lục vị Hoàn P/H	05C.193.4
640	VD-23460-15	Hoàn bổ thận âm	05C.195

641	V982-H12-10	Hoàn bổ thận âm	05C.195
642	VD-17055-12	Hoàn an thai	05C.197
643	VD-20780-14	Viên ích mẫu OP.CIM	05C.199.1
644	VD-22418-15	Cao ích mẫu	05C.199.1
645	VD-22491-15	Cao ích mẫu	05C.199.1
646	VD-24180-16	Cao ích mẫu	05C.199.1
647	VD-8679-09	Cao ích mẫu	05C.199.1
648	VD-10563-10	Ích mẫu	05C.199.1
649	VD-9734-09	Ích mẫu	05C.199.1
650	VD-22093-15	Ích ngải hương	05C.199.1
651	VD-16638-12	Viên nang ích mẫu	05C.199.1
652	VD-23926-15	Gừng	05C.1
653	VD-23459-15	Bổ huyết điều kinh - HT	05C.201.31
654	VD-24471-16	Hoàn sáng mắt K/H	05C.205.15
655	V73-H12-13	Hoàn sáng mắt K/H	05C.205.13
656	VD-20945-14	XOANGSPRAY	05C.206
657	V54-H12-16	Agerhinin	05C.207.1
658	VD-16402-12	Tivicaps	05C.209
659	VD-10924-10	Diệp hạ châu	05C.21
660	VD-23286-15	Diệp hạ châu	05C.21
661	VD-24467-16	Diệp hạ châu TP	05C.21

662	VD-24483-16	Dodylan	05C.21
663	VD-16071-11	HD-inliver	05C.21
664	V32-H12-13	Viên bỏ mắt	05C.211.7
665	VD-24072-16	Viên sáng mắt	05C.212.2
666	VD-24070-16	Sáng mắt	05C.212.2
667	VD-20535-14	Sáng mắt F	05C.211.7
668	VD-22955-15	Viêm mũi - xoang Rhinassin - OPC	05C.213.1
669	V143-H12-13	Esha	05C.213.2
670	VD-24350-16	Esha	05C.213.2
671	VD-12235-10	Tỷ Tiên Phương, xoang Gadam	05C.214
672	V1429-H12-10	Cao sao vàng TW3	05C.216.1
673	VD-13459-10	Cao sao vàng	05C.216.3
674	V267-H12-13	Dầu gió đỏ	05C.217
675	VD-16556-12	Dầu nóng mặt trời	05C.222.5
676	VD-16313-12	Acocina	05C.226.1

677	VD-16477-12	VG-5	05C.26.2
678	V243-H12-13	Mát gan giải độc HT	05C.26.6
679	VD-22760-15	Mát gan giải độc - HT	05C.26.6
680	VD-8159-09	Gantavimin	05C.26.6
681	V482-H12-10	Ngân kiều giải độc - f	05C.32.2
682	V581-H12-10	Forvim (Ngân kiều giải độc Xuân Quang)	05C.33
683	VD-16405-12	Viên thanh huyết SANGOFIT	05C.34
684	V135-H12-13	Kim tiền thảo	05C.35
685	V485-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
686	V552-H12-10	Kim tiền thảo	05C.35
687	VD-16072-11	Kim tiền thảo	05C.35
688	VD-24525-16	Kim tiền thảo	05C.35
689	V183-H12-13	Kim tiền thảo - HT	05C.35
690	V241-H12-13	Kim tiền thảo 165	05C.35
691	V9-H12-14	DESTON	05C.35
692	V1578-H12-10	Viên kim tiền thảo trạch tả	05C.38.2
693	V332-H12-13	Cảm cúm Bảo Phương	05C.4.2
694	V641-H12-10	Cảm cúm-F	05C.4.1
695	V754-H12-10	Mát gan tiêu độc HanaLiver	05C.44
696	V1362-H12-10	Thanh nhiệt tiêu độc LiverGood	05C.44
697	V582-H12-10	Giải độc gan Xuân Quang	05C.45.2

698	V719-H12-10	Thanh nhiệt tiêu độc - f	05C.49
699	V483-H12-10	Cảm xuyên hương	05C.5
700	VD-24385-16	Cảm xuyên hương	05C.5
701	VD-24349-16	Comazil	05C.5
702	VD-16317-12	Cổm cảm xuyên hương	05C.5
703	VD-24305-16	Viên cảm cúm Foriphar	05C.5
704	V137-H12-13	Xuyên thảo hương	05C.5
705	VD-21497-14	Tiêu dao	05C.50
706	VD-16819-12	Carbogast	05C.51
707	VD-22725-15	Khu phong trừ thấp	05C.52
708	V706-H12-10	Tisore	05C.55.4
709	V731-H12-10	Độc hoạt tang ký sinh	05C.57.1
710	V265-H12-13	Phong thấp khải hà	05C.57
711	VD-21488-14	Độc hoạt tang ký sinh	05C.58.17
712	V220-H12-13	Phong tê thấp - HT	05C.58.35

713	V583-H12-10	Thuốc cảm Xuân Quang	05C.6
714	V198-H12-13	Phong tê thấp	05C.61.1
715	VD-23928-15	Phong tê thấp	05C.61.1
716	VD-24303-16	Phong tê thấp TW3	05C.62.1
717	V1232-H12-10	Rheumapain- F	05C.62.1
718	VD18103-12	Rheumapain- F	05C.62.2
719	V626-H12-10	Hoàn phong thấp	05C.64
720	V1574-H12-10	Hoàn phong thấp	05C.64
721	VD-23773-15	Altamin	05C.8.10
722	VD-22327-15	Cao phong thấp	05C.65
723	VD-16404-12	Viên phong thấp topphote	05C.67
724	VD-24522-16	Actiso	05C.7
725	VD-24104-16	CYNAPHYTOL	05C.7
726	VN-5680-10	Chophytol	05C.7
727	VD-10605-10	Hometex	05C.7
728	V314-H12-13	Hydan	05C.71.1
729	V1021-H12-10	Thấp Khớp Hoàn P/H	05C.73
730	VN-16075-12	Phong thấp hàn thống phiến	05C.75

731	V213-H12-13	Viên Độc Hoạt Tang ký sinh	05C.75
732	VD-24355-16	Tuzamin	05C.76.1
733	V702-H12-10	Siro Bỏ Tỷ P/H	05C.79
734	VD-24474-16	Boganic	05C.8.10
735	V77-H12-13	Kahagan	05C.8.2
736	VD-23617-15	Liverbil	05C.8.13
737	V826-H12-10	Đại Tràng Hoàn P/H	05C.80
738	VD-17056-12	H'tiên- Yba	05C.82.1
739	V5-H12-16	Bỏ tỷ - BSV	05C.82.16
740	V157-H12-13	Quy tỷ an thần hoàn P/H	05C.82.16
741	V882-H12-10	Quy tỷ an thần hoàn P/H	05C.82.16
742	V764-H12-10	Hoàn quy tỷ TW3	05C.82.16
743	V240-H12-10	Phalintop	05C.85
744	V123-H12-13	Sâm Nhung - HT	05C.166.2
745	VD-24094-16	Phalintop	05C.85

746	V1212-H12-10	Thuốc cam hàng Bạc	05C.86
747	VD-23887-15	Ampelop	05C.87
748	VD-23925-15	Chè dây	05C.87
749	VD-22469-15	Ridomaxkit	05C.87
750	VD-21324-14	Phì nhi đại bổ	05C.90.2
751	VD-22419-15	Cốm Bồ tỳ	05C.91.1
752	V588-H12-10	Dạ dày tá tràng - f	05C.93
753	VD-16067-11	Đại tràng HD	05C.94
754	VD-24477-16	Thuốc trị viêm đại tràng Tradin extra	05C.94
755	VD-13235-10	Tradin extra	05C.94
756	VD-16619-12	Folitat dạ dày	05C.95
757	VD-22484-15	Mật ong nghệ - MEDI	05C.97.1
758	V303-H12-13	Nghệ mật ong	05C.97.1
759	V304-H12-13	Nghệ mật ong	05C.97.1
760	VD-24411-16	Mekocurcuma	05C.97.3
761	VD-0125-06	Lyzatop	05C.98
762	GC-263-17	Garlicur .G	05C.115
763	GC-269-17	Chorlatcyn	05C.9
764	GC-270-17	Hoạt huyết kiện não	05C.127.1

765	NC54-H11-18	Somanimm	05C.178.1
766	V110-H12-18	Vixogan	05C.21
767	V115-H12-18	Đại bổ tâm thận tố	05C.161.1
768	V93-H12-16	An thần B/P	05C.82.16
769	V94-H12-16	Bổ tỳ Bảo Phương	05C.82.16
770	VD-25577-16	Hoàn Điều kinh bổ huyết	05C.201.1
771	VD-25578-16	Nhân sâm tam thất	05C.167
772	VD-25589-16	Sáng mắt	05C.205.13
773	VD-25590-16	Tumegas	05C.101
774	VD-25633-16	A.T Lục vị	05C.193.3
775	VD-25662-16	Thập toàn đại bổ A.T	05C.161.4
776	VD-25693-16	Hepsonic	05C.7
777	VD-25698-16	Viên nang cứng Ngọc Ty	05C.204
778	VD-25448-16	Thấp Khớp Hoàn P/H	05C.73

779	VD-24999-16	Siro Bỏ Tỳ P/H	05C.79
780	VD-25813-16	Hakobonaton	05C.21
781	VD-25814-16	Hoàn quy tỳ TW3	05C.82.16
782	VD-25817-16	Viên bách trĩ	05C.107.4
783	VD-25820-16	Gastro-max	05C.110
784	VD-25837-16	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
785	VD-25840-16	Thuốc cầm tiêu trĩ Safinarpluz	05C.188
786	VD-25841-16	Thuốc tiêu trĩ Tomoko	05C.188
787	VD-25857-16	Gaphyton S	05C.8.10
788	VD-25912-16	Viên nang lục vị	05C.193.3
789	VD-25923-16	Ích mẫu	05C.199.1
790	VD-25946-16	Đại tràng hoàn P/H	05C.80
791	VD-25947-16	Thuốc hen P/H	05C.152

792	VD-25953-16	Bát trân	05C.179.4
793	VD-25954-16	Fitôgra-F	05C.162
794	VD-25956-16	Hoạt huyết nhất nhất	05C.181.35
795	VD-25957-16	Bài thạch Usapha	05C.37.1
796	VD-25979-16	Ngân kiều giải độc	05C.32.3
797	VD-26055-17	Diệp hạ châu - BVP	05C.21
798	VD-26060-17	Độc hoạt tang ký sinh	05C.58.13
799	VD-26067-17	Diệp Hạ Châu	05C.21
800	VD-26069-17	Sáng mắt	05C.205.14
801	VD-26070-17	Thập Toàn Đại Bổ -HT	05C.161.3
802	VD-26073-17	Kim tiền thảo	05C.35
803	VD-26089-17	Ziber	05C.1

804	VD-26141-17	AN KHỚP VƯƠNG	05C.58.18
805	VD-26146-17	Dotasea Oral	05C.193.1
806	VD-26172-17	Kimazen bổ huyết điều kinh	05C.201.1
807	VD-26211-17	Viên đại tràng Inberco	05C.100.9
808	VD-26212-17	Viên mật ong nghệ Macumin	05C.97.1
809	VD-26237-17	Hoạt huyết dưỡng não Kimeri-F	05C.127.1
810	VD-26238-17	Hoạt huyết dưỡng não Kimeri-F	05C.127.1
811	VD-26244-17	Tinh dầu trầm Quảng Bình	05C.228.1
812	VD-26303-17	Hoàn bổ trung ích khí TW3	05C.107.4
813	VD-26304-17	Hoàn thập toàn đại bổ TW3	05C.161.4
814	VD-26313-17	Hoàn Thập toàn đại bổ	05C.161.3
815	VD-26327-17	Phong tê thấp	05C.58.14
816	VD-26328-17	Diệp Hạ Châu PV	05C.21

817	VD-26329-17	Hoạt huyết dưỡng não PV	05C.127.1
818	VD-26330-17	Ngân kiều giải độc PV	05C.32.4
819	VD-26335-17	Cao ích mẫu	05C.199.1
820	VD-26336-17	Diacso	05C.191
821	VD-26338-17	Massoft	05C.151
822	VD-26375-17	Hoa đà Thephaco	05C.143
823	VD-26376-17	Hometex	05C.7
824	VD-26452-17	Viên nang bát vị	05C.169.18
825	VD-26472-17	Xoang Gadoman	05C.214
826	VD-26493-17	Thập toàn đại bổ P/H	05C.161.3
827	VD-26506-17	Bổ trung ích khí	05C.107.7

828	VD-26512-17	Bát vị Nhất nhất	05C.169.23
829	VD-26513-17	Tai biến Nhất Nhất	05C.143
830	VD-26520-17	Thuốc uống Ma Hạnh	05C.155.4
831	VD-26546-17	Tùng lộc thanh nhiệt tán	05C.29
832	VN-20178-16	Alfokid Syrup	05C.151
833	VN-20238-17	Ivytus	05C.151
834	GC-282-17	Diệp hạ châu PMC	05C.21
835	GC-285-17	Ích mẫu điều kinh	05C.201.1
836	NC56-H09-19	Cốm trẻ việt	05C.106
837	V136-H12-18	Nhức Khớp Hoàn	05C.58.15

838	V152-H06-19	Phong thấp cốt thống cao	05C.58.13
839	V155-H06-19	Thấp khớp tê bại thủy	05C.58.21
840	VD-27677-17	Bổ trung ích khí SXH	05C.107.2
841	VD-27694-17	Phong tê thấp HD New	05C.70
842	VD-27700-17	Dưỡng tâm an thần	05C.131
843	VD-27723-17	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
844	VD-27957-17	Actiso	05C.7
845	VD-27990-17	Metrad	05C.26.2
846	VD-28105-17	An vị tràng TW3	05C.100.2
847	VD-28110-17	Trà gừng TW3	05C.1

848	VD-28129-17	Ngũ vị tử	05C.102
849	VD-28130-17	Tam thất	05C.191
850	VD-28155-17	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
851	VD-28159-17	Actiso PV	05C.7
852	VD-28161-17	Kim tiền thảo PV	05C.35
853	VD-28209-17	Đương quy di thực	05C.178.1
854	VD-28211-17	Tam thất DHĐ	05C.191
855	VD-28214-17	Viên nang ích mẫu	05C.199.1
856	VD-28261-17	Kim tiền thảo MKP Plus	05C.35
857	VD-28358-17	Kahagan	05C.8.10
858	VD-28359-17	Phong thấp Khải Hà	05C.58.14
859	VD-28360-17	Thập toàn đại bổ	05C.161.3
860	VD-28361-17	Viên nghệ mật ong	05C.101
861	VD-28442-17	Thuốc ho bách bộ P/H	05C.145

862	VD-28491-17	Fitôeye	05C.211.7
863	VD-28533-17	Nghệ mật ong tùng lộc	05C.97.1
864	VD-28534-17	Tùng lộc Helix	05C.151
865	VD-28579-17	Đại tràng kháng	05C.81
866	VD-28581-17	Thăng trĩ Nam Dược	05C.107.8
867	VD-28621-17	Crila	05C.117
868	VD-28653-18	Transda-S	05C.134.2
869	VD-28667-18	Bổ khí thông mạch K-Yingin	05C.128
870	VD-28712-18	Donosal extra	05C.125.1
871	VD-28749-18	Hepaexel	05C.15
872	VD-28763-18	Cao khô Trinh Nữ Hoàng Cung (1:10)	05C.117

873	VD-28771-18	Viên cảm cúm - BVP	05C.4.1
874	VD-28789-18	Dưỡng tâm an thần	05C.131
875	VD-28943-18	Thanh nhiệt tiêu độc Livergood	05C.44
876	VD-28954-18	Pharnanca	05C.17
877	VD-29019-18	Bách bộ tằm mật sao	05C.145
878	VD-29042-18	Ngũ vị tử tằm mật	05C.102
879	VD-29091-18	Quancardio	05C.125.1
880	VD-29242-18	Folitat dạ dày	05C.95

881	VD-29243-18	Hương liên Yba	05C.92
882	VD-29253-18	Kim tiền thảo	05C.35
883	VD-29254-18	Lục vị ẩm	05C.193.4
884	VD-29294-18	Lisimax Super	05C.21
885	VD-29381-18	Siro Mahota DHD	05C.155.2
886	VD-29389-18	An thần ích trí	05C.142
887	VD-29439-18	Đương qui dưỡng huyết cao Xuân Quang	05C.198
888	VD-29440-18	Ích mẫu dưỡng huyết Xuân Quang	05C.198
889	VD-29441-18	Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.2

890	VD-29442-18	Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.2
891	VD-29444-18	Tisore - Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.1
892	VD-29445-18	Dưỡng tâm kiện tỳ hoàn	05C.122
893	VD-29461-18	Gel dùng ngoài Mangizeni	05C.221
894	VD-29480-18	Cordygan - NBD	05C.8.9
895	VD-29527-18	Độc hoạt ký sinh	05C.58.13
896	VD-29529-18	Ngân kiều giải độc	05C.32.4

897	VD-29530-18	Bổ huyết ích não	05C.129
898	VD-29579-18	Diệp hạ châu Vạn xuân	05C.27
899	VD-29580-18	Superyin	05C.189.1
900	VD-29613-18	Tiêu dao-BVP	05C.50
901	VD-29615-18	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.3
902	VD-29620-18	Thanh nhiệt tiêu độc ATM	05C.49
903	VD-29626-18	Losotonic	05C.131
904	VD-29631-18	Hoàn bổ trung ích khí	05C.107.8

905	VD-29632-18	Hoàn phong tê thấp - HT	05C.58.35
906	VD-29635-18	Thấp khớp CD	05C.56
907	VD-29683-18	A.T Diệp hạ châu	05C.21
908	VD-29685-18	A.T hoạt huyết dưỡng	05C.127.1
909	VD-29745-18	Biosmartmin	05C.98
910	VD-29825-18	Mizho	05C.11
911	VD-29906-18	Viên bát trân Octupper	05C.179.4
912	VD-29915-18	Baby PV	05C.112
913	VD-29931-18	Granxic	05C.50

914	VD-30004-18	Đại bổ DHB	05C.161.3
915	VD-30063-18	Forvim - ngân kiều giải độc Xuân Quang	05C.33
916	VD-30071-18	Song hảo đại bổ tinh	05C.165
917	VD-30093-18	Bổ gan Trường Phúc	05C.14
918	VD-30137-18	Lục vị	05C.193.4
919	VD-30139-18	Nam Dược tiêu độc thủy	05C.16
920	VD-30212-18	Cao khô điệp hạ châu (1:10)	05C.21
921	VD-30304-18	Cao lỏng Actiso	05C.7
922	VD-30306-18	Dưỡng tâm an A.T	05C.126

923	VD-30307-18	Cao ích mẫu	05C.199.1
924	VD-30442-18	Bổ trung ích khí Nam Hà	05C.107.4
925	VD-30461-18	Quy tỳ dưỡng tâm OPC	05C.82.16
926	VD-30462-18	Viên hộ tâm Opcardio	05C.125.1
927	VD-30555-18	Viên ngân kiều TW3	05C.32.4
928	VD-30565-18	Bách bộ phiến	05C.145
929	VD-30643-18	Bổ tỳ HD	05C.78.2
930	VD-30743-18	Quy tỳ	05C.82.16

931	VD-30798-18	Quy tỳ an thần hoàn P/H	05C.82.16
932	VD-30800-18	Cổ tinh hoàn	05C.132
933	VD-30860-18	Bổ gan Nam Dược	05C.8.10
934	VD-30861-18	Bổ gan Nam Dược	05C.8.10
935	VN-20742-17	Pectolvan Ivy	05C.151
936	VN-21010-18	Kimixi Syrup	05C.151

PHỤ LỤC 06.1. DANH MỤC MÃ CHẾ PHẨM THUỐC (
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /12/2018 của

HOAT_CHAT	MA_DUONG_DUNG	DUONG_DUNG
Cao khô Diệp hạ châu (tương đương 2g Diệp hạ châu) 200mg, Cao khô Nhân trần (tương đương 2g Nhân trần) 180mg, Cao khô Bồ công anh (tương đương 1g Bồ công anh) 100mg	1.01	Uống
Cát cánh, cao khô Kim ngân hoa, cao khô Cam thảo, cao khô Kinh giới, cao khô Nguru bàng tử, cao khô Liên kiều, cao khô Đạm trúc diệp, tinh dầu Bạc hà	1.01	Uống
Cao khô rễ Đinh Lăng (tương đương 150mg rễ Đinh lăng) 15mg, Cao lá Bạch quả (tương đương 2400mg Bạch quả) 40mg	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo, Cao khô râu ngô	1.01	Uống
Cao khô Thục địa, Cao khô Hoài sơn, Cao khô Sơn thù, Cao khô Mẫu đơn bì, Cao khô Trạch tả, Cao khô Phục linh	1.01	Uống
Cao khô Hy thiêm, Cao khô Ngũ gia bì gai, Cao khô Thiên niên kiện, Cao khô Cẩu tích, Cao khô Thổ phục linh	1.01	Uống
Bạch chỉ, Kim ngân hoa, Cao khô Phòng phong, cao khô Hoàng cầm, cao khô Ké đầu ngựa, cao khô Hạ khô thảo, cao khô Cỏ hôi	1.01	Uống
Cao khô Diệp cá, Bột rau má	1.01	Uống
Cao khô Actiso, Bột rau má	1.01	Uống
Cao Đương quy, bột Đương quy, tinh dầu lá Đương quy	1.01	Uống
Cao khô Bồ bồ, TD. Bồ bồ	1.01	Uống
Bột Sp3	3.05	Dùng ngoài
Cao đặc (Nhân sâm, Bạch truật, Cam thảo, Đại táo, Bạch linh, Hoài sơn, Cát cánh, Sa nhân), bột dược liệu (bạch biển đậu, ý dĩ, Liên nhục)	1.01	Uống
Đương quy di thực	1.01	Uống
Bột Sp3	3.05	Dùng ngoài
Bột Sp3	3.05	Dùng ngoài
Cao khô bồ bồ, Tinh dầu bồ bồ	1.01	Uống
Cao đặc (tương ứng: nhân sâm 0,403g, bạch truật 0,403g, cam thảo 0,403g, bạch linh 0,403g, hoài sơn 0,403g, đại táo 0,301g, Cát cánh 0,201g, sa nhân 0,201g) 0,845g, bột dược liệu: bạch biển đậu 0,201g, ý dĩ 0,201g, liên nhục 0,201g	1.01	Uống

Men bia ép tinh chế	1.01	Uống
Thục địa, sơn thù, hoài sơn, trạch tả, bạch linh, mẫu đơn bì	1.01	Uống
Cao đặc đỉnh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm	1.01	Uống
Eucalyptol, Tinh dầu Long não	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, tinh dầu đinh hương, long não	3.05	Dùng ngoài
TD. Bạc hà, Menthol, TD. Đinh hương, TD. Quế, Long não	3.05	Dùng ngoài
Menthol, Methyl salicylat, TD. Bạc hà, TD. Thông, Quế	3.05	Dùng ngoài
Bột nghệ, Mật ong	1.01	Uống
Thục địa, hoài sơn, táo chua, thạch斛, củ sừng, tỳ giải	1.01	Uống
Menthol, Long não, Eucalyptol, Tinh dầu bạc hà, tinh dầu hương nhu trắng	3.05	Dùng ngoài
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Bạch chỉ, hương phụ, xuyên khung, quế, gừng, cam thảo	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Bò bò, Chi tử	1.01	Uống
Xuyên khung, bạch chỉ, cam thảo bắc, gừng, quế nhục, hương phụ	1.01	Uống
Menthol, TD. Bạc hà, TD. Đinh hương, TD. Quế	3.05	Dùng ngoài
Menthol, TD. Bạc hà, TD. Đinh hương, TD. Quế, Methyl salicylat	3.05	Dùng ngoài
Eucalyptol, Camphor	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, Methyl salicylat	3.05	Dùng ngoài
Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Viễn chí, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Cam thảo, Long nhãn, Đương quy, Mộc hương, Đại táo	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Bạc hà, cam thảo, kinh giới, Đạm trúc diệp, liên kiều, cát cánh	1.01	Uống
Bột nghệ, mật ong	1.01	Uống
Menthol, Tinh dầu Bạc hà, Tinh dầu Khuynh diệp, Hương Bạc hà	3.05	Dùng ngoài

Diệp hạ châu	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô trinh nữ hoàng cung	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Hà thủ ô đỏ, Thảo quyết minh, Đương qui, Hạ khô thảo	1.01	Uống
Menthol, tinh dầu bạc hà, tinh dầu tràm, methyl salicylat, tinh dầu long não, tinh dầu hương nhu trắng, tinh dầu quế, gừng	3.05	Dùng ngoài
Hương phụ, Cao ích mẫu, cao ngải diệp, Thục địa, Đương quy, Bột nghệ, Hà thủ ô đỏ, Đẳng sâm, Xuyên khung	1.01	Uống
Xuyên khung, bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo	1.01	Uống
Methyl salicylat, Menthol	3.05	Dùng ngoài
Menthol, TD. Quế, TD. Đinh hương, Methyl salicylat, Long não, TD. Hoa hồng	3.05	Dùng ngoài
Vỏ quít, Tạo giác, Long não, Xương bồ, Thương nhĩ tử	3.05	Dùng ngoài
Ma hoàng, khổ hạnh nhân, cam thảo, thạch cao	1.01	Uống
Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu bạc hà	1.01	Uống
Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo (Desmodium styracifolium)	1.01	Uống
Bột xuyên khung, bột bạch chỉ, bột hương phụ, bột quế, bột gừng, bột cam thảo bắc	1.01	Uống
Tinh dầu Bạc hà, tinh dầu thiên niên kiện, tinh dầu hương nhu, tinh dầu quế	3.05	Dùng ngoài
Tinh dầu tràm, long não tinh thể, tinh dầu đinh hương, tinh dầu Lavender	3.05	Dùng ngoài
Tinh dầu bạc hà, ment hol, tinh dầu khuynh diệp, tinh dầu đinh hương, long não	3.05	Dùng ngoài
Đương quy, Cao lá bạch quả	1.01	Uống
Bồ công anh, Kim ngân hoa, Sài đất, Thổ phục linh, Ké đầu ngựa, hạ khô thảo, Huyền sâm	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Tam thất, Thảo quyết minh, Kim ngân hoa, Cam thảo, Cúc hoa	1.01	Uống
Menthol, Methyl salicylat, tinh dầu khuynh diệp, long não	3.05	Dùng ngoài

Đương quy, Ngưu tất, Bạch thược, ích mẫu, Xuyên khung, Thục địa	1.01	Uống
Cao hoa hòe, Cao dừa cạn, Cao tâm sen, Cao cúc hoa.	1.01	Uống
Xuyên khung, bạch chỉ, cam thảo bắc, gừng, quế nhục, hương phụ	1.01	Uống
Hy thiêm, lá lốt, ngưu tất, thổ phục linh	1.01	Uống
cao đỉnh lăng, cao lá bạch quả	1.01	Uống
Xuyên khung, bạch chỉ, hương phụ, quế, gừng, cam thảo bắc	1.01	Uống
Dịch cất trầu không, vitamin E, tinh dầu bạc hà, menthol	3.05	Dùng ngoài
Cao khô Hồng hoa, Cao khô đương quy, Cao khô sinh địa, Cao khô sài hồ, Cao khô cam thảo, Cao khô xích thược, Cao khô xuyên khung, Cao khô chỉ xác, Cao khô ngưu tất, Cao khô cao bạch quả	1.01	Uống
Mã tiền chế, đương quy, đỗ trọng, ngưu tất, quế, thương truật, độc hoạt, thổ phục linh	1.01	Uống
Cao đặc đỉnh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Bột mã tiền chế, thương truật, hương phụ chế, mộc hương, địa liên, quế chỉ	1.01	Uống
Lạc tiên, Vông nem (lá), Sen (tâm)	1.01	Uống
Cao Tần giao, Cao Đỗ trọng, Bột Phòng phong, Bột Phục linh, Bột Xuyên khung, Bột Tục đoạn, Bột Hoàng kỳ, Cao Ngưu tất, Cao Độc hoạt, Bột Bạch thược, Bột Cam thảo, Bột Đương quy, Bột Thiên niên kiện	1.01	Uống
Bạch truật, bạch linh, viễn trí, long nhãn, đương qui, đảng sâm, hoàng kỳ, toan táo nhân, mộc hương, đại táo, cam thảo.	1.01	Uống
Bạch truật, bạch linh, viễn trí, long nhãn, đương qui, đảng sâm, hoàng kỳ, toan táo nhân, mộc hương, đại táo, cam thảo	1.01	Uống
Hoạt thạch, Cam thảo	1.01	Uống
Bột bèo hoa dâu	1.01	Uống
Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Sinh địa, Xa tiền tử, ý dĩ	1.01	Uống
Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Sinh địa, Xa tiền tử, ý dĩ	1.01	Uống
Bột bèo hoa dâu	1.01	Uống

Tinh dầu bạc hà, menthol, tinh dầu quế, tinh dầu đinh hương, long não	3.05	Dùng ngoài
Tinh dầu bạc hà, menthol, tinh dầu quế, tinh dầu đinh hương, long não	3.05	Dùng ngoài
Cao đặc Đinh lăng, Cao khô bạch quả	1.01	Uống
Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Tần giao, Bột bạch thược, Đương quy, Bột xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Độc hoạt	1.01	Uống
Bạch tật lê, mẫu đơn bì, sơn thù, bạch thược, đương quy, thạch quyết minh, câu kỷ tử, hoài sơn, cúc hoa, phục linh, trạch tả, thực địa	1.01	Uống
Cao tân di hoa, cao xuyên khung, cao thăng ma, bột bạch chỉ, cam thảo	1.01	Uống
Thực địa, hoài sơn, sơn thù, mẫu đơn bì, trạch tả, phục linh	1.01	Uống
Cao mềm diệp hạ châu	1.01	Uống
Cao mềm diệp hạ châu	1.01	Uống
Thực địa, Táo nhục, Củ sừng, Thạch học, Hoài sơn, Tỳ giải	1.01	Uống
Bạch truật, mộc hương, hoàng liên, cam thảo, bạch linh, đẳng sâm, thần khúc, trần bì, mạch nha, sơn tra, sơn dược, nhục đậu khấu, sa nhân.	1.01	Uống
Độc hoạt, phòng phong, tể tân, tần giao, tang ký sinh, đỗ trọng, ngưu tất, cam thảo, quế, đương quy, xuyên khung, bạch thược, can địa hoàng, nhân sâm, phục linh	1.01	Uống
Hương phụ chế, ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Thực địa, bạch thược chế, trạch tả, bạch linh chế, đương quy chế, thạch quyết minh chế, hoài sơn thù chế, sơn thù chế, tật lê chế, kỷ tử, cúc hoa, mẫu đơn bì	1.01	Uống
Thực địa, đẳng sâm chế, đương quy chế, hoàng kỳ chế, phục linh chế, bạch truật chế, xuyên khung chế, quế nhục, bạch thược chế, cam thảo chích	1.01	Uống
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Cao khô tổng hợp của Bạch thược, Đan sâm, Bạch mao căn, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Cam thảo, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	1.01	Uống
Bột Mộc Hương, bột Hoàng liên	1.01	Uống
Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy	1.01	Uống

Bạch phục linh, kha tử nhục, nhục đậu khấu, hoàng liên, mộc hương, sa nhân, gừng	1.01	Uống
Lạc tiên, vông nem, lá dâu.	1.01	Uống
Cao Đinh lăng, cao Ginkgo biloba	1.01	Uống
Cao actiso, cao biển súc, bột mịn bìm bìm	1.01	Uống
Bạc hà, bạch chỉ, hoàng kỳ, kim ngân hoa, phòng phong, tân di hoa, thương nhĩ tử, bạch truật	1.01	Uống
Bạc hà, Thanh hao, Địa liên, Thích gia đẳng, Kim ngân, Tía tô, Kinh giới	1.01	Uống
Bạch linh, cát cánh, tỳ bà diệp, tang bạch bì, ma hoàng, thiên môn, bạc hà diệp, bán hạ, cam thảo, bách bộ, mơ muối, phèn chua, tinh dầu bạc hà	1.01	Uống
Hương phụ chế, ích mẫu, ngải cứu	1.01	Uống
Xuyên khung, độc hoạt, phòng phong, ngưu tất, sinh địa, đẳng sâm, tang ký sinh, tề tân, tần giao, đương quy, bạch thược, đỗ trọng, cam thảo, bạch linh, quế nhục	1.01	Uống
Đẳng sâm, bạch truật, hoàng kỳ, cam thảo, bạch linh, viễn chí, toan táo nhân, long nhãn, đương quy, mộc hương, đại táo	1.01	Uống
Mã Tiên chế, Thương truật, Hương phụ tử chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi	1.01	Uống
Thục địa, hoài sơn, táo nhục, phụ tử chế, quế, phần tỳ giải, thạch học, củ sủng	1.01	Uống
ích mẫu, hương phụ chế, ngải cứu	1.01	Uống
hoài sơn, đơn bì, phụ tử chế, phục linh, quế, sơn thù, thục địa, trạch tả	1.01	Uống
hoài sơn, đơn bì, phục linh, sơn thù, thục địa, trạch tả	1.01	Uống
267 cao khô dược liệu (thục địa, đương qui, đẳng sâm, bạch truật, bạch thược, bạch linh, xuyên khung, cam thảo), bột mịn dược liệu (đương qui, bạch linh, bạch thược, xuyên khung, cam thảo)	1.01	Uống
Bạch chỉ, Đinh hương	3.05	Dùng ngoài
Tinh dầu bạc hà, tinh dầu thông, menthol, tinh dầu quế, tinh dầu đinh hương	3.05	Dùng ngoài
Đương qui, ích mẫu, ngưu tất, thục địa, xích thược, xuyên khung	1.01	Uống
Đẳng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Viễn chí, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Cam thảo, Long nhãn, Đương quy, Mộc hương, Đại táo	1.01	Uống
Tinh dầu trầm gió	3.05	Dùng ngoài

Câu kỷ tử, thạch quyết minh, thực địa, bạch tật lê, bạch linh, sơn thù du, mẫu đơn bì, hoài sơn, cúc hoa, trạch tả, đương quy, bạch thược	1.01	Uống
Cao Actiso, cao Biền súc, Bột Bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Nhân sâm, trần bì, hà thủ ô, đại táo, hoàng kỳ, cam thảo, đương quy, thăng ma, táo nhân, bạch truật, sài hồ, bạch thược	1.01	Uống
Cao mộc hoa trắng	1.01	Uống
Bạch chỉ, Hương phụ, Cam thảo, Xuyên khung, Quế, Gừng	1.01	Uống
Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Phòng đẵng sâm, Mộc hương bắc, Ô tặc cốt, Cam thảo bắc	1.01	Uống
Men bia ép tinh chế	1.01	Uống
Hy thiêm, ngũ gia bì chân chim, bột mã tiền chế, đường trắng	1.01	Uống
Ma hoàng chế, cát cánh chế, xạ can chế, mạch môn chế, bán hạ chế, bách bộ chế, tang bạch bì chế, trần bì chế, tinh dầu bạc hà, đường trắng	1.01	Uống
Menthol, eucalyptol, methyl salicylat, long não, tinh dầu lavender, dầu parafin và chlorophyll	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, tinh dầu đinh hương, eucalyptol, methyl salicylat, long não, tinh dầu lavender, dầu parafin và Chlorophyll	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, eucalyptol, tinh dầu đinh hương, Methylsalicylat, Long não, tinh dầu hoa hồng, dầu parafin và chlorophyll	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, eucalyptol, long não, tinh dầu đinh hương, tinh dầu quế, tinh dầu thông, Methylsalicylat, tinh dầu hoa hồng, caramel và dầu parafin	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, eucalyptol, Methylsalicylat, Long não, tinh dầu Lavander, dầu parafin	3.05	Dùng ngoài
Thực địa, đương qui, đảng sâm, bạch truật, phục linh, bạch thược, xuyên khung, cam thảo	1.01	Uống
Tinh dầu bạc hà, Menthol, camphor, tinh dầu hương nhu	3.05	Dùng ngoài
Cao Bạch quả, Cao Đinh lăng	1.01	Uống
Cao khô diệp hạ châu, lá khô diệp hạ châu	1.01	Uống
Bạch truật, Nguu tất, Nghệ, Hòe hoa	1.01	Uống
đảng sâm, bạch truật, sài hồ, thăng ma, cam thảo, hoàng kỳ, đương qui, đại táo, trần bì, gừng	1.01	Uống
methyl salicylate, tinh dầu thông, menthol, camphor	3.05	Dùng ngoài

ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Nhân trần, Uất kim, Hoàng cầm, Kim tiền thảo, Bình lang, Chi thực, Hậu phác, Mộc hương, Bạch mao căn, Đại hoàng	1.01	Uống
Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Cao mộc hoa trắng	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Ma nhân, khô hạnh nhân, đại hoàng, chi thực, hậu phác, bạch thực, mật ong...	1.01	Uống
Độc hoạt, xuyên khung, thực địa, ngư tử, đương quy, phục linh, tề tân, tang ký sinh, bạch thực, đỗ trọng, tần giao, phòng phong, quế chi, cam thảo	1.01	Uống
Nhân trần, long đởm, trạch tả, đại hoàng, sinh địa, đương quy, mạch môn, chi tử, hoàng cầm, cam thảo	1.01	Uống
Thực Địa, Sơn thù, Trạch tả, Hoài sơn, Phục linh, Mẫu đơn bì	1.01	Uống
Đảng sâm, đại táo, hoàng kỳ, bạch truật, cam thảo, sài hồ, thăng ma, trần bì, đương qui, gừng	1.01	Uống
Thực địa, hoài sơn, sơn thù, mẫu đơn bì, trạch tả, phục linh	1.01	Uống
Bạch thực, bạch truật, cam thảo, diệp hạ châu, đảng sâm, đương quy, nhân trần, phục linh, trần bì	1.01	Uống
Bạch truật, mộc hương, hoàng liên, cam thảo, bạch linh, đảng sâm, thần khúc, trần bì, sa nhân, mạch nha, sơn tra, hoài sơn, nhục đậu khấu	1.01	Uống
Mã tiền chế, đương quy, đỗ trọng, ngư tử, quế chi, thương truật, độc hoạt, thỏ phục linh	1.01	Uống
Nghệ vàng	1.01	Uống
Menthol, Tinh dầu Bạc Hà, Camphor, Tinh dầu Quế, Tinh dầu Đinh hương	3.05	Dùng ngoài
Eucalyptol, Tinh dầu thông, Camphor	3.05	Dùng ngoài
Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu gồm Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh, Bột mịn dược liệu gồm Đương qui, Đảng sâm, Cát cánh, Đan sâm, Phục thần	1.01	Uống
cao khô dược liệu tương đương diệp hạ châu, Bột mịn dược liệu Diệp hạ châu	1.01	Uống
Cao khô lá bạch quả, Đinh lăng khô	1.01	Uống
cao khô kim tiền thảo, bột mịn kim tiền thảo	1.01	Uống

Tinh dầu bạc hà, tinh dầu tràm, menthol, tinh dầu long não, tinh dầu hương nhu trắng, tinh dầu quế, tinh dầu gừng	3.05	Dùng ngoài
Trần bì, Cát cánh, Tiễn hồ, Tô diệp, Tử uyển, Tang bạch bì, Tang diệp, Thiên môn, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ), Bột mịn dược liệu (Hương phụ, ích mẫu, Ngải cứu)	1.01	Uống
Độc hoạt, Tần giao, Phòng phong (Radix Saposhnikoviatae divaricatae), Tang ký sinh, Đỗ trọng, Đương quy, Thục địa, Ngưu tất, Xuyên khung, Nhân sâm, Bạch linh, Bạch thược, Tế tân, Quế nhục, Cam thảo, Mật ong	1.01	Uống
Menthol, Camphor, Methyl Salicylat	3.05	Dùng ngoài
Cao actiso, sài đất, thương nhĩ tử, kim ngân cuống, hạ khô thảo	1.01	Uống
Đảng sâm, bạch linh, bạch truật, cam thảo bắc, trần bì, bán hạ chế, sa nhân, mộc hương	1.01	Uống
Bạch truật, cam thảo bắc, hoàng kỳ chích, nhân sâm, sài hồ, thăng ma, trần bì, đương qui, can khương, đại táo	1.01	Uống
Bạch truật, cam thảo bắc, nhân sâm, đương qui, hoàng kỳ, mộc hương, nhân nhục, phục thần, táo nhân, viễn trí	1.01	Uống
Mật ong, Bột nghệ	1.01	Uống
Diệp hạ châu, tam thất, hoàng bá, mộc hương, quế nhục	1.01	Uống
Bột bèo hoa dâu	1.01	Uống
Phòng đẳng sâm, thương truật, hoài sơn, hậu phác, mộc hương bắc, ô tặc cốt, cam thảo bắc	1.01	Uống
Cao actiso, sài đất, thương nhĩ tử, kim ngân hoa, hạ khô thảo	1.01	Uống
Hoắc hương, tía tô, bạch chỉ, bạch linh, đại phúc bì, thương truật, hậu phác, trần bì, cam thảo, bán hạ chế, cát cánh, gừng khô	1.01	Uống
Lá sen, lá vông, lạc tiên, tâm sen, bình vôi	1.01	Uống
Địa liên, Riềng ẩm, Thiên niên kiện, Huyết giác, Đại hồi, Quế chi, Ô đầu, tinh dầu Long não	3.05	Dùng ngoài
Nhân sâm, Tam thất	1.01	Uống
Bột nghệ, Mật ong	1.01	Uống
Menthol, Long não, Eucalyptol, Methyl salicylat	3.05	Dùng ngoài

Hy thiêm, Thiên niên kiện	1.01	Uống
Diệp hạ châu, bồ bồ, chi tử, natri benzoat	1.01	Uống
Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi	1.01	Uống
Diệp hạ châu, nhân trần, bồ công anh	1.01	Uống
Bạch chi, phòng phong, hoàng cầm, ké đầu ngựa, hạ khô thảo, cỏ hôi, kim ngân hoa	1.01	Uống
Tinh dầu bạc hà, menthol, methyl salicylat, long não, tinh dầu khuynh diệp, tinh dầu quế, tinh dầu đinh hương, tinh dầu hương nhu, tinh dầu thông	3.05	Dùng ngoài
Menthol, tinh dầu bạc hà, long não, tinh dầu khuynh diệp, Methyl salicylat, tinh dầu quế, tinh dầu đinh hương, tinh dầu hương nhu, tinh dầu thông	3.05	Dùng ngoài
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao đặc Đan sâm, Tam thất	1.01	Uống
Thực địa, hoài sơn, sơn thù, mẫu đơn bì, trạch tả, phục linh	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Bột nghệ, Mật ong	1.01	Uống
Thực địa, hoài sơn, táo nhục, phụ tử chế, quế, phần tỳ giải, thạch học, củ sừng	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Menthol, TD. bạc hà, TD. Tràm, Methylsalicylat, TD. Long não, TD. Hương nhu trắng, TD. quế, Gừng	3.05	Dùng ngoài
Cao khô Kim tiền thảo, Cao khô Râu ngô	1.01	Uống
Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế	1.01	Uống
Menthol, tinh dầu Bạc hà, tinh dầu Quế, tinh dầu Đinh hương, Camphor	3.05	Dùng ngoài
Cao đặc Đan sâm, Tam thất	1.01	Uống
Cao Chè dây	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống

Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Thương truật, hậu phác, trần bì, cam thảo, gừng	1.01	Uống
Hoài sơn, Sơn thù, mẫu đơn bì, thục địa, trạch tả, phục linh	1.01	Uống
Ké đầu ngựa, tân di hoa, bạch chỉ, bạc hà, hoàng kỳ, bạch truật, phòng phong, kim ngân hoa	1.01	Uống
Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Bá tử nhân, Hắc táo nhân, Lá dâu, Lá vông, Long nhãn	1.01	Uống
Eucalyptol, tinh dầu tràm, tinh dầu gừng, tinh dầu tần, menthol	1.01	Uống
cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Húng chanh, núc nác, cineol	1.01	Uống
Bột mịn nhân sâm, bột mịn tam thất	1.01	Uống
Nhân sâm, Đương qui, bạch truật, bạch thược, phục linh, xuyên khung, cam thảo, thục địa	1.01	Uống
Rotundin, Cao khô lá sen, Cao khô lá vông	1.01	Uống
Cao khô bạch quả, cao đặc đinh lăng	1.01	Uống
Cao actiso, cao biển súc, bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao actiso, cao biển súc, bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao actiso, cao biển súc, bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao lỏng râu mèo, cao lỏng actiso, dung dịch sorbitol	1.01	Uống

Phòng phong, tể tân, quế chi, độc hoạt, xuyên khung, đương quy, tang ký sinh, bạch thược, cam thảo, sinh địa, bạch linh, tần giao, ngư tẩu, đỗ trọng, đẳng sâm	1.01	Uống
Thương nhĩ tử, tân di hoa, phòng phong, bạch truật, hoàng kỳ, bạc hà, bạch chỉ	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao lá sen, cao lá vông, cao lạc tiên, cao trinh nữ	1.01	Uống
Cao Đinh lăng, cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao actiso, Cao biển súc, Cao bìm bìm biếc	1.01	Uống
Rotundin, Cao lá sen, Cao lá vông	1.01	Uống
Hoài sơn, đậu ván trắng, ý dĩ, sa nhân, mạch nha, trần bì, nhục đậu khấu, đẳng sâm, liên nhục	1.01	Uống
Cao mềm xuyên tâm liên 100mg tương đương 1g dược liệu	1.01	Uống
Cao mềm xuyên tâm liên 100mg tương đương 1g dược liệu	1.01	Uống
Cao nghệ tương đương 400mg bột nghệ khô, mật ong 50mg	1.01	Uống
Cao đan sâm, cao tam thất	1.01	Uống
Cao dứa gai, cao rau đắng, cao artichaut	1.01	Uống
Cao khô trinh nữ hoàng cung	1.01	Uống
Bột xuyên khung, bột bạch chỉ, bột hương phụ, bột quế, bột cam thảo, bột gừng	1.01	Uống
Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phụ linh, Trạch tả	1.01	Uống
Thực địa, hoài sơn, đương quy, cao đặc trạch tả, cao đặc hà thủ ô đỏ, cao đặc thảo quyết minh, cúc hoa.	1.01	Uống
Hương phụ, Ngải cứu, ích mẫu	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Tinh dầu gừng	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, cao khô Ginkgo biloba	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao Pygeum africanum	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, cao Bạch quả	1.01	Uống

Cao đan sâm, cao tam thất, Borneol	1.01	Uống
Cao khô dược liệu gồm Kim ngân, Liên kiều, Cát cánh, Đạm đậu xị, Nguru bàng tử, Kinh giới, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Bạc hà, Bột mịn dược liệu gồm Kim ngân, Liên kiều, Nguru bàng tử, Cam thảo	1.01	Uống
Cao Bạch quả, Cao đặc đinh lăng	1.01	Uống
Cao Bạch quả, Cao đặc đinh lăng	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao mật lợn, Tỏi khô, than hoạt tính	1.01	Uống
Cao đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Trạch tả, thực địa, thảo quyết minh, hoài sơn, hạ khô thảo, hà thủ ô, cúc hoa	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Liên kiều, bạc hà, cam thảo, kinh giới, đạm đậu xị, nguru bàng tử, cát cánh, đạm trúc diệp	1.01	Uống
Thực địa, đương qui, bạch thược, xuyên khung, cao đặc ích mẫu, cao đặc ngải cứu, hương phụ chế	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Hà thủ ô đỏ, Thảo quyết minh, Đương qui, Hạ khô thảo	1.01	Uống
Cao đặc actisô	1.01	Uống
Địa liên, riềng, thiên niên kiện, huyết giác, đại hồi, quế chi, ô đầu, camphora	3.05	Dùng ngoài
Bìm bìm biếc, phan tả diệp, đại hoàng, chỉ xác, cao mật	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao chè dây	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biền súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống
Đảng sâm, hoàng kỳ, đương quy, bạch truật, thăng ma, sài hồ, trần bì, cam thảo, sinh khương, đại táo	1.01	Uống
Hoa hòe, Dừa cạn, Cúc hoa, Cỏ ngọt, Tâm sen	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống

Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Eucalyptol, tinh dầu trầm, tinh dầu gừng, tinh dầu tần	1.01	Uống
Cao đương qui, cao khô Ginkgo biloba	1.01	Uống
Mộc hương, ngô thù du, bạch thực, berberin clorid	1.01	Uống
Cao chè dây	1.01	Uống
Cao đặc diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Bột Didicera (Đương quy, Xuyên khung, Phòng phong, Tế tân, Quế chi, Độc hoạt) 326mg, cao đặc hỗn hợp (Bạch thực, Cam thảo, Sinh địa, Bạch linh, Đảng sâm, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất) 245mg	1.01	Uống
Cao diệp hạ châu	1.01	Uống
Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế, Đinh hương	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, Cao khô lá bạch quả	1.01	Uống
Hoài sơn, Sơn thù, mẫu đơn bì, thục địa, trạch tả, phục linh, phụ tử chế, quế	1.01	Uống
Cao actiso	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao khô lá bạch quả	1.01	Uống
Cao ích mẫu, Cao ngải cứu, Cao hương phụ	1.01	Uống
Menthol, Cam phor, tinh dầu Đinh hương, tinh dầu Quế, tinh dầu Tràm	3.05	Dùng ngoài
Eucalyptol, Tinh dầu trầm, menthol, tinh dầu tần, tinh dầu gừng	1.01	Uống
Cao đặc Kim tiền thảo, cao đặc Râu mèo	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, cao đặc Biển súc, Bìm bìm	1.01	Uống
Sài hồ, đương quy, bạch thực, bạch truật, bạch linh, cam thảo, bạc hà, sinh khương	1.01	Uống
Cao bạch quả, cao đinh lăng	1.01	Uống

Tinh dầu trầm trà	3.05	Dùng ngoài
Cao khô trinh nữ hoàng cung	1.01	Uống
Hoài sơn, Cao khô hỗn hợp của: Liên nhục, Liên tâm, Bá tử nhân, Hắc táo nhân, Lá dâu, Lá vông, Long nhãn	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống
Bột hoàng liên, Bột Vân mộc hương, Bột Đại hồi, Bột Sa nhân, Bột Quế, Bột Đinh hương	1.01	Uống
Cao điệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Cao ginkgo biloba, cao đinh lăng	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà), Bột mịn dược liệu (Bạch linh, Đương quy, Bạch chi)	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Berberin, Mộc hương	1.01	Uống
Cao khô của Kim tiền thảo, Nhân trần, Hoàng cầm, Nghệ, Bình lang, Chi thực, Hậu phác, Bạch mao căn, Mộc hương, Đại hoàng	1.01	Uống
Xuyên khung, Bạch chi, Hương phụ, Quế nhục, Can khương, Cam thảo bắc	1.01	Uống
Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, cao đặc biển súc, bột bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, cao đặc biển súc, cao đặc bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo, cao khô râu ngô	1.01	Uống
Cao đặc câu đằng, cao đặc hạ khô thảo, cao đặc mao căn, cao đặc linh chi, cao đặc ích mẫu	1.01	Uống
Gừng	1.01	Uống
Cao đặc điệp hạ châu	1.01	Uống
Cao xương hỗn hợp, hoàng bá, tri mẫu, trần bì, bạch thược, can khương, thực địa	1.01	Uống

Ngưu tất, Nghệ, Rutin	1.01	Uống
Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Bá tử nhân, Hắc táo nhân, Lá dâu, Lá vông, Long nhãn	1.01	Uống
Cao đặc cỏ sữa lá to, cao đặc hoàng đằng, cao đặc măng cụt	1.01	Uống
Thục địa, táo nhục, khiếm thực nam, thạch học, hoài sơn, phân tỳ giải	1.01	Uống
Cao Chè dây	1.01	Uống
Cao actisô	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao đặc Biển súc, Bột bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao khô tô mộc	1.01	Uống
Sinh địa, Đảng sâm, Đương quy, Mạch Môn, Thiên môn, Táo nhân, Bá tử nhân, Đan sâm, Phục thần, Huyền sâm, Viễn chí, Cát cánh, Ngũ vị tử	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Bột mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì chân chim	1.01	Uống
Cao đặc điệp hạ châu 10:1 (tương đương 1g điệp hạ châu) 0,1g	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Trạch tả, Phục linh	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Bạch thược, Phục linh, Bạch truật, Quế nhục, Cam thảo, Thục địa, Đảng sâm, Xuyên khung, Đương quy, Hoàng kỳ	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Mộc hoa trắng	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
cao đặc (Bạch linh, Bạch truật), cao đặc (Đảng sâm, Bán hạ chế, Sa nhân, Cam thảo, Trần bì, Mộc hương)	1.01	Uống
Tinh dầu Bạc hà, tinh dầu tràm, Camphor, tinh dầu quế, tinh dầu Hương nhu, Methyl salicilat	3.05	Dùng ngoài

Eucalyptol, Tinh dầu trầm, Menthol, tinh dầu Tần, tinh dầu Gừng	1.01	Uống
Cao đặc (thực địa, Sơn thù, Mẫu đơn bì, trạch tả, Hoài sơn, Phục linh), Bột kép (mẫu đơn bì, hoài sơn, Phục linh)	1.01	Uống
Mộc hoa trắng	1.01	Uống
Eucalyptol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao đặc Rau đắng đất, Cao đặc Bìm bìm	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao đặc Rau đắng đất, Cao đặc Bìm bìm	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao đặc Rau đắng đất, Cao đặc Bìm bìm	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo (tương đương 1000mg Kim tiền thảo) 90mg, Cao khô hỗn hợp (Nhân trần, Hoàng cầm, Nghệ, Bình lang, Chỉ thực, Hậu phác, Bạch mao căn) 230mg, Mộc hương 100mg, Đại hoàng 50mg	1.01	Uống
Nha đam tử, Berberin clorid, cao tỏi, cao khô Mộc hương, Cát căn	1.01	Uống
Cao khô Actiso, Cao khô Râu mèo	1.01	Uống
Cao cồn nghệ, Trần bì, cao mật heo	1.01	Uống
Bột mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì chân chim, Tam thất	1.01	Uống
Cao đặc qui về khan (tương ứng với: thực địa 73,5mg, hoài sơn 66mg, sơn thù 60,5mg, trạch tả 44,75mg, phụ tử chế 15,12mg) 40,5mg, Bột kép (thực địa 5,25mg, hoài sơn 6mg, sơn thù 5,5mg, mẫu đơn bì 48,75mg, trạch tả 4mg, phục linh 48,75mg, quế nhục 16,5mg,	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc Slaska (tương ứng với Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Cam thảo, Thạch cao)	1.01	Uống
Tinh dầu lá quế, Tinh dầu quế, Tinh dầu sả, Tinh dầu thông, Dầu ớt, Bột huyết rồng, Methyl Salicylate	3.05	Dùng ngoài
Cao khô của các dược liệu (Tế tân, Tang ký sinh, Độc hoạt, Phòng Phong, Bạch thược, Đỗ trọng, Bạch linh, Quế, Tần giao, Xuyên khung, Ngưu tất, Đương quy, Thực địa, Đảng sâm, Cam thảo)	1.01	Uống

Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao lỏng (1:5) của hỗn hợp dược liệu (Xuyên bối mẫu, Tỳ bà lá, Sa sâm, Phục linh, Trần bì, Cát cánh, Bán hạ, Ngũ vị tử, Qua lâu nhân, Viễn chí, Khổ hạnh nhân, Gừng, Mơ muối, Cam thảo) 537,5mg	1.01	Uống
Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu 150mg (tương đương Kim ngân 284mg, Liên kiều 284mg, Cát cánh 240mg, Đạm đậu xị 200mg, Ngưu bàng tử 180mg, Kinh giới 160mg, Đạm trúc điệp 160mg, Cam thảo 140mg, Bạc hà 24mg, Bột mịn dược liệu gồm Kim ngân 116mg, Liên kiều 1	1.01	Uống
Cao khô lá tươi Actiso (tương đương với 2500mg lá tươi actiso) 100mg, Cao khô Diệp hạ châu (tương đương 400mg Diệp hạ châu) 50mg, Cao khô Rau đắng đất (tương đương với 500mg Rau đắng đất) 81,5mg, Cao khô Bìm bìm biếc (tương đương 85mg Bìm bìm biếc)	1.01	Uống
Cao đặc rễ đinh lăng 10:1 (tương đương 1500mg đinh lăng) 150mg, Cao bạch quả 40mg	1.01	Uống
Bột tỏi (tương ứng với củ tỏi 1500mg) 462mg, Cao nghệ (tương ứng với củ nghệ 100mg) 12mg	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao đặc diệp hạ châu	1.01	Uống
Lá Actiso	1.01	Uống
Mỗi 100ml siro được chiết xuất từ các dược liệu: Bách bộ 5g, Tỳ bà điệp 2,6g, Bán hạ 1,5g, Tang bạch bì 1,5g, Cát cánh 1,366g, Bạc hà 1,333g, Mơ muối 1,126g, Thiên môn 0,966g, Bạch linh 0,72g, Cam thảo 0,473g, Ma hoàng 0,525g, Phèn chua 0,166g, Tinh dầu	1.01	Uống
cao lỏng được chiết từ các dược liệu khô (Ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ)	1.01	Uống
Cao lỏng hỗn hợp (tương ứng với 1g Đảng sâm, 0,3g Hoàng kỳ, 0,3g Đương quy, 0,3g Bạch truật, 0,3g Thăng ma, 0,3g Sài hồ, 0,3g Trần bì, 0,3g Cam thảo, 1,02g Đại táo, 0,12g Sinh khương) 0,21g	1.01	Uống
Cao lỏng hỗn hợp (tương ứng với Đảng sâm 0,63g, Bạch truật 0,42g, Phục linh 0,33g, Cam thảo 0,33g, Đương quy 0,42g, Xuyên khung 0,33, Bạch thược 0,42g, Thục địa 0,63g, Hoàng kỳ 0,63g, Quế nhục 0,42g) 0,2g	1.01	Uống
Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Cao đặc Actiso	1.01	Uống

Cao đặc Actiso (tương đương 1000mg lá Actiso) 100mg, Cao đặc Rau đắng đất (tương đương 750mg rau đắng đất) 75mg, Bột Bìm bìm biếc 75mg	1.01	Uống
Cao khô đỉnh lăng (tương đương 1,44g rễ đỉnh lăng) 120mg, Cao khô lá bạch quả (tương đương trên 10,8mg Ginkgo flavonoid) 50mg	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (tương đương 1,01g dược liệu gồm: Đảng sâm 160mg, Bạch truật 110mg, Phục linh 110mg, Cam thảo 30mg, Đương quy 110mg, Xuyên khung 80mg, Bạch thược 110mg, Thục địa 160mg, Hoàng kỳ 110mg, Quế nhục 30mg) 101mg	1.01	Uống
Cao đặc hỗn hợp (tương đương với 1,01g dược liệu gồm: Đảng sâm 160mg, Bạch truật 110mg, Phục linh 110mg, Cam thảo 30mg, Đương quy 110mg, Xuyên khung 80mg, Bạch thược 110mg, Thục địa 160mg, Hoàng kỳ 110mg, Quế nhục 30mg) 101mg	1.01	Uống
Đảng sâm, Bạch truật, Phục linh, Cam thảo, Đương quy, Xuyên khung, Bạch thược, Thục địa, Hoàng kỳ, Quế nhục	1.01	Uống
Mỗi 4g hoàn chứa: Thục địa 540mg, Bạch thược chế 200mg, Trạch tả 200mg, Bạch linh chế 200mg, Đương quy chế 200mg, Thạch quyết minh chế 260mg, Hoài sơn chế 260mg, Sơn thù chế 260mg, Bạch tật lê chế 200mg, Kỳ tử 200mg, Cúc hoa 200mg, Mẫu đơn bì 200mg	1.01	Uống
Bạch linh, Bán hạ chế, Mơ muối, Cam thảo, Lá bạc hà, Bạch phân, Tinh dầu bạc hà, Mạch môn, Bách bộ, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng	1.01	Uống
Hồng hoa, Hà thủ ô đỏ, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa	1.01	Uống
Cao đặc rễ đỉnh lăng, Cao khô bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc rễ đỉnh lăng, Cao khô bạch quả	1.01	Uống
Hỗn hợp cao khô dược liệu (tương ứng: Trạch tả 206mg, Hoài sơn 247mg, Hạ khô thảo 50mg, Cúc hoa 112mg, Thục địa 206mg, Thảo quyết minh 286mg, Hà thủ ô 221mg) 255mg, bột Đương quy 160mg 255mg	1.01	Uống
Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu 280mg tương đương: Thục địa 800mg, Hoài sơn 344mg, Sơn thù 344mg, Trạch tả 300mg, Phục linh 300mg, Mẫu đơn bì 244mg, Quế 36,67mg, Phụ tử chế 16,67mg, Bột mịn dược liệu gồm: Hoài sơn 56mg, Sơn thù 56mg, Mẫu đơn bì 56mg, Phụ	1.01	Uống

Chỉ thực 480mg, Hoàng liên 440mg, Bán hạ 290mg, Mạch nha 290mg, Hậu phác 250mg, Bạch linh 250mg, Nhân sâm 230mg, Bạch truật 230mg, Cam thảo 187,3mg, Can khương 187,3mg, Bột mịn được liệu gồm: Nhân sâm 60	1.01	Uống
Cao khô được liệu (Hoàng liên, Mộc hương, Ngô thù du), Bột mịn được liệu (Hoàng liên)	1.01	Uống
Cao khô được liệu (Hoàng liên, Mộc hương, Ngô thù du), Bột mịn được liệu (Hoàng liên)	1.01	Uống
Cao khô được liệu (Hải mã, Lộc nhung, Hồng sâm, Quế nhục), Bột mịn được liệu (Hồng sâm, Quế nhục)	1.01	Uống
Tinh dầu bạc hà, Cao khô được liệu (Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử), Bột mịn được liệu (Bạch chỉ)	1.01	Uống
Cao khô được liệu 250mg tương đương: Bạch linh 432mg, Bạch truật 268,7mg, Đảng sâm 250mg, Bán hạ chế 216mg, Sa nhân 173mg, Cam thảo 151mg, Trần bì 146,3mg, Mộc hương 91mg, Gừng tươi 22mg, Bột mịn được liệu gồm: Bạch truật 163,3mg, Mộc hương	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo, Bột mịn Kim tiền thảo	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Trạch tả, Phục linh, Mẫu đơn bì, Bột mịn được liệu gồm: Hoài sơn 100mg, Sơn thù 100mg, Mẫu đơn bì 52mg	1.01	Uống
Cao khô được liệu tương đương: Bạch truật, Viễn chí, Long nhãn, Bạch linh, Đương quy, Đảng sâm, Toan táo nhân, Hoàng kỳ, Mộc hương, Đại táo, Cam thảo, Bột mịn được liệu	1.01	Uống
Camphor, Tinh dầu bạc hà, Eucalyptol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu đinh hương	3.05	Dùng ngoài
Cao khô điệp hạ châu (tương đương 1660mg điệp hạ châu) 250mg	1.01	Uống
Mỗi 100ml cao lỏng chứa các chất được chiết từ các dược liệu khô sau: Cam thảo, Phục linh, Táo nhân, Tri mẫu, Xuyên khung	1.01	Uống

Cao khô dược liệu (Kim ngân hoa, Ké đầu ngựa)	1.01	Uống
Cao khô lá Bạch quả, Cao khô rễ Đinh lăng	1.01	Uống
Cao đặc hỗn hợp các dược liệu (Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi)	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (tương đương 2g Actiso) 200mg, Cao đặc Rau đắng đất (tương đương 1,5g Rau đắng đất) 150mg, Cao đặc Bìm bìm biếc (tương đương 0,15g Bìm bìm biếc) 15mg	1.01	Uống
Đương quy, Sinh địa, Xuyên khung, Ngưu tất, Ích mẫu	1.01	Uống
Cao đặc kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao đặc đan sâm, Bột tam thất	1.01	Uống
Sa nhân 1,2g, Liên nhục 1,2g, Hoài sơn 0,8g, Mạch nha 0,8g, Ý dĩ 0,8g, Cao các dược liệu (tương đương với Đảng sâm 3,4g, Bạch truật 3,4g, Bạch linh 3,4g, Cát cánh 2,0g, Cam thảo 1,6g, Trần bì 1,6g) 3,0g	1.01	Uống
Mỗi viên hoàn mềm chứa: Xa tiền tử 85mg, Nhục quế 15mg, Hoài sơn 55mg, Cao đặc các dược liệu (tương đương với Thục địa 112mg, Sơn thù 56mg, Phục linh 42mg, Mẫu đơn bì 42mg, Trạch tả 42mg, Ngưu tất 42mg, Phụ tử chế 14mg) 70mg, Mật ong vđ 1 viên	1.01	Uống
Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu	1.01	Uống
Cao khô lá tươi Actiso (tương đương với 2500mg lá tươi actiso) 100mg, Cao khô Diệp hạ châu (tương đương 400mg Diệp hạ châu) 50mg, Cao khô Rau đắng đất (tương đương với 500mg Rau đắng đất) 81,5mg, Cao khô Bìm bìm biếc (tương đương 85mg Bìm bìm biếc)	1.01	Uống
Cao đặc Đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Thục địa, Đương quy, Đảng sâm, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung, Cam thảo), Bột dược liệu: Bạch linh	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Thục địa, Sơn thù, Trạch tả), Bột dược liệu (Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Phục linh)	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Tân di hoa, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo), Bột dược liệu: Bạch chi	1.01	Uống

Kim tiền thảo, Râu mèo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo 10:1 (tương đương 2g kim tiền thảo) 200mg	1.01	Uống
Bạch thược, Bạch linh, Bạch truật, Quế, Cam thảo, Thục địa, Đảng sâm, Xuyên khung, Đương quy, Hoàng kỳ	1.01	Uống
Ma hoàng chế, Cát cánh chế, Xạ can chế, Mạch môn chế, Bán hạ chế, Bách bộ chế, Tang bạch bì chế, Trần bì chế, Tinh dầu bạc hà	1.01	Uống
Bạch thược, Bạch linh, Bạch truật, Quế, Cam thảo, Thục địa, Đảng sâm, Xuyên khung, Đương quy, Hoàng kỳ	1.01	Uống
Cao khô toàn phần chiết từ các dược liệu khô (Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược)	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo (tương đương 2063mg kim tiền thảo) 165mg	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu đắng (tương ứng với 500mg Diệp hạ châu đắng) 120mg	1.01	Uống
Đảng sâm, Bạch truật, Phục linh, Cam thảo, Đương quy, Xuyên khung, Bạch thược, Thục địa, Hoàng kỳ, Quế nhục	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Phục linh, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Trạch tả	1.01	Uống
Dịch chiết lá xoài	3.05	Dùng ngoài
Cao đặc hỗn hợp các dược liệu (tương ứng với: Đảng sâm 0,63g, Bạch truật 0,42g, Phục linh 0,33g, Cam thảo 0,33g, Đương quy 0,42g, Xuyên khung 0,33g, Bạch thược 0,42g, Thục địa 0,63g, Hoàng kỳ 0,63g, Quế nhục 0,42g): 456mg	1.01	Uống
Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Bồ công anh, Nhân trần tía, Nghệ, Thương nhĩ tử, Sinh địa, Cam thảo	1.01	Uống
Rotundin, Cao lá sen, Cao lá vông	1.01	Uống
Men bia ép tinh chế	1.01	Uống
Cao Tỏi, Cao Nghệ	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống

Riềng, Thiên niên kiện, Địa liền, Đại hồi, Huyết giác, Ô đầu, Quế nhục, Tinh dầu long não	3.05	Dùng ngoài
Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương	1.01	Uống
Cao ginkgo biloba, Cao đinh lăng	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ), Bột mịn dược liệu gồm (Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu)	1.01	Uống
Cao khô của các dược liệu (Thục địa, Đương quy, Bạch linh, Đảng sâm, Xuyên khung, Bạch thược, Cam thảo, Bạch truật), Bột Xuyên khung, Bột Đương quy	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Cao khô toàn phần chiết từ các dược liệu khô (Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Thục địa, Trạch tả, Phục linh)	1.01	Uống
Cao khô actisô	1.01	Uống
Cao đặc actiso, Hạt bìm bìm biếc, Cao khô rau đắng đất	1.01	Uống
Cao khô huyết giác (tương đương 4g Huyết giác) 0,28g	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Hy thiêm, Lá lốt, Nguru tất, Thổ phục linh)	1.01	Uống
Cao khô Bìm bìm, Cao khô Artiso, Cao khô Rau đắng đất	1.01	Uống
Tinh dầu bạc hà, Eucalyptol, Camphor	3.05	Dùng ngoài
Thương truật 2,4g, Hậu phác 1,2g, Trần bì 1,2g, Cam thảo 1,2g, Sinh khương 0,12g	1.01	Uống
Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương	1.01	Uống

Hoài sơn, Cao khô liên tâm, Cao khô liên nhục, Cao khô bá tử nhân, Cao khô hắc táo nhân, Cao khô hỗn hợp Dưỡng tâm an thần (tương ứng với Lá dâu 91,25mg, Lá vông 91,25mg, Long nhãn 91,25mg)	1.01	Uống
Cao khô điệp hạ châu 180mg tương ứng Diệp hạ châu 3g	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (tương đương 1000mg lá Actiso) 100mg, Cao đặc Rau đắng đất (tương đương 562,5mg rau đắng đất) 75mg, Bột Bìm bìm 75mg	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (1:10) (tương ứng 2g Actiso) 200mg, Cao đặc Rau đắng đất (1:10) (tương ứng 1,5g Rau đắng đất) 150mg, Cao đặc Bìm bìm (1:10) (tương ứng 0,16g Bìm bìm) 16mg	1.01	Uống
Cao khô lá Chè dây (tương đương với 2,5g lá chè dây) 250mg	1.01	Uống
Cao đặc Đan sâm, bột Tam thất	1.01	Uống
Cao khô dược liệu 280mg tương đương Thực địa 800mg, Hoài sơn 344mg, Sơn thù 344mg, Trạch tả 300mg, Phục linh 300mg, Mẫu đơn bì 244mg, Quế 36,67mg, Phụ tử chế 16,67mg, Bột mịn dược liệu gồm: Hoài sơn 56mg, Sơn thù 56mg, Mẫu đơn bì 56mg, Phục linh	1.01	Uống
Tinh dầu bạc hà, Menthol, Camphor, Tinh dầu hương nhu	3.05	Dùng ngoài
Cao khô dược liệu 155mg tương đương Diệp hạ châu 2800mg, Bột mịn điệp hạ châu 200mg	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô dược liệu 220mg tương đương Kim tiền thảo 3400mg, Bột mịn kim tiền thảo 100mg	1.01	Uống
Cao đặc điệp hạ châu	1.01	Uống
Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Bột Diệp hạ châu đắng, Cồn nghệ	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống

Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng	1.01	Uống
Cao mềm kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao đặc Actisô, bột Bìm bịp, cao Biển súc	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nồi	1.01	Uống
Tinh dầu bạch hà, eucalyptol, camphor	3.05	Dùng ngoài
Bình vôi, sen lá, lạc tiên, vòng nem lá, trinh nữ	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao biển súc, Cao bìm bịp	1.01	Uống
Ma hoàng, khổ hạnh nhân, cam thảo, thạch cao	1.01	Uống
Kim tiền thảo 1200mg (tương đương 84mg cao khô)	1.01	Uống
Kim tiền thảo 1,5g tương đương 120mg cao khô	1.01	Uống
Kim tiền thảo 1,5g tương đương 120mg cao khô	1.01	Uống
Cao khô bìm bìm, cao khô astiso, cao khô biển súc	1.01	Uống
Bột Cóc, sơn tra, hạt sen, thực địa, ý dĩ, hoài sơn, tricalci phosphat, kẹo mạch nha, mật ong	1.01	Uống
Bột nghệ, Mật ong	1.01	Uống
Hải sâm	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống
Cao đặc Đan sâm, bột Tam thất	1.01	Uống
Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thực, Can khương	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống
Bột xuyên khung, bột bạch chỉ, bột quế nhục, bột gừng, bột hương phụ, bột cam thảo bắc	1.01	Uống

Bột điệp hạ châu	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo, cao râu mèo	1.01	Uống
Tinh dầu tỏi, Tinh dầu nghệ	1.01	Uống
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thực, Can khương	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo	1.01	Uống
ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Cao hoa hòe, Cao dừa cạn, Cao tâm sen, Cao cúc hoa.	1.01	Uống
Hoài sơn, liên nhục, liên tâm, bá tử nhân, toan táo nhân, lá dâu, vông nem, long nhãn	1.01	Uống
Methyl salysilat, Menthol, Camphor, tinh dầu trầm	3.05	Dùng ngoài
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Bột rau má, Cao actiso	1.01	Uống
Eucalyptol, tinh dầu trầm, menthol, tinh dầu tần, tinh dầu gừng.	1.01	Uống
Cao đặc Đan sâm, Tam thất	1.01	Uống
Cao hòe giác, Cao phòng phong, Cao đương quy, Cao chỉ xác, Cao hoàng cầm, Cao địa du	1.01	Uống
Cao đặc Đan sâm, Tam thất	1.01	Uống
Cao Actiso, Cao Biển súc, Cao Bìm bìm	1.01	Uống

Cao đặc Đinh lăng, Cao khô Bạch quả	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao Đinh lăng, Cao Bạch quả	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol	1.01	Uống
ma hoàng, quế chi, hạnh nhân, cam thảo	1.01	Uống
Ích mẫu, hương phụ, ngải cứu	1.01	Uống
Cao kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao bình vôi, Cao mimosa (tương ứng với: lá sen 180mg, lạc tiên 600mg, lá vông nem 600mg, trinh nữ 638mg)	1.01	Uống
Thương truật, trần bì, hậu phác, bạch chỉ, phục linh, đại phúc bì, bán hạ, cao cam thảo...	1.01	Uống
Eucalyptol, tinh dầu tràm, tinh dầu gừng, tinh dầu tần, menthol	1.01	Uống
Cao đặc Ích mẫu, Cao đặc Hương phụ, Cao đặc Ngải cứu	1.01	Uống
Phần hoa cải dầu (Rape Pollen)	1.01	Uống
Cao đặc actiso	1.01	Uống
Đương quy, xuyên khung, bạch thược, thực địa hoàng, câu đằng, kê huyết đằng, hạ khô thảo, quyết minh tử, trần châu mẫu, diên hồ sách, tể tân	1.01	Uống
Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ và dầu đậu nành 300mg, (Tương ứng: phần không xà phòng hóa dầu quả bơ 100mg, phần không xà phòng hóa dầu đậu nành 200mg)	1.01	Uống
Đan sâm, tam thất, Borneol tổng hợp	1.01	Uống
Xuyên tâm liên	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân	1.01	Uống
Bột Mã tiền chế, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật	1.01	Uống

Cao khô tổng hợp của Bạch thược, Đan sâm, Bạch mao căn, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Cam thảo, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	1.01	Uống
Ngưu nhĩ phong, La liễu	1.01	Uống
Bột tỏi (tương ứng với củ tỏi 1500mg) 462mg, Cao nghệ (tương ứng với củ nghệ 100mg) 12mg	1.01	Uống
Cát cánh, cao khô Kim ngân hoa, cao khô Cam thảo, cao khô Kinh giới, cao khô Ngưu bàng tử, cao khô Liên kiều, cao khô Đạm trúc diệp, tinh dầu Bạc hà	1.01	Uống
Nhân sâm, Thuỷ Diệt, Toàn Yết, Xích Thược, Thuyền Thoái, Thổ miết trùng, Ngô công, Đan hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toan táo nhân, Băng phiến	1.01	Uống
Tinh dầu trầm	3.05	Dùng ngoài
Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	1.01	Uống
Mộc hương, Berberin	1.01	Uống
Nghệ vàng	1.01	Uống
Ngũ vị tử	1.01	Uống
Đảng sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Đương quy, Trần bì, Đại táo, Cam thảo	1.01	Uống
Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo	1.01	Uống
Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Sinh khương, Đại táo	1.01	Uống
Hoàng kỳ, Cam thảo, Bạch truật, Trần bì, Thăng ma, Sài hồ, Đương quy, Nhân sâm, Đại táo, Sinh khương Bột mịn được liệu gồm: Hoàng kỳ, Cam thảo, Đương quy, Nhân sâm	1.01	Uống
Bạch truật, Hoàng kỳ, Cam thảo, Sài hồ, Đại táo, Thăng ma, Đảng sâm, Trần bì, Đương quy, Gừng.	1.01	Uống
Bột Đương quy, Bột thăng ma, Bột Sài Hồ, Bột Trần Bì, Bột Hoàng Kỳ, Bột Đảng Sâm, Bột cam thảo, Bột Bạch truật, Cao dược liệu (Gừng tươi; Đại táo)	1.01	Uống

Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương qui, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân	1.01	Uống
Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương	1.01	Uống
Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương	1.01	Uống
Cao khô trình nữ hoàng cung	1.01	Uống
Lá trình nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thực, Nhục quế	1.01	Uống
Xích đồng nam, Ngây hương, Thục địa, Hoài sơn, Đơn bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	1.01	Uống
Xuyên bối mẫu, Đại hoàng, Diên hồ sách, Bạch cập, Ô tặc cốt, Cam thảo	1.01	Uống
Cao khô dược liệu tương đương Xuyên tâm liên, Bột mịn dược liệu xuyên tâm liên	1.01	Uống
Cao khô dược liệu tương đương Đan sâm, Tam thất, Bột mịn dược liệu gồm Tam thất, Đan sâm	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Borneol	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Borneol	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Borneol	1.01	Uống
Cao Đan Sâm, Cao Tam Thất, Borneol	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Borneol	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Camphor	1.01	Uống
Đan sâm, Tam thất, Băng phiến tổng hợp	1.01	Uống
Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	1.01	Uống
Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen	1.01	Uống
Đinh lăng, Bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao lá bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao khô lá bạch quả, Cao khô rễ đinh lăng	1.01	Uống

Cao đặc rễ đinh lăng, Cao khô lá bạch quả	1.01	Uống
Cao đặc rễ đinh lăng, Cao lá bạch quả	1.01	Uống
Cao đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao khô đinh lăng, Cao bạch quả	1.01	Uống
Cao khô đinh lăng, Cao khô bạch quả	1.01	Uống
Cao khô lá Bạch quả, Cao khô rễ đinh lăng	1.01	Uống
Cao khô chiết xuất từ lá bạch quả, Cao đặc đinh lăng,	1.01	Uống
Cao khô lá bạch quả, Cao đặc rễ đinh lăng	1.01	Uống
Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	1.01	Uống
Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Hắc táo nhân, Long nhãn.	1.01	Uống
Cao bình vôi, Lá sen, Lạc tiên, lá vông nem, Trinh nữ	1.01	Uống
Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh	1.01	Uống
Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	1.01	Uống
Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	1.01	Uống
Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	1.01	Uống
Toan táo nhân, Đương quy, Hoài sơn, Nhục thung dung, Kỷ tử, Ngũ vị tử, Ích trí nhân, Hồ phách, Thiên trúc hoàng, Long cốt, Xương bồ, Thiên ma, Đan sâm, Nhân sâm, Trắc bách diệp	1.01	Uống
Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngô thù du, Ngũ vị tử, Bã đậu phỉ	1.01	Uống

Bạch Linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Cam thảo, Mơ muối, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà	1.01	Uống
Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà.	1.01	Uống
Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà	1.01	Uống
Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà, Bàng sa	1.01	Uống
Cao khô Bồ bồ, Tinh dầu Bồ bồ	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân	1.01	Uống
Ma hoàng, Bán hạ, Ngũ vị tử, Tỳ bà diệp, Cam thảo, Tế tân, Can khương, Hạnh nhân, Bối mẫu, Trần bì	1.01	Uống
Ma hoàng, Khổ hạnh nhân, Quế Chi, Cam thảo	1.01	Uống
Ma hoàng, Hạnh nhân, Quế chi, Cam thảo	1.01	Uống
Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	1.01	uống
Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	1.01	Uống
Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Tang bạch bì, Tang diệp, Thiên môn, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol	1.01	Uống
Tỳ bà lá, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang Bạch Bì, Thiên môn đông, Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol	1.01	Uống
Đảng sâm, Thục địa, Bạch truật, Bạch linh, Bạch thược, Hoàng kỳ, Đương quy, Xuyên khung, Quế nhục, Cam thảo	1.01	Uống
Bột bạch thược, Bột bạch truật, Bột cam thảo, Bột đương Quy, Cao đảng sâm, Bột phục Linh, Bột quế, Bột thục địa, Bột xuyên Khung, Cao Hoàng kỳ	1.01	Uống

Đương quy, Bạch truật, Đảng sâm, Quế nhục, Thực địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	1.01	Uống
Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Thực địa, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Quế nhục.	1.01	Uống
Nấm linh chi, Đương quy	1.01	Uống
Cao khô được liệu 150mg tương đương: Nấm linh chi, Đương quy, - Bột mịn được liệu gồm Nấm linh chi, Đương quy	1.01	Uống
Lộc giác giao, Thực địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đỗ trọng, Đương quy, Câu kỷ tử/Kỷ tử, Thỏ ty tử, Quế nhục, Phụ tử chế/Hắc phụ	1.01	Uống
Nhân sâm, Lộc nhung, Đương quy, Đỗ trọng, Thực địa, Phục linh, Ngưu tất, Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Nhục thung dung, Sơn thù, Bạch truật, Kim anh, Nhục quế, Cam thảo.	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Trạch tả, Phục linh, Mẫu đơn bì, Quế nhục, Phụ tử chế, Bột mịn được liệu: Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phụ tử chế, Quế nhục	1.01	Uống
Cam Thảo, Bạch Mao Căn, Bạch Thược, Đan Sâm, Bản Lam Căn, Hoắc Hương, Sài Hồ, Liên Kiều, Thần Khúc, Chi Thực, Mạch Nha, Nghệ	1.01	Uống
Thực địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế	1.01	Uống
Bột bèo hoa dâu	1.01	Uống
Bột chiết bèo hoa dâu	1.01	Uống
Bột chiết bèo hoa dâu	1.01	Uống
Bột chiết bèo hoa dâu	1.01	Uống
Thiên ma, Câu đằng, Dạ giao đằng, Thạch quyết minh, Sơn chi, Hoàng cầm, Ngưu tất, Đỗ trọng, Ích mẫu, Tang ký sinh, Bạch phục linh, Hòe hoa	1.01	Uống
Thiên ma, Câu đằng, Dạ giao đằng, Thạch quyết minh, Sơn chi, Hoàng cầm, Ngưu tất, Đỗ trọng, Ích mẫu, Tang ký sinh, Bạch phục linh, Hòe hoa	1.01	Uống
Cao khô lá dâu tằm	1.01	Uống

Bột Đương Quy, Cao đặc dược liệu	1.01	Uống
Đương quy, Ngưu tất, Ích mẫu, Sinh địa, Xuyên khung, Đan Sâm	1.01	Uống
Bột Đương quy, Cao đặc các dược liệu (tương đương với Đương quy, Sinh địa, Xuyên khung, Ngưu tất, Ích mẫu, Đan sâm)	1.01	Uống
Đương quy, Thục địa, Bạch thược, Xuyên khung, Ngưu tất, Cao đặc ích mẫu	1.01	Uống
Hải sâm	1.01	Uống
Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	1.01	Uống
Cao đặc dược liệu tương đương với Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử	1.01	Uống
Huyết giác	1.01	Uống
Huyết giác	1.01	Uống
Hồ lô giác, Phòng Phong, Đương quy, Chỉ xác, Hoàng cầm, Địa du	1.01	Uống
Quy bản, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu	1.01	Uống
Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỷ tử, Bạch linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, Thạch cao	1.01	Uống
Bột tam thất	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Bạch linh, Trạch tả	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Bạch linh, Mẫu đơn bì, Trạch tả	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	1.01	Uống
Thục địa, Hoài sơn, Phấn tỳ giả, Táo nhục, Thạch học, Khiếm thực.	1.01	Uống

Thực địa, Hoài sơn, Phần tỳ giả, Táo nhục, Thạch hộc, Khiếm thực.	1.01	Uống
Hoài sơn, Rễ củ gai, Hương phụ, Ngải cứu, Sa nhân, Thực địa, Tía tô ngành, Tục đoạn, Trần bì, Cao xương tổng hợp	1.01	Uống
Cao khô ích mẫu, Cao khô ngải cứu, Cao khô Hương phụ	1.01	Uống
Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu.	1.01	Uống
Cao lỏng chứa dịch chiết các dược liệu: Ích mẫu, Hương phụ chế, Ngải cứu	1.01	Uống
Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	1.01	Uống
Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Hương phụ, Ích mẫu, Ngải cứu	1.01	Uống
Cao khô gừng tương ứng gừng tươi, Bột mịn gừng khô (Can khương)	1.01	Uống
Thực địa, Đương quy, Hà thủ ô, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải diệp, Hương phụ, (Nghệ), (Đảng sâm).	1.01	Uống
Thực địa, Mẫu đơn bì, Hoài sơn, Bạch linh, Trạch tả, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đương quy, Bạch thược, Bạch tật lê, Thạch quyết minh, Sơn thù	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Trạch tả, Phục linh, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đương qui, Bạch thược, Bạch tật lê, Thạch quyết minh	1.01	Uống
Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	3.05	Dùng ngoài
Bột Sp3	5.07	Xịt mũi
Tân di hoa, Xuyên khung, Thăng ma, Bạch chi, Cam thảo	1.01	Uống
Diệp Hạ Châu	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu, Bột mịn diệp hạ châu	1.01	Uống
Diệp hạ châu	1.01	Uống

Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Diệp hạ châu	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Trạch tả, Phục linh, Câu kỷ tử, Cúc hoa	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Hà thủ ô đỏ, Thảo quyết minh, Đương quy, Hạ khô thảo	1.01	Uống
Thực địa, Hoài sơn, Đương quy, Cao đặc trạch tả, Cao đặc hà thủ ô đỏ, Cao đặc thảo quyết minh, Cao đặc cúc hoa, Cao đặc hạ khô thảo	1.01	Uống
Thực địa, Sơn thù, Trạch tả, Mẫu đơn bì, Câu kỷ tử, Hoài sơn, Phục linh, Cúc hoa	1.01	Uống
Thương nhĩ tử, Tân di hoa, Phòng phong, Bạch truật, Hoàng kỳ, Bạc hà, Bạch chỉ	1.01	Uống
Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng kỳ, Bạch truật, Tân di hoa, Bạc hà, Kim ngân hoa, Thương nhĩ tử,	1.01	Uống
Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạc hà, Bạch truật, Kim ngân hoa, Bột bạch chỉ	1.01	Uống
Thương nhĩ tử, Tân di hoa, Cỏ hôi, Bạch chỉ, Tế tân, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Cát cánh, Sài hồ bắc, Bạc hà, Hoàng cầm, Chi tử, Phục linh	1.01	Uống
Camphor/Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, (Methol)	3.05	Dùng ngoài
Camphor/Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, (Methol)	3.05	Dùng ngoài
Tinh dầu bạc hà, Menthol, Camphor, Tinh dầu hương nhu	3.05	Dùng ngoài
Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salicylat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng)	3.05	Dùng ngoài
Ô đầu, Methyl salicylat, Mã tiền, Thiên niên kiện, Quế, Hồi, Huyết giác, Tinh dầu long não	3.05	Dùng ngoài

Diệp hạ châu, Cỏ nhọ nồi, Nhân trần, Râu bấp	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nồi, Râu ngô, Kim ngân hoa, Nghệ	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Cao Nhân trần, Cao Cỏ nhọ nồi, Râu bấp kim ngân hoa, Nghệ.	1.01	Uống
Diệp hạ châu, Cao Nhân trần, Cao Cỏ nhọ nồi, Râu bấp kim ngân hoa, Nghệ.	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Ngưu bàng tử, Cam thảo, Đạm đậu xị, Kinh giới, Đạm trúc diệp, Bạc hà.	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng	1.01	Uống
Kim ngân hoa, Nhân trần, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo.	1.01	Uống
Kim tiền thảo.	1.01	Uống
Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo tương đương Kim tiền thảo, Bột mịn Kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo	1.01	Uống
Cao Kim Tiền Thảo	1.01	Uống
Kim tiền thảo, Trạch tả, Đường kính trắng.	1.01	Uống
Bạc hà, Thanh hao, Địa liên, Thích gia đẳng, Kim ngân hoa, Tía tô, kinh giới	1.01	Uống
Thanh cao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đẳng, Bạc hà	1.01	Uống
Bồ công anh, Cúc hoa, Kim ngân, Cam thảo, Actiso, Nhân trần.	1.01	Uống
Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Kim ngân hoa, Cam thảo, Actiso.	1.01	Uống
Nhân trần, long đởm, trạch tả, đại hoàng, sinh địa, đương quy, mạch môn, chi tử, hoàng cầm, cam thảo	1.01	Uống

Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chi, Cam thảo	1.01	Uống
Xuyên khung, Bạch chi, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	1.01	Uống
Bột Xuyên khung, Bột Bạch chi, Hương phụ, Bột Quế nhục, Bột cam thảo, Bột Gừng	1.01	Uống
Xuyên khung, Bạch chi, Hương phụ, Quế nhục, Sinh khương, Cam thảo bắc	1.01	Uống
Xuyên khung, Bạch chi, Hương phụ, Quế nhục, Sinh khương, Cam thảo bắc	1.01	Uống
Bạch chi, Hương phụ, Xuyên khung, Gừng, Quế nhục, Cam thảo	1.01	Uống
Bạch chi, Hương phụ, Xuyên khung, Gừng, Quế, Cam thảo	1.01	Uống
Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà. Bột mịn được liệu gồm: Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo	1.01	Uống
Than hoạt, Cao cam thảo, Calci carbonat, Tricalci phosphate.	1.01	Uống
Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương	1.01	Uống
Đỗ trọng, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế, Cam thảo	1.01	Uống
Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung	1.01	Uống
Độc hoạt, Tang ký sinh, Phòng phong, Tần giao, Tế tân, Quế chi, Ngưu tất, Đỗ trọng, Đương qui, Bạch thược, Cam thảo, Xuyên khung, Sinh địa, Đảng sâm, Bạch linh	1.01	Uống
Tang ký sinh, Địa hoàng, Bạch thược, Đỗ trọng, Đảng sâm, Phục linh, Ngưu tất, Tần giao, Quế nhục, Phòng phong, Xuyên khung, Độc hoạt, Tế tân, Cam thảo, Đương quy	1.01	Uống
Độc hoạt, Phòng phong, Tế tân, Tần giao, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Cam thảo, Quế, Đương quy, Xuyên khung, Bạch thược, Can địa hoàng, Nhân sâm, Phục linh.	1.01	Uống

Xuyên khung, Khương hoạt, bạch chỉ, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân	1.01	Uống
Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác,	1.01	Uống
Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác	1.01	Uống
Hà thủ ô đỏ, Cao đặc hỗn hợp các dược liệu (Hy thiêm, Thổ phục linh, Thiên niên kiện, Huyết giác, Thương nhĩ tử, Hà thủ ô đỏ, Phấn phòng kỷ)	1.01	Uống
Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ, Thiên niên kiện, Huyết giác.	1.01	Uống
Cao khô dược liệu tương đương: Hy thiêm, Thương nhĩ tử, Dây đau xương, Thổ phục linh, Hà thủ ô đỏ chế, Thiên niên kiện, Huyết giác, Bột mịn dược liệu gồm: Hà thủ ô đỏ chế, Thổ phục linh, Hy thiêm	1.01	Uống
Hy thiêm, Ngưu tất, Ngũ gia bì, Quế chi, Sinh địa, Cẩu tích	1.01	Uống
Hy thiêm, ngưu tất, ngũ gia bì, Quế nhục, Sinh địa, Cẩu tích	1.01	Uống
Cao Actiso, cao khô Rau đắng đất, cao khô hạt bìm bìm biếc	1.01	Uống
Hy thiêm, Thiên niên kiện	1.01	Uống
Huy Thiêm, Lá lốt, Ngưu tất, Thổ phục linh	1.01	Uống
Cao khô Actiso, Bột mịn dược liệu Actiso	1.01	Uống
Actiso	1.01	Uống
Cao khô lá Actiso (Cynara Scolymus)	1.01	Uống
Actiso	1.01	Uống
Hy thiêm, Ngũ gia bì chân chim, Bột mã tiền chế	1.01	Uống
Cao tần giao, Cao đỗ trọng, Cao ngưu tất, Cao độc hoạt, Bột Phòng phong, Bột Phục linh, Bột xuyên khung, Bột Tục đoạn, Bột hoàng kỳ, Bột bạch thược, Bột cam thảo, Bột đương quy, Bột thiên niên kiện	1.01	Uống
Thanh phong đằng, Quế chi, độc hoạt, Khương hoạt, Ngưu tất, Tang ký sinh, Phục linh, Tần giao, Lộc nhung, Uy linh tiên, ý dĩ nhân, Đẳng sâm, Hoàng kỳ, Câu kỷ tử, Bạch truật, Đương quy, Xích thược, Mộc hương, Diên hồ sách, Hoàng cầm.	1.01	Uống

Thanh phong đẳng, Quế chi, Độc hoạt, Khương hoạt, Ngưu tất, Tang ký sinh, Phục linh, Tần giao, Lộc nhung, Uy linh tiên, Ý dĩ nhân, Đẳng sâm, Hoàng kỳ, Câu kỷ tử, Bạch truật, Đương quy, Xích thực, Mộc hương, Diên hồ sách, Hoàng cầm.	1.01	Uống
Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Đương quy, Ngưu tất, Thiên niên kiện, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Bột bạch thực, Bột xuyên khung	1.01	Uống
Đẳng Sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cát cánh, Mạch nha, Cam thảo, Long nhãn, Trần bì, Liên nhục, Sa nhân, Sủi quân tử, Bán hạ	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao đặc Rau đắng đất, Cao đặc Bìm bìm biếc	1.01	Uống
Cao đặc Actiso, Cao biển súc, Bìm bìm biếc	1.01	Uống
Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm biếc, Diệp hạ châu.	1.01	Uống
Bạch truật, Hoàng liên, Cam thảo, Trần bì, Hoài sơn, Hoàng đẳng, Mộc hương, Đẳng sâm, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực	1.01	Uống
Bạch truật, Hoàng Kỳ, Đẳng sâm, Phục thần, Mộc Hương, Toan táo nhân, Đương qui, Viễn Trí, Trích Cam thảo	1.01	Uống
Đẳng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Viễn chí, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Cam thảo, Long nhãn, Đương quy, Mộc hương, Đại táo	1.01	Uống
Bột bạch truật, Bột Bạch Linh, Bột viễn chí, Bột mộc hương, Bột đương quy, Bột Hoàng Kỳ, Cao được liệu (tương đương với: Đẳng Sâm, Táo nhân, Đại táo, Long nhãn, Cam thảo)	1.01	Uống
Bột đẳng Sâm, Bột Hoàng Kỳ, Bột Bạch Linh, Bột táo nhân, Bột mộc hương, Bột đại táo, Bột bạch truật, Bột cam thảo, Bột viễn chí, Bột đương quy, Long nhãn	1.01	Uống
Bạch truật, Bạch linh, hoàng kỳ, Táo nhân, Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, Long nhãn, Đại táo.	1.01	Uống
Cam thảo, Đẳng sâm, Dịch chiết men bia	1.01	Uống
Nhân sâm, Nhung hươu, Cao ban long.	1.01	Uống
Cam thảo, Đẳng sâm, Dịch chiết men bia.	1.01	Uống

Cát lâm sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiếm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sủi quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cốc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch biển đậu.	1.01	Uống
Chè dây	1.01	Uống
Cao khô chè dây, Bột mịn chè dây	1.01	Uống
Cao đặc chè dây	1.01	Uống
Cóc khô, Ý dĩ, Hạt sen, Hoài sơn, Sơn tra, Thực địa, Mạch nha, Mật ong, Tricalci phosphat	1.01	Uống
Hoài sơn, Đậu ván trắng, Ý dĩ, Sa nhân, Mạch nha, Trần bì, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Liên nhục.	1.01	Uống
Phèn chua, Mai mực, Huyền hồ sách	1.01	Uống
Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch truật, Bạch thược	1.01	Uống
Cao cam thảo, Cao hoàng liên, Cao kha tử, Cao bạch thược, Bột mộc hương, Bột bạch truật	1.01	Uống
Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch truật, Bạch thược	1.01	Uống
Lá khô, Khổ sâm, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Ô tặc cốt	1.01	Uống
Mật ong, Nghệ	1.01	Uống
Nghệ, Mật ong,	1.01	Uống
Nghệ, Mật ong,	1.01	Uống
Nghệ khô; mật ong	1.01	Uống
Men bia ép tinh chế	1.01	Uống
Bột củ tỏi; Bột thân rễ nghệ	1.01	Uống
Cao mật lợn khô; Tỏi khô; Cao đặc Actisô (tương đương 1000mg Actisô) ; Than hoạt tính	1.01	Uống
Cao khô lá Bạch quả (tương đương 12mg flavonoid toàn phần); Cao đặc rễ Đinh lăng (tương đương 1,5 gam rễ Đinh lăng)	1.01	Uống

Bột Angala (tương đương 15 gam rễ củ cây đương quy di thực)	1.01	Uống
Bột Diệp hạ châu đắng (tương đương 36g Diệp hạ châu đắng)	1.01	Uống
Bạch thược; Bạch truật; Cam thảo; Hoàng kỳ; Đương quy; Nhân sâm; Quế nhục; Phục linh; Thực địa; Xuyên khung	1.01	Uống
Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với các dược liệu sau: Đảng sâm 2g; Bạch truật 2g; Viễn chí 1,5g; Hoàng kỳ 1,5g; Toan táo nhân 2g; Cam thảo 0,5g; Long nhãn 2g; Đương quy 2,5g; Đại táo 0,5g) 5,5 mg; Bột Bạch linh 1,5g; Bột Mộc hương 0,5g	1.01	Uống
Đảng sâm; Bạch linh; Bạch truật; Viễn chí; Hoàng kỳ; Toan táo nhân; Cam thảo; Long nhãn; Đương quy; Mộc hương; Đại táo	1.01	Uống
Thực địa; Đương qui; Bạch thược; Xuyên khung; Cao đặc ích mẫu (tương đương 2,4 g ích mẫu); Cao đặc ngải cứu (tương đương 1,2 g ngải cứu); Hương phụ chế	1.01	Uống
Nhân sâm; Tam thất	1.01	Uống
Thực địa; Sơn thù; Mẫu đơn bì; Hoài sơn; Phục linh; Trạch tả; Câu kỷ tử; Cúc hoa; Đương quy; Bạch thược; Bạch tật lê; Thạch quyết minh	1.01	Uống
Mỗi 15ml chứa: Bột nghệ vàng 4,5g	1.01	Uống
Mỗi 8ml cao lỏng chứa dịch chiết của: Thực địa 1,6g; Hoài sơn 0,8g; Sơn thù 0,8g; Mẫu đơn bì 0,6g; Bạch linh 0,6g; Trạch tả 0,6g	1.01	Uống
Đương quy; Xuyên khung; Thực địa; Bạch thược; Đảng sâm; Bạch linh; Bạch truật; Cam thảo; Hoàng kỳ; Quế nhục	1.01	Uống
cao đặc actiso (1:25)	1.01	Uống
Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với 1,050g dược liệu gồm: Thương nhĩ tử 150mg; Tân di hoa 300mg; Bạch chi 600mg) 105mg; Bạc hà 300mg	1.01	Uống
Cao đặc tần giao; Cao đặc đỗ trọng; Cao đặc ngưu tất; Cao đặc độc hoạt; Bột phòng phong; Bột xuyên khung; Bột tục đoạn; Bột hoàng kỳ; Bột bạch thược; Bột đương quy; Bột phục linh; Bột cam thảo; Bột thiên niên kiện	1.01	Uống

Đảng sâm; Bạch linh; Bạch truật; Cát cánh; Mạch nha; Cam thảo; Long nhãn; Trần bì; Liên nhục; Sa nhân; Sứ quân tử; Bán hạ	1.01	Uống
Cao đặc Diệp hạ châu (tương đương 1,5g Diệp hạ châu đắng); Diệp hạ châu đắng	1.01	Uống
Bạch linh; Bạch truật; Đương quy; Hoàng kỳ; Đảng sâm; Long nhãn; Táo nhân; Đại táo; Viễn trí; Cam thảo; Mộc hương	1.01	Uống
Bột Bạch truật 60mg; Bột Đảng sâm 60mg; Bột Đương quy 60mg; Bột Trần bì 60mg; Cao đặc hỗn hợp dược liệu: 480mg (tương đương: Đại táo 280mg; Hoàng kỳ 280mg; Đảng sâm 280mg; Thăng ma 60mg; Sài hồ 60mg; Cam thảo 60mg)	1.01	Uống
Phòng đảng sâm; Thương truật; Hoài sơn; Hậu phác; Mộc hương; Ô tặc cốt; Cam thảo	1.01	Uống
Cao khô lá bạch quả (tương đương 4,8mg flavonoid toàn phần); Cao khô rễ đinh lăng (tương đương 1,25g rễ đinh lăng)	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với: Hòe giác 8g; Phòng phong 4g; Đương quy 4g; Chi xác 4g; Hoàng cầm 4g; Địa du 4g) 3,5g	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với: Hòe giác 1000mg; Phòng phong 500mg; Đương quy 500mg; Chi xác 500mg; Hoàng cầm 500mg; Địa du 500mg) 350mg	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (tương đương 1g Actiso) 100 mg; Cao đặc rau đắng đất (tương đương 750 mg rau đắng đất) 75 mg; Cao đặc bìm bìm biếc (tương đương 60mg bìm bìm biếc) 7,5 mg	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp (tương ứng: Thục địa 800mg; Hoài sơn 300mg; Sơn thù 300mg; Trạch tả 300mg; Bạch linh 300mg; Mẫu đơn bì 248mg) 248mg; Bột mịn hoài sơn 100mg; Bột mịn Sơn thù 52mg	1.01	Uống
Cao lỏng dược liệu (tương đương với: Ích mẫu 1050mg; Hương phụ 150mg; Ngải cứu 100mg)	1.01	Uống
Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Bột Bạch truật 0,65g; Bột Hoàng liên 0,54g; Bột Hoài sơn 0,42g; Bột Hoàng đằng 0,4g; Bột Mộc hương 0,35g; Bột Bạch linh 0,35g; Bột Sa nhân 0,35g; Bột Bạch thược 0,35g; Bột Trần bì 0,25g; Cao đặc Cam thảo (tương ứng với 0,4g Cam thảo) 0,04g; Cao đặc Đảng sâm (tương ứng với 733 mg Đảng sâm) 0,22g	1.01	Uống
Mỗi 250 ml cao lỏng chứa dịch chiết dược liệu tương ứng với: Ma hoàng 20g; Bán hạ 30g; Ngũ vị tử 20g; Tỳ bà diệp 20g; Cam thảo 20g; Tế tân 6g; Can khương 20g; Hạnh nhân 20 g; Bối mẫu 20g; Trần bì 20g	1.01	Uống

Mỗi 500 ml rượu thuốc chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Thực địa 21 g; Đương qui 19,5 g; Đảng sâm 19,5 g; Bạch truật 19,5 g; Phục linh 19,5 g; Bạch thược 19,5 g; Xuyên khung 9 g; Cam thảo 4,5 g	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (Hải mã; Lộc nhung; Nhân sâm; Quế); Bột mịn dược liệu (Nhân sâm; Quế)	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (tương đương với: Đương quy 1500mg; ích mẫu 1500mg; Ngưu tất 1500mg; Thực địa 1500mg; Xích thược 750mg; Xuyên khung 750mg) 672mg	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo (tương đương 2500 mg Kim tiền thảo) 200 mg; Cao khô Râu mèo (tương đương 1000 mg Râu mèo) 100 mg	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp (tương đương: Kim ngân hoa 340mg; Liên kiều 340mg; Đậu đen 170mg; Ngưu bàng tử 204mg; Cát cánh 136mg; Cao đặc qui về khan (tương ứng với Kim ngân hoa 267mg; Liên kiều 267mg; Bạc hà 160mg; Kinh giới 107mg; Đạm đậu xị 133mg; Ngưu bàng tử 160mg; Cát cánh 160mg; Đạm trúc điệp 107mg; Cam thảo 133mg) 136mg; Cam thảo 170mg) 150mg; Bột mịn Bạc hà 204mg; Bột mịn Kinh giới tuệ 136mg	1.01	Uống
Cao khô điệp hạ châu (1:6,64)	1.01	Uống
Độc hoạt; Tang ký sinh; Tần giao; Phục linh; Đương qui; Bạch thược; Sinh địa; Ngưu tất; Đỗ trọng; Đảng sâm; Phòng phong; Tế tân; Quế chi; Xuyên khung; Cam thảo	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu đắng (tương ứng với 250 mg Diệp hạ châu đắng)	1.01	Uống
Mỗi gói 5g chứa: Thực địa 0,8g; Sơn thù du 0,4g; Mẫu đơn bì 0,3g; Hoài sơn 0,4g; Phục linh 0,3g; Trạch tả 0,3g; Câu kỷ tử 0,3g; Cúc hoa 0,3g; Đương quy 0,3g; Bạch thược 0,3g; Bạch tật lê 0,3g; Thạch quyết minh 0,4g	1.01	Uống
Cao đặc 100mg (tương đương với Đảng sâm 170mg; Bạch truật 110mg; Cam thảo 90mg; Bạch thược 110mg; Thực địa 170mg; Hoàng kỳ 170mg); Phục linh 90mg; Quế nhục 110mg; Đương quy 110mg; Xuyên khung 90mg	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo (tương đương kim tiền thảo khô 2,5g)	1.01	Uống
Tinh dầu gừng	1.01	Uống

Mỗi viên chứa 930 mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng với: Độc hoạt 0,9g; Quế chi 0,6g; Phòng phong 0,6g; Đương quy 0,6g; Tế tân 0,6g; Xuyên khung 0,6g; Tần giao 0,6g; Bạch thược 0,6g; Tang ký sinh 0,6g; Can địa hoàng 0,6g; Đỗ trọng 0,6g; Đảng sâm 0,6g; Ngưu tất 0,6g; Bạch linh 0,6g; Cam thảo 0,6g	1.01	Uống
Cao lỏng dược liệu (tương ứng với các dược liệu: Thục địa 1,6g, Hoài Sơn 0,8g, Sơn Thù 0,8g, Đan bì 0,6g, Bạch linh 0,6g, Trạch tả 0,6g) 0,5g	1.01	Uống
Thục địa; Đương quy; Bạch thược; Xuyên khung; Ích mẫu; Ngải cứu; Hương phụ	1.01	Uống
Berberin clorid 40mg; Cao đặc quy về khan (tương ứng với Rễ mộc hương 74,7mg; Quả Ngõ thù du 53,4mg; Rễ Bạch thược 216mg) 70mg; Bột mịn Rễ mộc hương 80mg	1.01	Uống
Cao đặc Nghệ quy về khan (tương ứng với Nghệ 235mg); Bột mịn Nghệ; Mật ong	1.01	Uống
Cao khô lá Bạch quả (tương ứng với 5,5g lá Bạch quả); Cao khô rễ Đinh lăng (tương đương với 3g rễ Đinh lăng)	1.01	Uống
Cao khô lá Bạch quả (tương ứng với 5,5g lá Bạch quả); Cao khô rễ Đinh lăng (tương đương với 3g rễ Đinh lăng)	1.01	Uống
Tinh dầu tràm (hàm lượng Cineol 40%)	3.05	Dùng ngoài
Đảng sâm; Hoàng kỳ; Bạch truật; Trần bì; Sài hồ; Đương quy; Đại táo; Cam thảo; Cao đặc Thăng ma (tương đương 0,26g Thăng ma)	1.01	Uống
Đảng sâm; Thục địa; Bạch linh; Bạch thược; Bạch truật; Đương quy; Hoàng kỳ; Xuyên khung; Cam thảo; Quế nhục	1.01	Uống
Mỗi gói 6 g hoàn cứng chứa: Thục địa 0,9 g; Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương: Đảng sâm 0,9 g; Bạch truật 0,6 g; Phục linh 0,48 g; Cam thảo 0,48 g; Đương quy 0,6 g; Xuyên khung 0,48 g; Bạch thược 0,6 g; Hoàng kỳ 0,9 g; Quế nhục 0,6 g) 4,12 g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 300 mg cao khô dược liệu tương đương: Độc hoạt 3,2g; Phòng phong 2,4g; Tang ký sinh 4g; Tế tân 1,6g; Tần giao 1,6g; Ngưu tất 2,4g; Đỗ trọng 2,4g; Quế chi 1,6g; Xuyên khung 1,2g; Sinh địa 2,4g; Bạch thược 2,4g; Đương quy 1,6g; Đảng sâm 2,4g; Bạch linh 2,4g; Cam thảo 1,2g	1.01	Uống
Cao đặc Diệp hạ châu 20% (tương đương 1660 mg Diệp hạ châu)	1.01	Uống

Cao rễ Đinh lăng (độ ẩm 20%, tương ứng 500 mg rễ Đinh lăng) 150 mg; Cao khô lá Bạch quả (độ ẩm 5%, tương ứng 300 mg lá Bạch quả) 20 mg	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 0,42g cao dược liệu tương ứng với 1680 mg dược liệu: Kim ngân 300 mg; Liên kiều 300 mg; Bạc hà 180 mg; Cát cánh 180 mg; Ngưu bàng tử 180 mg; Đạm đậu xị 150 mg; Cam thảo 150 mg; Kinh giới 120 mg; Đạm trúc điệp 120 mg	1.01	Uống
Ích mẫu; Ngải cứu; Hương phụ chế dấm	1.01	Uống
Saponin toàn phần rễ Tam thất	1.01	Uống
Cao khô lá thường xuân (tỷ lệ 5 - 7,5 : 1)	1.01	Uống
Xuyên khung; Tần giao; Bạch chỉ; Đương quy; Mạch môn; Hồng sâm; Ngô thù du; Ngũ vị tử; Borneol	1.01	Uống
Cao đặc Actiso (tương đương 2000mg lá Actiso) 200mg	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp 280 mg (tương đương: Thực địa 800mg; Hoài sơn 344mg; Sơn thù 344mg; Trạch tả 300mg; Bạch linh 300mg; Mẫu đơn bì 244mg; Quế nhục 36,7mg; Phụ tử chế 16,7mg); Bột mịn Hoài sơn 56mg; Bột mịn Sơn thù 56mg; Bột mịn Mẫu đơn bì 56mg; Bột mịn Phụ tử chế 33,3mg; Bột mịn quế nhục 13,3mg	1.01	Uống
Ké đầu ngựa (thương nhĩ tử) 500mg; Tân di hoa 350mg; Cỏ cúrt lợn (cỏ hôi) 350mg; Bạch chỉ 150mg; Tế tân 100mg; Xuyên khung 100mg; Hoàng kỳ 100mg; Cát cánh 100mg; Sài hồ bắc 100mg; Bạc hà 50mg; Hoàng Cầm 50mg; Dành dành (chi tử) 50mg; Phục linh 50mg	1.01	Uống
Bột bạch thược; Bột bạch truật; Bột cam thảo; Bột đương quy; Bột phục linh; Bột quế nhục; bột thực địa; Bột xuyên khung; Cao đặc đẳng sâm (tương đương với 1g đẳng sâm); Cao đặc hoàng kỳ (tương đương với 1g hoàng kỳ)	1.01	Uống
Mỗi viên chứa cao khô dược liệu (tương đương: Hoàng kỳ 793 mg; Cam thảo 377 mg; Bạch truật 250 mg; Trần bì 250 mg; Thăng ma 250 mg; Sài hồ 250 mg; Đương quy 190 mg; Nhân sâm 190 mg; Đại táo 167 mg; Sinh khương 83 mg) 190 mg; Bột mịn dược liệu bao gồm: Đương quy 60 mg; Nhân sâm 60 mg; Hoàng kỳ 40 mg; Cam thảo 40 mg	1.01	Uống

Cao khô (tương đương với: Thục địa 700mg; Sơn thù 350mg; Hoài sơn 350mg; Mẫu đơn bì 260mg; Phục linh 260mg; Trạch tả 260mg; Hắc phụ tử 88mg; Quế chi 88mg) 360mg	1.01	Uống
Cao khô dược liệu (tương đương: Nhân sâm 800mg; Đương quy 800mg; Tần giao 800mg; Mạch môn 533,3mg; Xuyên khung 800mg; Ngũ vị tử 800mg; Bạch chi 800mg; Ngô thù du 533,3mg) 500mg; Băng phiến 26,6mg	1.01	Uống
Mỗi 100 ml chứa 65 g cao lỏng hỗn hợp dược liệu tương ứng với các dược liệu sau: Ma hoàng 40g; Hạnh nhân 40g; Quế chi 30g; Cam thảo 20g	1.01	Uống
Hoạt thạch; Cam thảo	1.01	Uống
Dịch chiết lá Thường xuân 70% cồn (tương đương 2 mg Hederacoside C)	1.01	Uống
Cao khô lá cây Thường xuân <i>Hederae helici filii extractum siccum</i> (tương đương 3,5mg Hederacoside C) 35mg /5ml;	1.01	Uống
Cao khô Diệp hạ châu 250mg	1.01	Uống
Ích mẫu 0,06g; Ngải cứu 0,18g; Hương phụ 0,15g; Thục địa 0,08g; Bạch thược 0,08g; Đương qui 0,06g; Xuyên khung 0,03g - 0,06g, 0,18g, 0,15g, 0,08g, 0,08g, 0,06g, 0,03g	1.01	Uống
Mỗi 2 g chứa: Nhân sâm 0,403g; Bạch truật 0,403g; Cam thảo 0,403g; Đại táo 0,201g; Bạch linh 0,403g; Hoài sơn 0,403g; Cát cánh 0,201g; Sa nhân 0,201g; Bạch biển đậu 0,201g; Ý dĩ 0,201g; Liên nhục 0,201g - 0,403g, 0,403g, 0,403g, 0,201g, 0,403g, 0,403g, 0,201g, 0,201g, 0,201g, 0,201g	1.01	Uống
Mỗi 35g hoàn cứng chứa 27,5 g bột dược liệu (tương đương: Bạch thược 3,5 g; Đỗ trọng 3,5 g; Đương quy 3,36g; Phục linh 3,36 g; Ngưu tất 2,45 g; Tang ký sinh 2,1 g; Độc hoạt 2,1 g; Xuyên khung 1,75 g; Tần giao 1,75 g; Phòng phong 1,68 g; Đảng sâm 3,5 g; Phòng phong 1,68 g; Tế tân 1,05 g); 7,5 ml cao lỏng dược liệu (tương đương: Quế chi 0,875 g; Đảng sâm 3,5 g; Thục địa 3,15 g; Cam thảo 0,875 g) - 3,5 g, 3,5 g, 3,36g, 3,36 g, 2,45 g, 2,1 g, 2,1 g, 1,75 g, 1,75 g, 1,68 g, 3,5 g, 1,68 g, 1,05 g), 0,875 g, 3,5 g, 3,15 g, 0,875 g)	1.01	Uống

Mỗi 250ml dịch chiết từ các dược liệu gồm: Độc hoạt 20g; Tang ký sinh 15g; Tế tân 15g; Tần giao 15g; Phòng phong 15g; Đương quy 20g; Phục linh 20g; Cam thảo 5g; Quế chi 5g; Bạch thược 15g; Sinh địa 20g; Xuyên khung 20g; Đỗ trọng 20g; Ngưu tất 25g; Đảng sâm 20g - 20g, 15g, 15g, 15g, 15g, 20g, 20g, 5g, 5g, 15g, 20g, 20g, 20g, 25g, 20g	1.01	Uống
Mỗi chai 280 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Đỗ trọng 18 g; Đảng sâm 15 g; Bạch thược 12 g; Phục linh 12 g; Đương quy 12 g; Thục địa 12 g; Tần giao 9 g; Độc hoạt 6 g; Ngưu tất 6 g; Phòng phong 6 g; Tang ký sinh 6 g; Xuyên khung 3 g; Tế tân 2 g; Cam thảo 0,6 g; Nhục quế 0,4 g - 18 g, 15 g, 12 g, 12 g, 12 g, 12 g, 9 g, 6 g, 6 g, 6 g, 6 g, 3 g, 2 g, 0,6 g, 0,4 g	1.01	Uống
Mỗi gói chứa 2,7g cao khô chiết từ các dược liệu: Đảng sâm 5,3g; Bạch truật 4g; Trần bì 2,6g; Hoàng kỳ tâm mật 4g; Thăng ma 2,6g; Cam thảo chích 2g; Đương quy 4g; Sài hồ 3,3g - 5,3g, 4g, 2,6g, 4g, 2,6g, 2g, 4g, 3,3g	1.01	Uống
Mã tiên chế 70mg; Quế chi 40mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với 460mg dược liệu bao gồm: Đương quy 70mg, đỗ trọng 70mg, ngưu tất 60mg, độc hoạt 80mg, thương truật 80mg, thổ phục linh 100mg) 92mg - 70mg, 40mg, 92mg	1.01	Uống
Hoài sơn 100 mg; Cao khô liên tâm 130 mg; Cao khô liên nhục 70 mg; Cao khô bá tử nhân 20 mg; Cao khô toan táo nhân 20 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Lá dâu 182,5 mg; Lá vông 182,5 mg; Long nhãn 182,5 mg) 160 mg - 100 mg, 130 mg, 70 mg, 20 mg, 20 mg, 160 mg	1.01	Uống
Cao khô lá bạch quả (tương đương 500 mg dược liệu Bạch quả) 10 mg; Cao đặc rễ Đinh lăng (tương đương 1500 mg dược liệu Đinh lăng) 150 mg - 10 mg, 150 mg	1.01	Uống
Actiso	0	Khác
Cao Diệp hạ châu đắng (tương đương với 1g Diệp hạ châu đắng) 100 mg; Cao Cỏ nhọ nổi (tương đương với 0,5 g Cỏ nhọ nổi) 50 mg; Cao Nhân trần (tương đương với 1,3g Nhân trần) 130 mg; Cao Râu báp (tương đương với 0,5g Râu báp) 50 mg - 100 mg, 50 mg, 130 mg, 50 mg	1.01	Uống
Hoàng liên 250mg; Mộc hương 250mg - 250mg, 250mg	1.01	Uống
Mỗi chai 100g chứa: Gừng 5,5g - 5,5g	1.01	Uống

Ngũ vị tử	0	Khác
Tam thất	0	Khác
Cao khô lá bạch quả (tương đương 19,2mg flavonoid toàn phần) 80mg; cao khô rễ Đinh lăng 75mg - 80mg, 75mg	1.01	Uống
Cao khô actiso (tương đương với 5g actiso) 300 mg - 300 mg	1.01	Uống
Cao khô Kim tiền thảo (tương đương với 3g kim tiền thảo) 300 mg - 300 mg	1.01	Uống
Cao khô đương quy di thực (4:1) (tương đương 1,2g rễ đương quy di thực) 300mg - 300mg	1.01	Uống
Cao khô tam thất (tương đương 800mg rễ củ tam thất) 80 mg	0	Khác
Cao khô hỗn hợp 10,5:1 (tương đương 6,562g dược liệu gồm: Ích mẫu 4,2g, hương phụ 1,312g, ngải cứu 1,05g) 625mg - 625mg	1.01	Uống
Cao khô kim tiền thảo (tương đương kim tiền thảo 5,1g) 300mg - 300mg	1.01	Uống
Cao đặc Actiso 0,1g; Cao đặc Rau đắng đất 0,075g; Bìm bìm biếc 0,075g - 0,1g, 0,075g, 0,075g	1.01	Uống
Mỗi lọ 30g hoàn cứng chứa các chất chiết từ các dược liệu sau: Độc hoạt 2,4g; Phòng phong 1,8g; Tang ký sinh 3g; Tế tân 1,2g; Tần giao 1,2g; Ngưu tất 1,8g; Đỗ trọng 1,8g; Quế chi 1,2g; Xuyên khung 0,9g; Sinh địa 1,8g; Bạch thược 1,8g; Đương quy 1,2g; Đảng sâm 1,8g; Bạch linh 1,8g; Cam thảo 0,9g - 2,4g, 1,8g, 3g, 1,2g, 1,2g, 1,8g, 1,8g, 1,2g, 0,9g, 1,8g, 1,8g, 1,2g, 1,8g, 1,8g, 0,9g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 523,2 mg cao khô chiết từ các dược liệu khô sau: Đảng sâm 720mg; Bạch truật 480mg; Phục linh 384mg; Cam thảo 384mg; Đương quy 480mg; Xuyên khung 384mg; Bạch thược 384mg; Thục địa 720mg; Hoàng kỳ 720mg; Quế nhục 480mg - 480mg	1.01	Uống
Mỗi 100 g viên hoàn cứng chứa: Nghệ 85 g - 85 g	1.01	Uống
Mỗi lọ 90 ml cao lỏng (1:2) chiết xuất từ: Bách bộ 45 g - 45 g	1.01	Uống

Mỗi viên chứa 259 mg cao khô dược liệu (tương đương: Thục địa 400 mg; Sơn thù 200 mg; Hoài sơn 150 mg; Trạch tả 150 mg; Mẫu đơn bì 150 mg; Phục linh 100 mg; Câu kỷ tử 100 mg; Cúc hoa 50 mg); 150 mg bột mịn dược liệu (tương đương: Hoài sơn 50 mg; Phục linh 50 mg; Cúc hoa 50 mg) - 400 mg, 200 mg, 150 mg, 150 mg, 150 mg, 100 mg, 100 mg, 50 mg), 50 mg, 50 mg, 50 mg)	1.01	Uống
Bột nghệ vàng 150mg; Mật ong 65mg - 150mg, 65mg	1.01	Uống
Mỗi 100 ml chứa: cao khô lá thường xuân (tương đương lá thường xuân: 7g) 0,7g - 0,7g	1.01	Uống
Mỗi viên nang chứa 0,4 g cao khô dược liệu tương đương: Bạch truật 0,35 g; Bạch linh 0,235 g; Trần bì 0,235 g; Mộc hương 0,115 g; Đảng sâm 0,115 g; Mạch nha 0,115 g; Sơn tra 0,115 g; Hoài sơn 0,115 g; Thần khúc 0,115 g; Sa nhân 0,115 g; Cam thảo 0,07 g; Hoàng liên 0,06 g; Nhục đậu khấu 0,235 g - 0,35 g, 0,235 g, 0,235 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,07 g, 0,06 g, 0,235 g	1.01	Uống
Mỗi viên nang chứa 400 mg cao khô dược liệu tương đương: Hoàng kỳ 350 mg; Cam thảo 170 mg; Đảng sâm 100 mg; Đương quy 100 mg; Thăng ma 100 mg; Trần bì 100 mg; Sài hồ 100 mg; Bạch truật 100 mg; Đại táo 70 mg; Sinh khương 30 mg - 350 mg, 170 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 70 mg, 30 mg	1.01	Uống
Cao khô Trinh nữ Crila (tương đương 1,25mg alcaloid toàn phần) 250mg - 250mg	1.01	Uống
Rotundin 15mg; Cao khô lá sen (tương đương với 1g lá sen khô) 80 mg; Cao khô lá vông (tương đương với 1g lá vông khô) 95 mg - 15mg, 80 mg, 95 mg	1.01	Uống
Mỗi gói 10ml cao lỏng chứa: Địa long 0,4g; Hoàng kỳ 4g; Đương quy 0,8g; Xích thược 0,6g; Xuyên khung 0,4g; Đào nhân 0,4g; Hồng hoa 0,4g - 0,4g, 4g, 0,8g, 0,6g, 0,4g, 0,4g, 0,4g	1.01	Uống
Cao Đan sâm 10/1 (tương đương 450mg Đan sâm) 45mg; Cao Tam thất 3/1 (tương đương 141mg tam thất) 47mg; L-Borneol 8mg - 45mg, 47mg, 8mg	1.01	Uống
Cao khô bồ bồ (tương đương 3g bồ bồ) 300mg - 300mg	1.01	Uống
Mỗi g cao tương đương với Trinh nữ Hoàng cung 10 g - 10 g	0	Khác

Mỗi viên chứa 120mg Cao khô toàn phần chiết được từ 1500mg các dược liệu sau: Bạc hà 85 mg; Thanh cao 415 mg; Địa liên 200 mg; Kim ngân hoa 200 mg; Tía tô 200 mg; Kinh giới 200 mg; Thích gia đẳng 200 mg - 85 mg, 415 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg	1.01	Uống
Bột hoài sơn (tương ứng 183 mg Hoài Sơn) 100 mg; Cao khô liên tâm (tương ứng với 200 mg Liên tâm) 65 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với 91,25 mg Lá dâu, 91,25 Lá vông, 91,25 mg Long nhãn) 80 mg; Cao khô Bá tử nhân (tương đương với 91,25 Bá tử nhân) 10 mg; Cao khô Toan táo nhân (tương đương 91,25 mg Toan táo nhân) 10 mg; Cao khô Liên nhục (tương ứng với 175 mg Liên Nhục) 35 mg - 100 mg, 65 mg, 80 mg, 10 mg, 10 mg, 35 mg	1.01	Uống
Cao đặc hỗn hợp 315mg tương đương: Nhân trần 1000mg; Bồ công anh 670mg; Cúc hoa 340mg; Kim ngân hoa 340mg; Cam thảo 125mg; Actiso 670mg - 1000mg, 670mg, 340mg, 340mg, 125mg, 670mg	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với Cam thảo 20 mg; Bạch mao căn 400 mg; Bạch thược 400 mg; Đan sâm 400 mg, Bản lam căn 300 mg, Hoắc hương 300 mg; Sài hồ 400 mg; Liên kiều 300 mg; Thần khúc 300 mg; Chỉ thực 400 mg; Mạch nha 300 mg; Nghệ 400 mg) 500 mg - 500 mg	1.01	Uống
Bách bộ (tẩm mật sao)	0	Khác
Ngũ vị tử tẩm mật	0	Khác
Cao khô đan sâm (tương ứng với Đan sâm 17,5mg) 3,5mg; Cao khô tam thất (tương ứng với Tam thất 3,43mg) 0,343mg; Borneol 0,2mg - 3,5mg, 0,343mg, 0,2mg	1.01	Uống
Mỗi viên nang cứng chứa: Lá khôi 160 mg; Ô tặc cốt 120 mg; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Khô sâm: 0,12 g; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Dạ cẩm: 0,12 g; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Cỏ hàn the: 0,12 g - 160 mg, 120 mg, 0,12 g, 0,12 g, 0,12 g	1.01	Uống

Mỗi viên nang cứng chứa: 120 mg cao khô tương đương dược liệu Hoàng liên: 0,6 g; 130 mg cao khô tương đương dược liệu Vân mộc hương 0,6 g; Bột Đại hồi 0,015 g; Bột Sa nhân 0,015 g; Bột Quế nhục 0,0075 g; Bột Đinh hương 0,0075 g - 0,6 g, 0,6 g, 0,015 g, 0,015 g, 0,0075 g, 0,0075 g	1.01	Uống
Kim tiền thảo (sấy khô) - 0,5 kg	0	Khác
Mỗi lọ 125 ml chứa: Cao lỏng hỗn hợp (tương đương với Thực địa 40g; Hoài sơn 20 g, Sơn thù 20 g, Mẫu đơn bì 15g, Phục linh 15g, Trạch tả 15g) 62,5 ml - 62,5 ml	1.01	Uống
Cao khô điệp hạ châu (tương đương với 3g điệp hạ châu) 300mg - 300mg	1.01	Uống
Mỗi 9ml siro chứa dịch chiết dược liệu tương đương với: Ma hoàng 1,5g; Quế chi 1g; Khổ hạnh nhân 2g; Cam thảo 1g - 1,5g, 1g, 2g, 1g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 350mg Cao khô hỗn hợp tương đương với: Toan táo nhân 960mg; Tri mẫu 640mg; Phục linh 960mg; Xuyên khung 640mg; Cam thảo 320mg - 960mg, 640mg, 960mg, 640mg, 320mg	1.01	Uống
Mỗi chai 280 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Ích mẫu 42,0 g; Huyền hồ sách 42,0 g; Hương phụ 21,0 g; Đương quy 21,0 g; Bạch thược 21,0 g; Đại hoàng 21,0 g; Thực địa 16,8 g; Bạch truật 16,8 g; Xuyên khung 10,36 g; Phục linh 10,36 g - 42,0 g, 42,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 16,8 g, 16,8 g, 10,36 g, 10,36 g	1.01	Uống
Mỗi lọ 50 g hoàn cứng chứa: Ích mẫu 6,25 g; Bạch thược 6,25 g; Đại hoàng 6,25 g; Thực địa 4,75 g; Hương phụ 4,75 g; Đương quy 4,75 g; Bạch truật 4,75 g; Xuyên khung 3,25 g; Huyền hồ sách 3,25 g; Phục linh 3,25 g - 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 4,75 g, 4,75 g, 4,75 g, 3,25 g, 3,25 g, 3,25 g	1.01	Uống
Mỗi chai 250 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Đỗ trọng 22,5 g; Ngũ gia bì chân chim 22,5 g; Thiên niên kiện 22,5 g; Tục đoạn 22,5 g; Đại hoàng 17,5 g; Đương quy 10,0 g; Xuyên khung 10,0 g; Tần giao 10,0 g; Sinh địa 10,0 g; Uy linh tiên 10,0 g; Quế chi 7,5 g; Cam thảo 7,5 g - 22,5 g, 22,5 g, 22,5 g, 22,5 g, 17,5 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 7,5 g, 7,5 g	1.01	Uống

Mỗi lọ 50 g hoàn cứng chứa: Đỗ trọng 6,25 g; Ngũ gia bì chân chim 6,25 g; Thiên niên kiện 6,25 g; Tục đoạn 6,25 g; Đại hoàng 4,50 g ; Xuyên khung 4,50 g; Tần giao 4,50 g; Sinh địa 4,50 g; Uy linh tiên 4,50 g; Đương quy 4,50 g; Quế chi 1,50 g; Cam thảo 1,50 g - 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 4,50 g , 4,50 g, 4,50 g, 4,50 g, 4,50 g, 4,50 g, 1,50 g, 1,50 g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 412,5 mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương: Đỗ trọng 1100 mg; Ngũ gia bì chân chim 1100 mg; Tục đoạn 1100 mg; Thiên niên kiện 1100 mg; Đại hoàng 800 mg; Đương quy 470 mg; Xuyên khung 470 mg; Tần giao 470 mg; Sinh địa 470 mg; Uy linh tiên 470 mg; Quế nhục 350 mg; Cam thảo 350 mg - 1100 mg, 1100 mg, 1100 mg, 1100 mg, 800 mg, 470 mg, 470 mg, 470 mg, 470 mg, 470 mg, 350 mg, 350 mg	1.01	Uống
Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Táo nhân 0,3 g; Bạch truật 0,25 g; Đảng sâm 0,25 g; Đỗ trọng 0,25 g; Đương quy 0,25 g; Hoài sơn 0,25 g; Bạch thược 0,25 g; Mạch nha 0,2 g; Phục linh 0,2 g; Sa nhân 0,2 g; Ý dĩ 0,2 g; Trần bì 0,15 g; Viễn chí 0,15 g; Cam thảo 0,1 g; Liên nhục 0,1 g; Bạch tật lê 0,1 g - 0,3 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,15 g, 0,15 g, 0,1 g, 0,1 g, 0,1 g	1.01	Uống
Mỗi 60 ml chứa: Dịch chiết lá xoài (0,5% mangiferin) 12ml - 12ml	3.05	Dùng ngoài
Cao đặc Actiso 300mg; Cao đặc rau đắng đất 150mg; Cao đặc bìm bìm 16mg - 300mg, 150mg, 16mg	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng: Sinh địa 53,8mg; Độc hoạt 214,3mg; Bạch thược 107,6mg; Cam thảo 26,9mg; Tang ký sinh 214,3mg; Ngưu tất 53,8mg; Tần giao 53,8mg; Đỗ trọng 107,6mg) 104,1mg; Bột hỗn hợp dược liệu (tương ứng: Phòng phong 53,8mg; Đương quy 53,8mg; Xuyên khung 53,8mg; Đảng sâm 53,8mg; Quế 26,9mg; Phục linh 53,8mg; Tế tân 53,8mg) 349,7mg - 104,1mg, 349,7mg	1.01	Uống
Mỗi 330mg bột hỗn hợp dược liệu chứa: Kim ngân (hoa) 210mg; Cát cánh (rễ) 100mg; Đạm đậu xị 20mg; Mối 59mg cao hỗn hợp dược liệu qui về khô (tỷ lệ 1/10) chứa: Liên kiều (quả) 210mg; Bạc hà 20mg; Kinh giới 80mg; Cam thảo (rễ) 100mg; Ngưu bàng (quả) 100mg; Đạm trúc diệp 80mg - 210mg, 100mg, 20mg, 210mg, 20mg, 80mg, 100mg, 100mg, 80mg	1.01	Uống

Cao khô Đương quy (tương đương 1,3 g dược liệu Đương quy) 0,3 g; Cao khô lá bạch quả 0,04 g - 0,3 g, 0,04 g	1.01	Uống
Mỗi 2,4g Cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng: Diệp hạ châu 10g; Tam thất 5g; Kim ngân hoa 2g; Cam thảo 2g; Thảo quyết minh 5g; Cúc hoa 1g - 10g, 5g, 2g, 2g, 5g, 1g	1.01	Uống
Mỗi 430mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng: Qui bản 1,5g; Thục địa 1,5g; Hoàng bá 0,5g; Tri mẫu 0,5g - 1,5g, 1,5g, 0,5g, 0,5g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 300mg cao khô hỗn hợp dược liệu được chiết từ 2100mg các dược liệu khô sau: Sài hồ 300 mg, Bạch linh 300mg, Đương quy 300mg, Cam thảo chích 240mg, Bạch thược 300mg, Bạc hà 60mg, Bạch truật 300mg, Sinh khương 300mg - 300mg	1.01	Uống
Mỗi viên hoàn mềm 10g chứa 5,1g bột thập toàn đại bổ gồm: Đảng sâm 1g; Phục linh 0,65g; Bạch truật 0,65g; Cam thảo 0,12g; Xuyên khung 0,3g; Đương quy 0,6g; Thục địa 1g; Bạch thược 0,6g; Hoàng kỳ 0,45g; Quế nhục 0,24g - 1g, 0,65g, 0,65g, 0,12g, 0,3g, 0,6g, 1g, 0,6g, 0,45g, 0,24g	1.01	Uống
Mỗi 5ml chứa: 1,25ml cao lỏng dược liệu tương đương với: Sài đất 500mg; Thương nhĩ tử 500mg; Kinh giới 500mg; Thỏ phục linh 375mg; Phòng phong 375mg; Đại hoàng 375mg; Kim ngân hoa 150mg; Liên kiều 125mg; Hoàng liên 125mg; Bạch chi 100mg; Cam thảo 25mg - 500mg, 500mg, 500mg, 375mg, 375mg, 375mg, 150mg, 125mg, 125mg, 100mg, 25mg	1.01	Uống
Hoài sơn 183 mg; Cao khô Liên tâm (tương đương với 15 mg Liên tâm) 8 mg; Cao khô Liên nhục (tương ứng với 175 mg Liên nhục) 35 mg; Cao khô Bá tử nhân (tương ứng với 91,25 mg Bá tử nhân) 10 mg; Cao khô Toan táo nhân (tương ứng với 91,25 mg Toan táo nhân) 10 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với Lá dâu 91,25 mg, Lá vông 91,25 mg, Long nhãn 91,25 mg) 80 mg - 183 mg, 8 mg, 35 mg, 10 mg, 10 mg, 80 mg	1.01	Uống
Mỗi 10g chứa: Bạch truật 0,23g; Hoàng kỳ 1,02g; Cam thảo 0,23g; Sài hồ 0,23g; Đại táo 1,02g; Thăng ma 0,23g; Đảng sâm 1,28g; Trần bì 0,23g; Đương quy 0,23g; Gừng 0,12g - 0,23g, 1,02g, 0,23g, 0,23g, 1,02g, 0,23g, 1,28g, 0,23g, 0,23g, 0,12g	1.01	Uống

Mỗi 5g chứa: Cao đặc phong tê thấp 274mg tương ứng với: Phòng phong 230mg; Tần giao 250mg; Tang ký sinh 600mg; Can địa hoàng 450mg; Đỗ trọng 380mg; Ngưu tất 380mg; Nhân sâm 300mg; Cam thảo 150mg; Độc hoạt 380mg; Tế tân 150mg; Tang ký sinh 600mg; Quế nhục 230mg; Đương quy 230mg; Xuyên khung 230mg; Bạch thược 750mg; Phục linh 300mg - 230mg, 250mg, 600mg, 450mg, 380mg, 380mg, 300mg, 150mg, 380mg, 150mg, 600mg, 230mg, 230mg, 230mg, 750mg, 300mg	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 0,5g cao khô dược liệu tương đương với: Tang ký sinh 1,5g; Độc hoạt 1g; Phòng phong 1g; Đỗ trọng 1g; Ngưu tất 1g; Trinh nữ 1g; Hồng hoa 1g; Bạch chỉ 1g; Tục đoạn 1g; Bô cốt chỉ 0,5g - 1,5g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 0,5g	1.01	Uống
Cao đặc Diệp hạ châu 150 mg tương đương: Diệp hạ châu 1050 mg - 1050 mg	1.01	Uống
Mỗi 8 ml chứa: Cao lá bạch quả (tương đương 9,6 mg Ginkoflavin Glycosid toàn phần) 40 mg; Cao rễ đinh lăng (tỉ lệ 10:1) 120 mg - 40 mg, 120 mg	1.01	Uống
Men bia (tương ứng cao khô men bia 5% 400 mg) 4000 mg - 4000 mg	1.01	Uống
Cao khô lá Actiso (tương đương lá Actiso 0,4g) 40 mg; Cao khô Rau má (tương đương Rau má 3g) 300 mg - 40 mg, 300 mg	1.01	Uống
Mỗi 500mg cao đặc toàn phần tương đương 1.875mg hỗn hợp dược liệu gồm: Đảng sâm 250mg; Đương quy 250mg; Bạch truật 250mg; Bạch thược 250mg; Phục linh 250mg; Xuyên khung 250mg; Cam thảo 125mg; Thục địa 250mg - 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 125mg, 250mg	1.01	Uống
Mỗi chai 125 ml chứa: Cao lỏng hỗn hợp (tương đương với 56,375 g dược liệu: Lục thần khúc 12g, Hoàng liên 12g, Sứ quân tử 12g, Nhục đậu khấu 6g, Mạch nha 6g, Bình lang 6g, Mộc hương 2,375g) 62,5 ml - 62,5 ml	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp dược liệu 480mg tương đương với: Sài hồ 428mg; Đương quy 428mg; Bạch thược 428mg; Bạch truật 428mg; Bạch linh 428mg; Cam thảo (chích mật) 343mg; Bạc hà 86mg; Gừng tươi 428mg - 428mg, 428mg, 428mg, 428mg, 428mg, 343mg, 86mg, 428mg	1.01	Uống

Cao đặc hỗn hợp dược liệu 283mg tương đương với: Đảng sâm 390mg; Bạch truật 260mg; Phục linh 208mg; Cam thảo 208mg; Đương quy 260mg; Xuyên khung 208mg; Bạch thược 260mg; Thục địa 390mg; Hoàng kỳ 390mg; Quế nhục 260mg - 390mg, 260mg, 208mg, 208mg, 260mg, 208mg, 260mg, 390mg, 390mg, 260mg	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 377,5 mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương: Kim ngân hoa 1500 mg; Liên kiều 1500 mg; Diệp hạ châu 1500 mg; Bồ công anh 1150 mg; Mẫu đơn bì 1150 mg; Đại hoàng 750 mg - 1500 mg, 1500 mg, 1500 mg, 1150 mg, 1150 mg, 750 mg	1.01	Uống
Mỗi chai 500 ml chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Nhân sâm 21 g; Lộc nhung 21 g; Đương quy 10,5 g; Đỗ trọng 10,5 g; Thục địa 10,5 g; Phục linh 10,5 g; Ngưu tất 10,5 g; Xuyên khung 10,5 g; Hà thủ ô đỏ 10,5 g; Ba kích 10,5 g; Nhục thung dung 10,5 g; Sơn thù 10,5 g; Bạch truật 10,5 g; Kim anh 10,5 g; Nhục quế 10,5 g; Cam thảo 10,5 g - 21 g, 21 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa 700mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương với: Diệp hạ châu 1,2g; Đảng sâm 1,2g; Nhân trần 1,2g; Bạch thược 0,6g; Bạch truật 0,6g; Cam thảo 0,6g; Đương quy 0,6g; Phục linh 0,6g; Trần bì 0,6g - 0,6g	1.01	Uống
Mỗi viên nang chứa 360mg bột dược liệu gồm: Phục linh 180mg; Mẫu đơn bì 180mg; và 114 mg cao hỗn hợp dược liệu qui về khô, tỷ lệ qui về khô là 1/10 gồm: Thục địa 480mg; Sơn thù 240mg; Hoài sơn 240mg; Trạch tả 180mg - 180mg, 180mg, 480mg, 240mg, 240mg, 180mg	1.01	Uống
Mỗi lọ 100 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Bồ công anh 30 g; Kim ngân hoa 30 g; Hạ khô thảo 30 g; Thổ phục linh 30 g; Sài đất 30 g; Thương nhĩ tử 25 g; Huyền sâm 10 g - 30 g, 30 g, 30 g, 30 g, 30 g, 25 g, 10 g	1.01	Uống
Diệp hạ châu 10g/1g cao - 10g/1g cao	0	Khác
Cao lỏng Actiso (tương đương 60g Actiso) 120 ml - 120 ml	1.01	Uống
Mỗi viên 9g hoàn mềm chứa: Đảng tâm thảo 0,6 g; Táo nhân 2g; Thảo quyết minh 1,5 g; Tâm sen 1 g - 0,6 g, 2g, 1,5 g, 1 g	1.01	Uống

Mỗi 200ml cao lỏng chứa dịch chiết tương đương với: Ích mẫu 160 g; Ngải cứu 40 g; Hương phụ chế 50 g - 160 g, 40 g, 50 g	1.01	Uống
Mỗi 8g hoàn mềm chứa: Đương quy 0,184 g; Sài hồ 0,184 g; Đảng sâm 1,024 g; Bạch truật 0,184 g; Hoàng kỳ 0,816 g; Cam thảo 0,184 g; Trần bì 0,184 g; Đại táo 0,816 g; Thăng ma 0,184 g - 0,184 g, 0,184 g, 1,024 g, 0,184 g, 0,816 g, 0,184 g, 0,184 g, 0,816 g, 0,184 g	1.01	Uống
Mỗi viên hoàn cứng chứa: cao đặc quy tỳ dưỡng tâm OPC 102mg (tương ứng với Bạch truật 64mg; Bạch linh 64mg; Viễn chí 6,4mg; Toan táo nhân 64mg; Long nhãn 64mg; Đương quy 6,4mg; Đại táo 16mg); Bột kép Quy tỳ dưỡng tâm OPC 112mg (tương ứng với Đảng sâm 32mg; Hoàng kỳ 64mg; Cam thảo 16mg; Mộc hương 32mg) - 64mg, 64mg, 6,4mg, 64mg, 64mg, 6,4mg, 16mg), 32mg, 64mg, 16mg, 32mg)	1.01	Uống
Cao đặc đan sâm qui về khan (tương ứng với Rễ đan sâm 450mg) 126mg; Cao đặc Tam thất quy về khan (tương ứng với Rễ củ tam thất 141mg) 28mg; Borneol 8mg - 126mg, 28mg, 8mg	1.01	Uống
Liên kiều 200mg; Ngưu bàng tử 120mg; Cát cánh 80mg; Cam thảo 40mg; Cao đặc dược liệu (tương đương: Kim ngân hoa 200mg; Bạc hà 120mg; Đỗ đen chế 100mg; Kinh giới 80mg; Đạm trúc diệp 80mg; Cam thảo 60mg) 80mg - 200mg, 120mg, 80mg, 40mg, 80mg	1.01	Uống
Bách bộ	0	Khác
Mỗi 10ml chứa: Dịch chiết dược liệu 2:1 (tương đương dược liệu bao gồm: Đảng sâm 1,2g; bạch truật 1,2g; ý dĩ 1,2g; cát cánh 1,2g; liên nhục 1,2g; hoài sơn 1,2g; cam thảo 0,6g; sa nhân 0,8g; bạch linh 0,8g; mạch nha 0,4g; trần bì 0,6g) 5,2ml - 5,2ml	1.01	Uống
Cao khô hỗn hợp 300mg (tương đương với: Bạch truật 248mg; Viễn chí 248mg; Long nhãn 248mg; Bạch linh 181,3mg; Đương quy 174,7mg; Đảng sâm 124mg; Toan táo nhân 107,3mg; Hoàng kỳ 87,3mg; Mộc hương 63mg; Đại táo 63mg; Cam thảo 55,4mg); Bột mịn Đương quy 73,3mg; Bột mịn Bạch linh 66,7mg; Bột mịn Hoàng kỳ 36,7mg; Bột mịn Toan táo nhân 16,7mg; Bột mịn Cam thảo 6,6mg - 55,4mg), 73,3mg, 66,7mg, 36,7mg, 16,7mg, 6,6mg	1.01	Uống

Đảng sâm 15 mg; Bạch truật 30 mg; Hoàng kỳ 30 mg; Cam thảo 7,5 mg; Phục linh 30 mg; Viễn chí 3 mg; Toan táo nhân 30 mg; Long nhãn 30 mg; Đương quy 3mg; Mộc hương 15mg; Đại táo 7,5 mg - 15 mg, 30 mg, 30 mg, 7,5 mg, 30 mg, 3 mg, 30 mg, 30 mg, 3mg, 15mg, 7,5 mg	1.01	Uống
Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Hoàng bá 0,84 g; Tri mẫu 0,84 g; Sơn thù 0,42 g; Viễn chí 0,42 g; Khiếm thực 0,26 g; Liên tu 0,26 g; Phục linh 0,26 g; Mẫu lệ 0,17 g - 0,84 g, 0,84 g, 0,42 g, 0,42 g, 0,26 g, 0,26 g, 0,26 g, 0,17 g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa cao đặc Actiso (tương đương 0,8 g Actiso) 0,1g; Cao rau đắng đất (tương đương 0,33 g Rau đắng đất) 0,075 g; Cao bìm bìm biếc (tương đương 0,075g Bìm bìm biếc) 0,011 g - 0,1g, 0,075 g, 0,011 g	1.01	Uống
Mỗi viên chứa cao đặc Actiso (tương đương 1200 g Actiso) 150 mg; Cao rau đắng đất (tương đương 500 mg Rau đắng đất) 112,5 mg; Cao bìm bìm biếc (tương đương 112,5 mg Bìm bìm biếc) 16 mg - 150 mg, 112,5 mg, 16 mg	1.01	Uống
Mỗi 5 ml chứa: Cao khô lá thường xuân (4-8):1 35mg - 35mg	1.01	Uống
Mỗi 100ml siro chứa: Dịch chiết lá thường xuân 70% cồn (tương đương 40mg Hederacoside C) 2g - 2g	1.01	Uống

CỔ TRUYỀN
Bộ trưởng Bộ Y tế)

HAM_LUONG	DONG_GOI	HANG_SX
2g, 200mg; 2g (180mg); 1g (100mg)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
150mg (15mg); 2400mg (40mg)	Hộp 5 vỉ x 20 viên; Lọ 100 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
50mg; 53mg	Lọ 100 viên	
	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
75mg; 300mg	Hộp 10 vỉ x 5 viên. Chai 100 viên	
40mg; 300mg	Hộp 10 vỉ x 5 viên. Chai 100 viên	
	hộp 1 lọ 100 viên nén bao đường	Viện dược liệu
	hộp 1 lọ 50 viên, 100 viên bao đường	Viện dược liệu
tương đương 15g cây Ngũ sắc	hộp 1 lọ 15ml thuốc xịt mũi	Viện dược liệu
0,845g cao đặc	hộp 20 túi x 2g cốm	
1,35g	hộp 1 lọ 60 viên, 100 viên nén bao đường	
750mg (tương đương 15g cây Ngũ sắc)	hộp 1 lọ 15ml thuốc xịt mũi	
(tương đương 15g cây ngũ sắc) 750mg/15ml	Hộp 1 lọ 15ml	
170mg; 0,002ml	Hộp 1 lọ 60 viên	
0,403g, 0,403g, 0,403g, 0,403g, 0,403g, 0,301g, 0,201g, 0,201g 0,845g, 0,201g, 0,201g, 0,201g	Hộp 20 gói x 2g	

4g	Hộp 2 vỉ x 10 ống x 10ml dung dịch uống	
	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Quảng Ninh
	hộp 1 lọ 50g hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
55%; 14%	Hộp 1 chai x 10ml, 25ml dung dịch dùng ngoài	Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Opodis
	Hộp 1 chai 24ml; 12ml; 5ml; 2,5ml; 1,5ml dầu gió	Công ty TNHH thương mại dược phẩm, bao bì y tế Quang Minh
	Hộp 1 chai 1,5ml, 3ml, 5ml dầu xoa	Cơ sở dầu gió Trung Tâm
	Hộp 1 lọ 10ml, 20ml, 40ml dầu xoa	Cơ sở dầu gió Trung Tâm
	Chai 100 viên, 200 viên nén	Cơ sở Gia đình
	Hộp 1 chai 200ml thuốc nước	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Lọ 3ml; 5ml; 10ml dung dịch dầu	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
6,3g tương đương 450mg cao	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 2 vỉ x 10 viên; 5 vỉ x 10 viên; 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1,25g; 1g; 0,25g	Hộp 1 lọ x 100 viên nén bao đường, Hộp 1 lọ 60 viên nén bao đường	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH dược phẩm Kim Hoàng Ân
	Hộp 1 chai 1,5ml, 3ml, 6ml, 10ml dầu xoa	Cơ sở đông nam dược Cao long Việt Nam
	Hộp 1 chai 6ml, 12ml, 24ml dầu xoa	Cơ sở đông nam dược Cao long Việt Nam
	Hộp 1 chai 12ml, 24ml và 60ml dầu xoa	Cơ sở đông nam dược Cao long Việt Nam
	Hộp 1 chai 3ml, 6ml, 12ml, 24ml dầu xoa	Cơ sở kinh doanh dầu xoa Tân Thập
	Hộp 1 lọ 60ml thuốc nước	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương
	Hộp 1 lọ 30g, túi PE 15g viên hoàn cứng	Cơ sở sản xuất thuốc y học cổ truyền Phước Sanh
	Hộp 1 chai 100 viên bao đường	Trung tâm ứng dụng KHCN đông Y đông Dược
	Chai 3ml, Chai 6ml, Chai 12ml, Chai 24ml dung dịch dầu	Công ty TNHH Dương Phong

3g	Chai 40 viên nang, Hộp 2 vỉ x 10 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
40g	Chai 80ml, Chai 200ml thuốc nước (chai thủy tinh); Chai 200ml thuốc nước (chai nhựa)	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 4 chai x 40 viên; hộp 1 túi nhôm 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Thiên Dược
	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 lọ 6ml, hộp 1 lọ 24ml dầu xoa	
	Hộp 10 túi PE x 10g, hộp 1 lọ 50g, 100g viên hoàn cứng	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
	Hộp 2 vỉ, hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
0,75g; 1,75g	Hộp 20 vỉ x 1vi/chai x 5ml/chai dung dịch dầu	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn (Sagophar)
	hộp 1 chai 2,5ml, 3ml, 6ml, 7ml, 10ml, 12ml, 18ml, 24ml dầu xoa	Cơ sở dầu gió Trung Tâm
	Chai 15ml dung dịch dầu	Cơ sở Phước Linh.
	Hộp 1 chai 100ml sirô	Cơ sở SX KD thuốc thành phẩm YHCT Thuận Thiên Đường
	Chai 40 viên, hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 30 gói x 4g, chai 40g viên hoàn cứng	Công ty cổ phần dược phẩm đông dược 5
120mg	Hộp 1 chai x 100 viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2
	Hộp trung gian: 20 hộp x 1 lọ 5ml/hộp	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2
	Chai 15ml; 24ml dung dịch dầu	Công ty TNHH Đông nam dược Trường Sơn
	Chai 1,5ml; 5ml; 25ml dung dịch dầu	Công ty TNHH Đông nam dược Trường Sơn
130mg; 40mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên; hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty TNHH dược phẩm Hoa Sen
	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Nata-Hoa linh
	Hộp 10 gói, 20 gói x 10g thuốc cầm	Công ty TNHH Vạn Xuân
	Chai 12ml; 38ml dung dịch dầu	Cơ sở Anh Đào

	Hộp 1 lọ 250ml thuốc nước	Cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm YHCT được thảo Nhất Nhất
	Hộp 10 túi x 3g trà	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
	Chai 30 viên hoặc 60 viên nang cứng, hộp 2 hoặc 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty Cổ phần dược phẩm Khang Minh
	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái
	Hộp 1 lọ 60ml, hộp 1 lọ 120ml thuốc nước dùng ngoài	
45mg, 110mg, 60mg, 45mg, 60mg, 60mg, 110mg, 45mg, 60mg, 15mg		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 1 lọ 30g (250 viên), hộp 1 lọ 50g (420 viên) hoàn cứng	
150mg; 20mg	Hộp 1 vỉ, hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 1 lọ 30 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	
	Hộp 10 túi x 5g trà hòa tan	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Chai thủy tinh 80ml, chai nhựa 200ml, cao lỏng	
	Chai 40 viên, hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
	hộp 10 gói x 5g thuốc bột	
250mg		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 3 vỉ x 10 viên, lọ 30 viên nang	
	Hộp 1 chai 250ml thuốc nước	
500mg		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

	Thùng 500 chai, lọ 10 chai 1,5ml dung dịch dầu	
	Thùng 200 chai, thùng 500 chai, lọ 10 chai 1,5ml, hộp 10 chai 5ml dung dịch dầu	
9g; 0,8g	Hộp 1 lọ 100ml thuốc nước	
250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg, 200mg		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 10 gói 5g hoàn cứng	
	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, chai 60 viên nang cứng	
	Hộp 1 chai 240 hoàn cứng	
200mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	
200mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao đường	
	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng. Hộp 10 túi x 50g viên hoàn cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 túi x 4g viên hoàn cứng	
	Hộp 10 gói 5g, lọ nhựa 50g hoàn cứng	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
	Hộp 1 chai 125ml cao lỏng	
	Hộp 10 túi x 40 hoàn cứng	
	Hộp 10 hộp nhỏ x 1 viên hoàn mềm 10g	
5g	Hộp 10 ống x 10ml, hộp 20 ống x 10ml thuốc ống uống	
	Hộp 6 vỉ x 10 viên nang. Hộp 1 lọ x 60 viên nang cứng	
120mg, 240mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Hộp 1 lọ x 280ml thuốc nước	

	Hộp 5 gói x 2g, hộp 10 gói x 2g thuốc cầm	
	Chai thủy tinh 80ml; chai nhựa 200ml, cao lỏng.	
150mg, 40mg	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
100mg, 75mg, 75mg	Lọ 60 viên, 100 viên bao đường	
	Hộp 1 lọ 60 viên bao đường	
	Hộp 1 lọ x 60ml thuốc nước uống	
	Hộp 1 lọ 125ml siro thuốc	
	Hộp 1 chai 150ml, hộp 1 chai 200ml cao lỏng	
	Hộp 10 gói 5g hoàn cứng	
	Hộp 1 chai 60 viên nén bao đường	
	Hộp 1 lọ x 60 viên bao phim. Kiện 100 hộp	
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên nang cứng. Hộp 1 lọ x 30 viên, 50 viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
50g; 15,625; 12,5g	Hộp 1 chai 125ml cao lỏng	
	Hộp 1 chai 70g viên hoàn cứng, Túi 50g viên hoàn cứng	
	Hộp 1 chai 70g viên hoàn cứng; túi 50g viên hoàn cứng	
	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang; hộp 10 vỉ x 10 viên nang; chai 40 viên nang	
100g, 5g	Lọ 2ml, 5ml, 10ml thuốc dùng ngoài	
	hộp 1 chai 2ml, 3ml, 5ml, 10ml dầu xoa	
	hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 50 viên nén bao phim	
	Hộp 10 gói, 20 gói x 3g viên hoàn cứng	
	Hộp 1 chai, 12 chai x 6ml, hộp 1 chai, 12 chai x 25ml dầu xoa	

	Hộp 1 chai 60 viên nén bao đường	
100mg, 75mg, 75mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên bao đường	
120mg	Hộp 1 lọ x 100 viên bao đường	
	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang	
	Hộp 1 chai 125ml sirô thuốc	
100mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên bao đường	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty Cổ phần Dược - VTYT Nghệ An
	Hộp 15 túi x 5g thuốc bột	
4g	Hộp 10 ống 10ml, hộp 20 ống 10ml thuốc ống uống	
	Hộp 1 lọ 200 hoàn cứng bao đường	
	Chai 100ml siro	
	Hộp 1 chai 6ml dung dịch dầu	
	Hộp 1 chai 2,5ml, 6ml, 12ml, 18ml, 24ml dung dịch dầu	
	Hộp 1 chai 6ml, 12ml, 18ml, 24ml dung dịch dầu	
	Hộp 1 chai 10ml, 30ml, 50ml dung dịch dầu	
	Hộp 1 chai 10ml, 30ml, 50ml dung dịch dầu	
	Chai gồm 500ml rượu bổ	
	Chai thủy tinh 3ml; hộp 10 chai x 3ml dầu xoa	
20mg, 150mg	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
0,25g; 0,2g	Hộp 1 lọ 60 viên nang	
	Hộp 1 chai 60 viên nang	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang; Chai 40 viên nang; Chai 60 viên nang	
4ml; 0,5ml; 3g; 1,5g	Chai thủy tinh 10ml dung dịch dầu, Chai thủy tinh 50ml dung dịch dầu	

	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 30 viên nang	
	Hộp 1 lọ x 45 viên bao phim	
1g	Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao phim	
50mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên bao đường	
150mg, 10mg	Hộp 1 vỉ, hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 1 chai 100ml siro thuốc	
	Hộp 10 gói 5g viên hoàn cứng	
	Hộp 1 lọ 280ml thuốc nước	
	Chai 40 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Chai 50g tương đương 150 viên hoàn cứng	
	Chai 50g (tương đương 150 viên hoàn cứng)	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	
	Hộp 10 gói 12 viên, lọ 240 viên hoàn cứng	
	Lọ 400 viên, lọ 250 viên hoàn cứng	
30g	Hộp 1 chai 100ml, hộp 1 chai 250ml thuốc nước	
	Hộp 1 chai x 5ml dầu xoa	
16,08ml; 0,12ml; 4,49g	Hộp 12 chai x 24ml dầu xoa	
	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
2800mg; 200mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
40mg; 750mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
220mg; 100mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	

	Hộp 1 lọ 6ml, hộp 1 lọ 24ml dầu xoa	
20g; 10g; 10g; 10g; 10g; 4g; 4g; 4g; 3g; 3g; 2g; 0,044g	Hộp 1 chai thủy tinh 80ml; Hộp 1 chai nhựa 200ml thuốc nước	
190mg cao khô dược liệu, bột mịn dược liệu (83,33mg, 80mg, 80mg)	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
	Hộp x 10 hộp nhỏ x 1 hoàn	
0,59g; 1,38g; 4,32g	Hộp lớn x 12 hộp x 1 chai 10ml dung dịch dầu xoa	
	Hộp 1 lọ 125ml	Công ty TNHH dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 1 chai 50g viên hoàn cứng	
	Hộp 10 hoàn mềm x 10g	
	Hộp 10 hoàn mềm x 10g	
25g, 50g	Chai 120g tương đương 300 viên hoàn cứng	
	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang	
3000mg/100ml		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 10 gói, 15 gói x 5g bột uống	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 12 viên; hộp 1 lọ x 50 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; lọ 50 viên; lọ 100 viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 1 chai x 100ml cồn thuốc	
	Hộp 10 vỉ x 15 viên, hộp 5 vỉ x 12 viên nén	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Lọ 50g; lọ 150g thuốc cốm	
	Hộp 1 chai x 10ml dầu xoa	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình

	Chai 125ml cao lỏng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 1 lọ 250ml cao lỏng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Hộp 4 vỉ, 8 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang, kiện 100 hộp	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Á Châu
	Hộp 3g; 5g; 7g; 10g; 20g; 30g; 40g cao xoa	Công ty TNHH Đông nam dược Trường Sơn
	Hộp 3g; 5g; 7g; 10g; 20g; 30g; 40g cao xoa	Công ty TNHH Đông nam dược Trường Sơn
	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 40 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 1 chai 40 viên bao phim	Công ty TNHH Vạn Xuân
	Hộp 1 chai 60 viên nang	Công ty TNHH Vạn Xuân
150mg, 20mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 1 lọ 100ml cao lỏng	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 chai x 80 viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm CALAPHARCO
	Hộp 1 gói 50g hoàn cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1,68g	Hộp 1 lọ 100 viên bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 1 lọ 1,5ml, 6ml, 24ml dầu xoa	Công ty cổ phần Sao Thái Dương
120mg, 35mg	Hộp 1 chai 100 viên nén bao đường, thùng 100 hộp	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 2 vỉ x 10 viên. Chai 40 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Chai 1,5ml dung dịch dầu	Công ty TNHH SX TM Kim Chuông
	Hộp 2 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 9 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

	Hộp 1 lọ 100ml dung dịch thuốc uống	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
250mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên; hộp 1 lọ 90 viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
	Hộp 10 gói 4g cốm tan (gói nhôm - nhôm)	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 1 chai 100 viên nén bao phim (chai thủy tinh màu nâu). Hộp 4 vỉ x 18 viên nén bao phim (vỉ nhôm-PVC). Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim (vỉ nhôm-nhôm)	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 1 chai 100 viên nén bao phim (chai thủy tinh màu nâu). Hộp 1 chai 100 viên nén bao phim (chai nhựa HDPE). Hộp 4 vỉ x 18 viên nén bao phim (vỉ nhôm-PVC). Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim (vỉ nhôm - nhôm)	
	Hộp 1 lọ x 100 viên bao đường	
100mg; 50mg; 0,75mg; 0,36mg; 0,50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
120mg	Hộp 1 lọ x 100 viên bao phim	Công ty CP dược Lâm Đồng
45g; 11,25g; 0,08g	Hộp 1 chai 90ml sirô thuốc	
50mg, 30mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén ngậm	
	Hộp 1 chai 100ml cao lỏng	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	
10mg, 150mg	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 30 vỉ, 50 vỉ x 20 viên nén bao phim	
100mg, 75mg, 75mg	Lọ 100 viên bao đường; Lọ 60 viên bao đường màu đỏ nâu	Công ty CP dược Lâm Đồng
100mg, 75mg, 75mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên bao đường, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường màu cam	Công ty CP dược Lâm Đồng
100mg, 75mg, 75mg	Lọ 100 viên bao đường, lọ 60 viên bao đường màu cam	Công ty CP dược Lâm Đồng
120mg	Hộp 1 lọ x 100 viên bao phim màu nâu đỏ	Công ty CP dược Lâm Đồng
120mg	Hộp 1 lọ x 100 viên bao phim màu xanh ngọc	Công ty CP dược Lâm Đồng
	Hộp 1 chai 120ml, hộp 18 ống x 5ml dung dịch uống	

	Hộp 2 vỉ x 15 viên nén bao phim	
	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng	
120mg	Thùng 72 hộp, hộp 1 chai 100 viên bao phim hình bầu dục	
	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim	
200mg, 40mg	Hộp 10 vỉ (nhôm/PVC) x 10 viên nang mềm	
200mg, 150mg, 16mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm	
30mg, 50mg, 60mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao đường	
	Hộp 1 lọ 50g thuốc cốm	
100mg (1g)	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty Cổ phần Dược - VTTYT Nghệ An
100mg (1g)	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim. Lọ 50 viên, 100 viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược - VTTYT Nghệ An
400mg, 50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 100 viên bao phim	
100mg, 7mg	Hộp 4 vỉ x 10 viên, chai 100 viên nén bao phim	
80mg, 60mg, 60mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, 300 viên nén bao phim	
500mg (tương đương với 2,5mg alkaloid toàn phần)	Hộp 1 chai x 60 viên, hộp/túi x 10 vỉ x 10 viên nang	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
	Hộp 10 hoàn mềm x 10g	
	Hộp 24 viên hoàn mềm x 10g	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
1,312g; 1,050g; 4,2g	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang	
1200mg	Hộp 1 chai x 100 viên nén bao đường	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
150mg; 5mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 1Lọ 60 viên nang mềm	
200mg; 50mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, lọ 60 viên	
50mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang mềm	
150mg, 50mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao phim	

	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên nang mềm	
150mg cao khô dược liệu	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	
50mg, 150mg	Hộp 1 túi nhôm x 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	
5mg, 150mg	Hộp 1 túi nhôm x 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược - VTTYT Nghệ An
	Hộp 4 vỉ x 10 viên nang cứng	
150mg, 50mg	Hộp 1 viên, 2 viên, 5 vỉ x 20 viên bao phim	
150mg, 50mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
	Hộp 1 chai 100 viên (chai thủy tinh màu nâu, chai nhựa HDPE), Hộp 2 vỉ x 25 viên (vỉ nhôm-PVC), Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim (vỉ nhôm- nhôm)	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 10 túi x 5g hoàn cứng	
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 10 túi x 5g viên hoàn cứng	
0,2g	Hộp 1 tuýp 50 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên bao đường	
	Hộp 1 chai 90ml cồn thuốc dùng ngoài	
	Hộp 3 vỉ x 10 viên bao phim	
150mg, 50mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên nén bao đường	
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao phim	
625mg	Hộp 9 vỉ x 10 viên nang	
100mg; 75mg; 7,5mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao đường	
	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng	
	Hộp 10 túi x 3g cốm	
120mg	Hộp 1 chai 100 viên nén bao đường	

200mg	Hộp 1 chai 100 viên nén bao đường	
625mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
	Hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên nang mềm	
	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên bao phim	
625mg	Hộp 9 vỉ x 10 viên nang cứng	
250mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	
	Hộp 1 lọ 100ml thuốc nước uống	
326mg; 245mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang	
160mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai x 60 viên nang	
0,6g; 0,6g; 0,015g; 0,015g; 0,0075g; 0,075g	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên nang	
150mg; 5mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên bao đường	
	Hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE); Hộp 1 chai 60 viên (chai thủy tinh màu nâu); Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-PVC); Hộp 6 vỉ x 10 viên nang (vỉ nhôm-nhôm)	Công ty CP BV Pharma
156,3mg tương đương lá actiso tươi 3,908g/ ống	Hộp 20 ống x 10ml thuốc nước uống	
150mg, 5mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim	
400mg, 100mg, 125mg	hộp 2 vỉ x 10 viên bao phim	
	Hộp 1 lọ x 5ml dầu xoa	
100mg; 50mg; 0,5mg; 0,36mg; 0,75mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
142,8mg; 46,6mg	Hộp 1 lọ x 60 viên nén bao phim	
100mg, 75mg, 75mg	Hộp 1 lọ x 100 viên. Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	
	Hộp 1 chai 100 viên (chai thủy tinh màu nâu hoặc chai nhựa HDPE), Hộp 4 vỉ x 18 viên (vỉ nhôm -PVC), hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim (vỉ nhôm - nhôm)	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 5 vỉ x 20 viên, hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao phim	

1g	Hộp 1 chai x 100ml, hộp 50 gói x 7ml dung dịch thuốc	
250mg (tương đương 1,25mg alcaloid toàn phần)	Hộp 4 chai x 40 viên, hộp/túi/10 vỉ x 10 viên nang	
	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 10 viên nén bao phim	
100mg, 75mg, 7,5mg	Hộp 2 vỉ, 6 vỉ x 15 viên nén bao phim	
1,6g; 1,6g; 0,04g; 0,04g; 0,02g; 0,02g	Hộp 10 túi x 4g hoàn cứng	
200mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang, hộp 1 chai 60 viên nang	
40mg, 150mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	
250mg	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang cứng. Chai 100 viên nang cứng	
267mg Cao khô dược liệu (257mg; 257mg; 257mg; 190,3mg; 190,3mg; 190,3mg; 173,1mg; 52mg); Bột mịn dược liệu (66,7mg; 66,7mg)	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	
120mg	Hộp 1 chai x 100 viên nén bao đường	
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên bao phim	
50mg, 200mg		Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 1 lọ x 45 viên. Hộp 5 vỉ x 10 viên	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
	Hộp 1 chai 100ml	
100mg, 75mg, 75mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	
150mg, 30mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 2 vỉ x 10 viên	
200mg; 150mg; 16mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên	
120mg, 40mg	Hộp 1 lọ 100 viên	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên	
	Hộp 10 gói 3g	
	Hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên. Lọ 60 viên, lọ 100 viên	
	Hộp 20 túi x 5g	

500mg (200mg cao khô); 500mg (5mg Curcumin); 100mg	Hộp 1 lọ 50 viên	
	Hộp 1 lọ x 100 viên. Hộp 6 vỉ x 10 viên	
75mg,150mg, 10mg	Hộp 10 vỉ, 5 vỉ x 10 viên, lọ 50 viên	
	Hộp 10 gói x 50g hoàn cứng	
	Hộp 9 vỉ x 10 viên	
1g	Thùng carton chứa 4 túi x 5 kg, 2 túi x 10 kg, 1 túi 15 kg; bao dệt PP chứa 1 túi 15 kg	
150mg; 100mg; 100mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
150mg; 40mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
160mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	
	Chai 30 viên. Hộp 2 vỉ x 10 viên	
250mg;100mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	
300mg;100mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 2 vỉ x 15 viên	
150mg; 3000mg; 1500mg	Hộp 15 túi x 3g, hộp 1 lọ 60g	
0,1g	Hộp 2 vỉ x 20 viên	
96mg; 48mg; 48mg; 36mg; 36mg; 36mg	Hộp 1 chai 240 viên, hộp 1 chai 100 viên	
300mg	Hộp 3 vỉ x 12 viên, hộp 5 vỉ x 12 viên, hộp 1 chai 60 viên, hộp 1 chai 100 viên	
50mg; 50mg; 50mg; 12,5mg; 25mg; 75mg; 50mg; 25mg; 75mg; 50mg	Hộp 1 chai 100 viên, hộp 1 chai 240 viên	
250mg	Hộp 2 vỉ, hộp 3 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên	
(tương đương 100mg cao đặc 1/10) 1000mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	
300mg;100mg	hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	
230mg cao đặc (432mg, 432mg); 170mg cao đặc (250mg, 216mg, 173mg, 151mg, 173mg, 215mg)	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 60 viên	
1ml chứa: 561,5mg; 104,5mg; 41,8mg; 0,6mg; 5,2mg; 35,8mg	Hộp 1 chai 6ml, 10ml	

100mg; 50mg; 0,5mg; 0,36mg; 0,5mg	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	
196,98mg cao đặc (320mg; 160mg; 20,14mg; 120mg; 99,2mg; 74,55mg); 206,10mg bột kép (99,86mg; 60,8mg; 45,45mg)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	
(tương đương 50mg cao đặc 1/10) 500mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	
100mg; 0,5mg; 0,18mg; 0,5mg	Hộp 3, 6, 10 vỉ x 10 viên; Chai 60, 100, 200, 250, 500 viên	
150mg; 5mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
100mg; 75mg; 7,5mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
100mg; 75mg; 7,5mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
200mg; 150mg; 16mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	
90mg; 230mg; 100mg; 50mg	Hộp 1 lọ x 45 viên, 1000 viên. Hộp 5 vỉ x 10 viên	
	Hộp 3 vỉ x 10 viên	
200mg; 50mg	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 60 viên	
75mg; 139mg; 60mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	
0,7mg; 852mg; 232mg; 50mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 2 vỉ x 10 viên	
40,5mg cao đặc (73,5mg; 66mg; 60,5mg; 44,75mg; 15,12mg); bột kép (5,25mg; 6mg; 5,5mg; 48,75mg; 4mg; 48,75mg; 16,5mg)	Hộp 1 chai 100 viên; Hộp 1 chai 240 viên	
100mg; 20mg	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	
200mg; 40mg	Hộp 2 vỉ, hộp 3 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên	
8g	Hộp 1 lọ 100ml	
100ml = 4ml; 5ml; 2ml; 2ml; 1ml; 0,3g 65,	Chai thủy tinh 6ml, 35ml	
300mg cao khô được liệu	Hộp 3 vỉ x 10 viên bao phim	

150mg; 75mg	Hộp 25 gói x 3g	
120mg	Hộp 1 chai 100 viên	
537,5mg	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 10 vỉ, 15 vỉ, 20 vỉ x 5 viên.	
284mg; 284mg; 240mg; 200mg; 180mg; 160mg; 160mg; 140mg; 24mg; 116mg; 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
(2500mg) 100mg; (400mg) 50mg; (500mg) 81,5mg; (85mg)	Hộp 2 vỉ x 20 viên (vỉ nhôm - PVC); Hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE)	
10:1 (1500mg) 150mg; 40	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
(1500mg) 462mg; (100mg) 12mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	
120mg	Hộp 1 chai x 100 viên; hộp 1 chai 60 viên	
0,1g	Hộp 2 vỉ x 20 viên	
	Túi PE 0,5 kg, 5 kg	
100ml (5g; 2,6g; 1,5g; 1,5g; 1,366g; 1,333g; 1,126g; 0,966g; 0,72g; 0,473g; 0,525g; 0,166g)	Hộp 1 chai 100ml, 125ml (chai nhựa màu nâu hoặc chai thủy tinh màu nâu)	Công ty CP BV Pharma
100ml (80g; 20g; 25g)	Hộp 1 chai 100ml, 180ml (chai thủy tinh màu nâu hoặc chai nhựa PET màu nâu)	Công ty CP BV Pharma
(1g; 0,3g, 0,3g, 0,3g, 0,3g, 0,3g, 0,3g, 0,3g, 1,02g, 0,12g) 0,21g	Hộp 20 ống x 10ml	
(0,63g; 0,42g; 0,33g; 0,33g; 0,42g; 0,33; 0,42g; 0,63g; 0,63g; 0,42g) 0,2g	Hộp 20 ống x 10ml	
6g	Hộp 9 gói x 9g	
250mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 15 viên	

(1000mg) 100mg; (750mg) 75mg; 75mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên	
(1,44g) 120mg; (10,8mg) 50mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 15 viên	
(1,01g 160mg; 110mg; 110mg; 30mg; 110mg; 80mg; 110mg; 160mg;110mg; 30mg) 101mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên	
(1,01g = 160mg; 110mg;110mg; 30mg; 110mg; 80mg; 110mg; 160mg;110mg; 30mg) 101mg	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	
0,3g; 0,2g; 0,16g; 0,16g; 0,2g; 0,16g; 0,2g; 0,3g; 0,3g; 0,2g	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	
540mg; 200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 260mg; 260mg; 260mg; 200mg; 200mg; 200mg; 200mg	Hộp 10 túi x 4g hoàn cứng	
100ml = 0,9g; 2,08g; 3,3g; 0,63g; 0,18g; 0,2g; 0,13g; 3,13g; 7,15g; 3,13g; 3,25g; 3,13g;	Hộp 1 lọ 125ml	
125ml = 15g; 20g; 30g; 30g; 30g; 20g; 40g	Hộp 1 chai 125ml; 250ml	
150mg; 50mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
150mg; 50mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
(206mg,; 247mg, 50mg,112mg, 206mg, 286mg, 221mg) 255mg, 160mg 255mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	
280mg 800mg; 344mg; 344mg; 300mg;300mg; 244mg;36,67mg; 16,67mg;56mg; 56mg; 56mg;	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma

300mg khô = 480mg; 440mg; 290mg; 290mg; 250mg; 250mg; 230mg; 230mg; 187,3mg; 187,3mg; 60	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
86,67mg cao khô dược liệu (800mg; 300mg; 120mg); 400mg bột mịn dược liệu	Chai 40 viên; Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
86,67mg cao khô dược liệu (800mg; 300mg; 120mg); 400mg bột mịn dược liệu	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
300mg cao khô dược liệu (330mg; 330mg; 270mg; 80mg); 80mg bột mịn dược liệu (60mg; 20mg)	Chai 40 viên; Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
0,0045ml; 210mg cao khô dược liệu (1120mg; 700mg; 400mg); 280mg bột mịn dược liệu	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
250mg cao khô dược liệu = 432mg; 268,7mg; 250mg; 216mg; 173mg; 151mg; 146,3mg; 91mg; 22mg; 163,3mg;	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	
220mg; 100mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
800mg; 300mg; 300mg; 300mg; 300mg; 248mg; 100mg; 100mg; 52mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
300mg cao khô tương đương 248mg; 248mg; 248mg; 181,3mg; 174,7mg; 124mg; 107,3mg; 87,3mg; 63mg; 63mg; 55,4mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	
3ml chứa: 0,75g; 0,41g; 0,11g; 0,1g; 0,04g	Hộp 1 lọ 3ml, 7ml	
250mg cao khô tương đương 1660	Hộp 4 vỉ x 25 viên (vỉ nhôm- PVC); Hộp 5 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-nhôm); Hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE hoặc chai thủy tinh màu nâu)	Công ty CP BV Pharma
100ml cao lỏng tương đương 5g; 10g; 25g; 10g; 2g	Hộp 1 chai 100ml (chai nhựa PET màu nâu hoặc chai thủy tinh màu nâu)	Công ty CP BV Pharma

195mg cao khô = 1000mg; 500mg	Hộp 4 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-PVC hoặc nhôm-nhôm); Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên (chai nhựa HDPE)	
100mg; 300mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	
200mg cao đặc chứa: 1500mg; 250mg; 250mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
2g cao đặc tương đương 200mg; Cao đặc 1,5g tương đương 150mg; Cao đặc 0,15g tương đương 15mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	
165,33mg cao đặc (300mg, 300mg, 60mg, 140mg, 140mg)	Hộp 2 vỉ x 20 viên, hộp 5 vỉ x 20 viên	
120mg	Hộp 1 lọ x 100 viên	
100mg; 70mg	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	
10g cốm tương đương 1,2g; 1,2g; 0,8g; 0,8g; 0,8g; 3,0g cao các dược liệu tương đương 3,4g; 3,4g; 3,4g; 2,0g; 1,6g; 1,6g	Hộp 10 gói x 5g. Hộp 10 gói x 10g	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
085mg; 15mg; 55mg; (112mg; 56mg; 42mg; 42mg; 42mg; 42mg; 14mg) 70mg;	Hộp 1 lọ x 360 hoàn, 480 hoàn	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
40g; 24g; 8g	Chai thủy tinh 80ml; Chai nhựa 80ml, 200ml	
100mg cao khô tương đương 2500mg; 50mg cao khô tương đương 400mg, 81,5mg cao khô tương đương 500mg; 85mg cao khô	Hộp 2 vỉ x 20 viên (vỉ nhôm - PVC); Hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE)	
300mg; 100mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	
220mg cao khô dược liệu (376,2mg; 376,2mg; 250,8mg; 250,8mg; 250,8mg; 188,1mg; 125,4mg); bột dược liệu: 250,8mg	Hộp 1 lọ 30 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	
90mg cao khô dược liệu (240mg; 120mg; 90mg); Bột dược liệu (120mg; 90mg; 90mg)	Hộp 1 lọ 30 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	
125mg cao khô dược liệu (600mg; 300mg; 300mg; 50mg); bột dược liệu: 300mg	Hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	

220mg cao khô = 2400mg; 1000mg	Hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	
200mg tương đương 2g	Hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên	
4g hoàn cứng tương đương 0,32g; 0,32g; 0,32g; 0,08g; 0,16g; 0,48g; 0,32g; 0,16g; 0,48g; 0,32g	Hộp 10 túi x 5g hoàn cứng	
2g; 1g; 1g; 2g; 1,5g; 3g; 2g; 0,6g; 0,02ml	Hộp 1 chai 100ml	
4g hoàn cứng tương đương 0,32g; 0,32g; 0,32g; 0,08g; 0,16g; 0,48g; 0,32g; 0,16g; 0,48g; 0,32g	Hộp 10 gói x 4g hoàn cứng	
240mg cao khô toàn phần tương đương 760mg; 70mg; 70mg; 160mg; 50mg; 60mg; 140mg; 140mg; 140mg	Hộp 1 chai 70 viên, 100 viên (chai thủy tinh màu nâu); Hộp 4 vỉ x 18 viên, hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - PVC); Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm)	Công ty CP BV Pharma
165mg tương đương 2063mg	Hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE); Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm và vỉ nhôm - PVC).	
120mg tương đương 500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	
15g; 10g; 8g; 8g; 10g;8g;10g; 15g; 15g; 10g	Hộp 10 gói x 10g, hộp 10 gói x 6g, hộp 1 lọ 60g	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
13,12g; 7,04g; 5,28g; 7,04g; 5,22g; 5,28g (0,5%) 12ml	Hộp 1 lọ 60g, hộp 1 lọ 100g, hộp 10 gói 6g, hộp 20 gói 6g Hộp 1 chai 60ml, 120ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
456mg cao đặc tương đương 0,63g; 0, 42g; 0, 33g;0, 33g; 0, 42g; 0, 33g; 0, 42g; 0, 63g; 0, 63g; 0, 42g	Hộp 5 vỉ x 10 viên. Lọ 50 viên	
180mg cao khô: 800mg; 200mg; 200mg; 200mg	Hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	
145mg cao khô: 300mg; 300mg; 300mg; 200mg; 150mg; 150mg; 50mg	Hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	
30mg, 50mg, 60mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao đường	
4g/10ml	Hộp 10 ống x 10ml, hộp 20 ống x 10ml	
140mg; 15mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 50 viên, 100 viên	
93mg; 46mg; 46mg; 35mg;35mg; 35mg	Hộp 1 lọ x 240 viên, 480 viên	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

3g; 3g; 3g; 1,8g; 1,8g; 1,2g; 1,2g; 1,2ml	Hộp 1 bình xịt 60ml	
80ml tương đương 51,2g; 16g; 12,8g	Chai thủy tinh 80ml; Chai nhựa 80ml, 200ml.	
80ml tương đương 9g; 9g; 5g; 5g; 4g; 1g; 1g	Chai thủy tinh 80ml; Chai nhựa 80ml, 200ml.	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
40mg, 150mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	
190mg cao khô dược liệu tương đương 795mg; 357,5mg; 354,17mg; bột mịn dược liệu tương đương 83,33mg; 80mg; 80mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên.	
260mg cao khô dược liệu (400mg, 380mg, 260mg, 280mg, 200mg, 260mg, 140mg, 260mg); 80mg; 200mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên	
250mg	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang cứng. Chai 100 viên nang cứng	
250mg cao khô toàn phần chiết từ 1250mg các dược liệu khô: Hoài sơn 200mg; Sơn thù 200mg; Mẫu đơn bì 150mg; Thục địa 400mg; Trạch tả 150mg; Phục linh 150mg	Hộp 1 chai 100 viên (chai thủy tinh màu nâu); Hộp 4 vỉ x 18 viên (vỉ nhôm - PVC); Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm)	Công ty CP BV Pharma
280mg	Hộp 10 ống x 10ml	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
100mg; 75mg; 75mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên; Lọ 60 viên	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
0,28g cao khô tương đương 4g	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
250mg cao khô dược liệu tương đương 600mg; 400mg; 600mg; 600mg	Hộp 1 lọ 60 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
5,25mg, 100mg, 75mg	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
407,7mg/1,5ml; 64,61mg/1,5ml; 75mg/1,5ml	Hộp 1 chai 1,5ml; 5ml; 15ml	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
2,125g cao được chiết từ 6,12g các dược liệu tương đương 2,4g; 1,2g; 1,2g; 0,12g	Hộp 10 gói x 4g	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 1 chai 100ml (chai nhựa PET màu nâu hoặc chai thủy tinh màu nâu)	

183mg; 8mg; 35mg; 10mg; 10mg; 80mg	Hộp 1 lọ x 100 viên	
180mg cao khô tương ứng 3g	Hộp 1 chai 60 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
100mg cao đặc tương đương 1000mg lá; 75mg cao đặc tương đương 562,5mg; 75mg	Hộp 1 lọ x 60 viên, 180 viên	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
Cao đặc (1:10) (2g) tương đương 200mg; Cao đặc (1:10) (1,5g) tương đương 150mg; Cao đặc (1:10) (0,16g) tương đương 16mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên.	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
250mg cao khô tương đương 2,5g	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 9 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
100mg, 70mg	Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
280mg cao khô dược liệu tương đương 800mg; 344mg; 344mg; 300mg; 300mg; 244mg; 36,67mg; 16,67mg; 6mg; 56mg; 56mg;	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
3ml =1,92ml; 0,48g; 0,3g; 0,15ml	Hộp 1 chai thủy tinh 3ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
155mg cao khô dược liệu tương đương 2800mg; 200mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
40g/80ml	Hộp 1 chai nhựa 80ml, 200ml; Hộp 1 chai thủy tinh 80ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
220mg cao khô dược liệu tương đương 3400mg; 100mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
(2,5g) 250mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt
	2 vỉ 10 viên/ hộp, 100 hộp/ thùng carton; 5 vỉ 10 viên/ hộp, 48 hộp/ thùng carton	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai 100 viên nang	
	Hộp 1 chai 100 viên bao đường hình bầu dục	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Hộp 1 chai 100 viên bao đường hình bầu dục	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Hộp 1 lọ 100ml dung dịch thuốc uống	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

	Hộp 1 lọ x 45 viên bao phim	Công ty cổ phần dược Danapha
120mg	Hộp 1 lọ 100 viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
100mg, 75mg, 75mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao đường, Lọ 60 viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
1500mg, 250mg, 250mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây.
0,45ml; 0,07; 75mg	Chai thủy tinh 1,5ml; 5ml; 15ml đầu xoa; Hộp 1chai	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
(150mg) 49,5mg; 180mg; 600mg; 600mg; (638mg) 242mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
100mg, 75mg, 7,5mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 lọ 100ml siro	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1200mg	Hộp 1 lọ 100 viên bao phim	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
1,5g	Chai 50 viên; chai 100 viên nang	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1,5g	Chai 50 viên; chai 100 viên nang	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
5,25mg; 100mg; 75mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty cổ phần dược phẩm ME DI SUN
	Hộp 12 hoàn mềm 5g	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén tròn bao phim, Hộp 1 chai 100 viên nén tròn bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
200mg	Hộp 6 vỉ x 5 viên; 12 vỉ x 5 viên; lọ 100 viên; lọ 60 viên nang mềm	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
120mg	hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ, 50 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, 250 viên, 500 viên nang mềm	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
100mg, 75mg, 7,5mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên bao đường, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
100mg, 70mg	Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 chai 100ml cao lỏng	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên bao đường	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Xí nghiệp dược phẩm 120 - Bộ Quốc Phòng

	hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 100 viên nang	Xí nghiệp dược phẩm 150 - Bộ Quốc Phòng
200mg; 100mg	Hộp 1 chai x 100 viên nén bao đường	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
	Hộp 10 vỉ x 10 viên, chai 80 viên nang mềm	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3000mg (290mg cao khô và 200mg bột)	Chai 30 viên nang	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
3500mg (300mg cao khô và 190mg bột)	Chai 30 viên nang	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
	Chai 30 viên nang	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
200mg, 30mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên bao đường, Chai 100 viên bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
100mg; 75mg; 75mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 60 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
9g; 0,8g	Hộp 1 lọ 100ml dung dịch uống	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 chai 100ml cao lỏng	Công ty CP BV Pharma
120mg	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ, 25 vỉ, 50 vỉ x 10 viên, chai 100 viên, 250 viên, 500 viên nang mềm	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
1500mg; 540mg; 360mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
	Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 2 vỉ x 20 viên, hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty TNHH dược phẩm Hoa Sen
	Hộp 1 lọ 10ml	Công ty cổ phần dược Danapha
3g	Hộp 1 chai 60 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9.
300mg, 40mg	Hộp 10 vỉ x 5 viên nang mềm	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2..
	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
	Hộp 1 chai 40 viên bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ
	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
	Hộp 2 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
200mg, 150mg, 16mg	Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 6 viên nang mềm	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

300mg, 100mg	Hộp 1 vỉ, Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
150mg, 5mg	Hộp 1 vỉ, Hộp 2 vỉ, Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 1 chai x 100 viên bao đường	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)
	Hộp 1 chai x 100 viên bao đường	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC (NIC Pharma)
4g	Hộp 1 lọ nhựa x 100 viên nén bao đường	Xi nghiệp dược phẩm 120- Công ty Dược và TTBYT Quân Đội
	Hộp 1 chai 100ml thuốc nước	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Chai 100ml, 100 lọ/thùng carton, chai 125ml, 80 lọ/thùng carton	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	2 vỉ 10 viên/ hộp, 100 hộp/ thùng carton; 5 vỉ 10 viên/ hộp, 48 hộp/ thùng carton	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
250mg	Lọ 100 viên	Công ty dược trung ương 3
49,5mg; 242mg cao tương đương 180mg; 600mg; 600mg; 638mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên	
	Hộp 1 lọ 10ml	
100mg, 50mg, 0,75mg, 0,36mg, 0,50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	
(10:1) 0,2g; (10:1) 0,05g; (10:1) 0,05g	Lọ 100 viên	
0,5g	Chai nhựa 60 viên	
	Gói 50g viên hoàn cứng	
	Hộp 9 gói 4g	
300mg toàn phần tương đương 100mg; 200mg	Hộp 1 vỉ x 15 viên	
	Hộp 3 vỉ x 15 viên	
150mg	Hộp 9 gói x 0,6g viên hoàn giọt	
35mg/5ml	Hộp 21 túi 5ml	
700mg/100ml	Hộp 1 chai 100ml, Hộp 1 chai 70ml	
	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 50 viên nang cứng	

	Hộp 6 vỉ x 10 viên nang. Hộp 1 lọ x 60 viên nang cứng	
8g cốm tương đương 2g; 1g	Hộp 6 gói hoặc 9 gói	
462mg bột tương đương 1500mg; 12mg cao tương đương 100mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	
	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Shijiazhuang Yiling Pharmaceutical Co., Ltd.
0,24g/60ml	Chai nhựa 60ml, 100ml, 250ml	
15mg tương đương 150mg; 15,33mg tương đương 230mg; 30mg tương đương 2700mg	Chai 100 VBF, Viên bao phim	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
50mg, 100mg	Lọ 200 viên nang/hộp. Vỉ 10 viên nang x hộp 10 vỉ, hộp 2 vỉ	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
	Chai 200 VNE	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3g	Hộp 1 Chai x 40 viên, Viên bao phim	Công ty TNHH Vạn Xuân
1,2g; 0,96g; 0,28g; 0,28g; 0,28g; 0,28g; 0,24g; 0,24g	Hộp 10 hoàn x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
833mg, 417mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 167mg, 83mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
0.23g; 1.02g; 0.23g, 0.23g; 1.02g; 0.23g; 1.28g; 0.23g; 0.23g; 0.12g.	Hộp 10 túi x 10g viên hoàn cứng. Hộp 10 túi x gói 5g. Hộp 1 lọ 100g hoàn cứng	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0,4g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; 1,8g; 0,6g; 0,6g; 0,6g; Cao dược liệu 0,45g tương đương với Gừng tươi 0,25g, Đại táo 2g	Hộp 1 lọ 12 viên x 8g hoàn mềm, Hộp 10 viên x 8g hoàn mềm	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

	Hộp 9 gói x 9g	
80ml tương đương 9g, 9g, 5g, 5g, 4g, 1g, 1g	Chai 80ml, Chai 200ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang
500mg tương đương 2,5mg alcaloid	Hộp 1chai 20 viên; hộp 1 chai 60 viên; hộp 5 túi nhôm x 2 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Thiên Dược
2000mg; 666mg; 666mg; 666mg; 83mg; 830mg; 500mg; 8,3mg	Hộp 1 lọ x 42 viên, viên nén bao phim, uống. Hộp 2 vỉ x 21 viên, 3 vỉ x 21 viên, Lọ 1000 viên bao phim.	Công ty cổ phần dược Danapha
50g; 50g; 10g; 10g; 8g; 8g; 8g; :2g.	Hộp 4 gói x 12,5g; Hộp 10 gói x 12,5g hoàn cứng.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,6g; 0,6g; 1g	Hộp 10 gói x 5g thuốc cỏm; Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
153,3mg cao khô tương đương 611mg; 70mg; bột mịn tương đương 140mg; 64mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
450mg; 141mg; 8mg	Hộp 50 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 2 lọ 100 viên	Tasly
583mg, 343mg, 2mg	Hộp 2 lọ x 50 viên hoàn cứng	Công ty CP Dược VTYT Thanh Hóa
720mg; 141mg; 8mg	Lọ 45 viên; viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược Danapha
0.675g, 0.21g, 0.012g	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
0,8g; 0,8g; 0,3g; 0,1g	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái
0,6g; 2g; 1,5g; 1g	Hộp 10 viên x 10g	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
150mg; 50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty CPDP Me di sun
105mg; 10mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
150mg; 10mg	Hộp 5vỉ x 20 viên nén bao đường, Uống	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
40mg, 75mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma

150mg; 5mg	Hộp 1 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
105mg cao đặc tương đương 910mg; 10mg cao tương đương 100mg	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
150mg; 50mg	H/100	Medisun
75mg; 80mg	H/100	US Pharma USA
194mg cao khô tương đương 970mg; 10mg cao khô tương đương 2,4mg	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
40mg cao khô tương đương 2,2g; 150mg tương đương 1,5g	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 20 viên. Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 20 viên, 40 viên, 100 viên, 250 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
20mg; 150mg cao đặc 10:1 tương đương 1500mg	Hộp 5vỉ, 10vỉ x 10 viên nang cứng; Uống	CTCPDVITYT Quảng Ninh
20mg; 150mg cao đặc 10:1 tương đương 1500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
183mg; 175mg; 200mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg	Hộp 3 vỉ x10 viên bao phim, Uống	Công ty cổ phần dược Danapha
183mg; 175mg; 15mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg; 91.25mg	Hộp 2 vỉ, hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 100 viên; hộp 1 lọ 200 viên	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
150mg; 180mg; 600mg; 600mg; 638mg	Hộp 5vỉ x 10 viên bao phim, Uống	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
	Hộp 10 vỉ x10 Viên nang	US Pharma USA
462mg cao khô tương đương 420mg; 420mg; 420mg; 840mg; 420mg; 420mg; 840mg; 420mg; 420mg	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 12 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 30 viên, 60 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất
25mg, 25mg, 25mg, 25mg, 25mg, 50mg, 500mg	Hộp/5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
500mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang; Uống	Công ty CP Dược Phẩm Hà Tây
18mg; 18mg; 15mg; 12mg; 12mg; 9mg; 9mg; 6mg; 6mg; 6mg; 6mg; 6mg; 6mg; 6mg	Hộp 300 viên hoàn, Uống	Quingdoa Growful Pharmaceutical Co.,Ltd
2,4g; 2,4g; 2,4g; 2,4g; 1,6g; 2,4g; 1,6g; 2,4; 0,08g	Hộp 10 gói, gói 50 viên	Guangzhou Qixing Pharmaceutical Co., Ltd

0,9g; 1,708g; 3,25g; 1,875g; 0,656g; 1,208g; 1,666g; 1,875g; 6,25g; 1,406; 0,591g; 0,208g; 0,10g	Chai 125ml dung dịch thuốc; Uống	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
0,9g; 1,707g; 3,25g; 1,875g; 0,656g; 1,207g; 1,666g; 1,462g; 1,541; 1,406g; 0,591g; 0,207g; 0,01g	Hộp 1 chai	Công ty CPDP Ninh Bình,
0,9g; 1,708g; 3,25g; 1,875g; 0,656g; 1,208g; 1,666g; 1,875g; 6,25g; 1,406g; 0,591g; 0,208g; 0,10g	Hộp 1 chai	Công ty Cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 1 chai 125ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
170mg; 0,002ml	Hộp 1 lọ 60 viên	
0,7g cao khô tương đương 4,55g	Hộp 1 chai x 100ml	Công ty cổ phần dược Danapha
35mg/5ml, Lọ 100ml	Hộp 1lọ 100ml Sirô Uống	Farmak JSC
420mg cao khô tương đương 6,72g	Hộp 1 chai 60ml, hộp 1 chai 70ml, hộp 1 chai 90ml, hộp 1 chai 100ml, hộp 1 chai 120ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
20g; 30g; 20g; 20g; 20g; 6g; 20g; 20g; 20g; 20g	Chai 250ml cao lỏng, chai 125ml cao lỏng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
100ml tương đương 26.67g; 20g; 26,67; 13,33g	Hộp 1 lọ	Hải Dương
	Hộp 1 chai 125ml	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 1 lọ 125ml	CÔNG TY CP DƯỢC VTYT QUẢNG NINH
	Hộp 1 chai 125ml	Công ty CP Dược VTYT Quảng Ninh
80ml tương đương 20g, 10g, 10g, 10g, 10g, 4g, 4g, 4g, 3g, 3g, 2g, 0,044g	Chai 80ml, Chai 200ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
16,2g; 1,8g; 2,79g; Tiền hồ 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg	Hộp 1 chai 90ml	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
1g; 0,65g; 0,65g; 0,12g; 0,3g; 0,6g; 1g; 0,6g; 0,45g; 0,24g	Hộp 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
0,7g; 1,0g; 0,3g; 0,9g; 0,3g; 0,7g; 0,1g; 0,9g; 0,3g; 0,3g.	Hộp 10 viên x 9g hoàn mềm	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

	Hộp 10 hoàn mềm x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 viên hoàn mềm x 9g	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
0.5g; 0.3g	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
150mg cao khô tương đương 480mg; 260mg, Bột mịn tương đương 20mg; 40mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 6 vỉ x 18 viên	Công ty CP BV Pharma
210mg, 210mg, 105mg, 105mg, 105mg, 105mg, 105mg, 105mg, 105mg, 105mg, 10	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
800mg, 400mg, 400mg, 300mg, 300mg, 300mg, 100mg, 100mg; Bột mịn dược liệu tương đương 56mg; 56mg; 56mg; 33,33mg; 13,33mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
700mg, 530mg, 350mg, 350mg, 265mg, 180mg, 180mg, 265mg, 90mg, 90mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
3000mg	Hộp 1 chai 100ml; siro	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
250mg tương đương 3,6 g dược liệu	Hộp 10 vỉ x 10 viên; lọ 60 viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
500mg tương đương với 7,2g dược liệu	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3g tương đương với 43,2g dược liệu	Hộp 1 chai 100ml	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
0,5g; 0,6g; 0,5g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 3g; 0,3g; 0,3g; 0,6g	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
570mg	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 60 viên	Công ty cổ phần TM và dược phẩm Ngọc Thiện

120mg; 240mg cao đặc được liệu tương đương với thực địa 400mg; Ngưu tất 400mg; Xuyên khung 300mg; Ích mẫu 300mg	Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao phim, Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
500mg; 300mg; 200mg; 400mg; 400mg; 200mg	Hộp 1 lọ x 60 viên nén bao đường, Hộp 1 vỉ x 20 viên nén bao đường, Hộp 2 vỉ x 20 viên nén bao đường, Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao đường	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
108,3mg; 175mg cao đặc tương đương 391,7mg; 400mg; 400mg; 300mg; 200mg; 200mg	Hộp 1 lọ 60 viên. Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
36g; 30g; 10g; 12g; 24g; 3g	Hộp 1 chai 250ml cao lỏng, Hộp 1 chai 200ml cao lỏng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Vỉ 5, hộp 30 viên	Hải Dương
	Hộp 1 chai 40 viên bao phim	Công ty TNHH Vạn Xuân
285mg cao đặc tương đương 600mg; 150mg; 200mg	Hộp 1 lọ x 60 viên, 100 viên. Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
4g tương đương 0,28g cao khô	Hộp 2 vỉ x 12 viên nang cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
	Hộp 2 vỉ x 12 viên	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng
100mg, 50mg, 50mg, 50mg, 50mg, 50mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1,5g; 1,5g; 0,5g; 0,5g	Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên nang cứng	Công ty TNHH Vạn Xuân
400mg; 200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 34mg; 30mg; 30mg; 20mg; 20mg; 100mg	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh
	Lọ 50g, 100g	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
10g chứa 1,15g; 0,96g; 0,96g; 0,71g; 0,71g; 0,71g	Hộp 10 viên x 10g	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1,6g; 0,8g; 0,8g; 0,6g; 0,6g; 0,6g	Hộp 10 hoàn mềm x 9g	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
1,28g; 0,64g; 0,64g; 0,48g; 0,48g; 0,48g	Hộp x 10 viên x 8g hoàn mềm, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	HD Pharma
1,44g; 0,72g; 0,72g; 0,54g; 0,54g; 0,54g	Hộp 10 viên x 9g hoàn mềm	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
15g; 5g; 5.9g; 9g; 6g; 7g.	Gói 60g; hộp 10 gói x 5g; hộp 20 gói x 5g; hộp 1 lọ 30g; hộp 1 lọ 60g; hộp 1 lọ 100g.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar

0,75g; 0,45g; 0,35g; 0,30g; 0,295g; 0,25g	Hộp 10 gói x 5g hoàn cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1g; 0,65g; 0,15g; 0,65g; 0,15g; 0,65g; 0,3g; 0,3g	Hộp 10 gói x 5g hoàn cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái
	H/50	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
25g; 80g; 20g.	Hộp 1 chai 100ml, hộp 1 chai 125ml, hộp 1 chai 200ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
144g, 45g, 36g	Hộp 1 chai 180ml	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
10ml cao lỏng tương đương 8g; 2,5g; 2g	Hộp 1 lọ x 100ml, 200ml. Hộp 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
	Ch/1	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
25g; 80g; 20g.	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên. Lọ 100 viên, 50 viên nang	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
	Hộp 2 vỉ x 10 VNA	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược Danapha
4,2g; 1,312g; 1,05g	Hộp 2vỉ x 10viên nang cứng; Uống	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
160mg cao khô tương đương 1800mg; 200mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
0.375g; 0.375g; 0.25g; 0.25g; 1.75g; 0.045g; 0.75g; 0.125g; 0.25g.	Hộp 10 gói x 5g, hộp 20 gói x 5g, hộp 10 gói x 10g, hộp 20 gói x 10g, hộp 1 lọ 50g, hộp 1 lọ 100g	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
4g hoàn cứng chứa: 0,64g; 0,24g; 0,32g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,32g; 0,32g	Hộp 10 gói x 4g	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 10 túi x 4g viên hoàn cứng	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp/1 chai 20ml	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
750mg tương đương 15g cây Ngũ sắc	Hộp 1 lọ 15ml	
1000mg; 500mg; 500mg; 360mg; 60mg	H/100	Khang Minh
250mg	Lọ 90 Viên nén bao đường	Công ty cổ phần dược Danapha
155mg tương đương Diệp hạ châu 2800mg; 200mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 25 gói cốm x 5g	Công ty CP VTYT Hải Dương

550mg	Hộp 1 chai 60 viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
	H/100	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
800mg; 800mg; 800mg; 800mg; 800mg; 800mg; 800mg, 500mg	Hộp 10 túi, 20 túi x 5g	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
125mg; 160mg; 160mg; 40mg cao đặc tương đương 100mg; 40mg cao đặc tương đương 200mg, 50mg cao đặc tương đương 200mg, 24mg cao đặc tương đương 200mg; 12,5mg cao đặc tương đương 125mg	hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
400mg; 200mg; 150mg; 150mg; 100mg; 80mg; 70mg; 43, 3mg	hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
400mg; 300mg; 300mg; 300mg; 500mg; 100mg; 300mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng; Uống	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
320mg; 250mg; 620mg; 350mg; 350mg; 120mg; 250mg; 500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
500mg; 620mg; 250mg; 350mg; B120mg; 350mg; 250mg tương đương 267mg; 320mg	Hộp 3 vỉ (nhôm/nhôm) x 10 viên; hộp 10 vỉ (nhôm/PVC) x 10 viên; hộp 1 lọ 50 viên, 60 viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
500mg; 350mg; 350mg; 150mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 50mg; 50mg; 50mg; 50mg	Hộp 10 vỉ x 10viên nang; Uống	Công ty TNHH US Pharma USA
	Hộp 01 lọ 3g; 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 20g	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà Máy Dược Phẩm OPC
3ml tương đương 1.92ml; 0.48g; 0.3g; 0.15ml,	Chai 3ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Chai 20ml	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà Máy Dược Phẩm OPC
0,32g; 0,64g; 0,32g; 0,32g; 0,4ml; 0,32g; 2g; 0,64g	Hộp 1 chai 30ml cần thuốc dùng ngoài	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

100mg; 50mg; 130mg; 50mg	Lọ 40 viên nén dài bao phim, Uống	Công ty cổ phần dược Danapha
600mg; 500mg; 600mg; 1g; 600mg; 240mg	Hộp 10 ống, 20 ống x 10ml; siro thuốc Uống	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
300mg; 250mg; 300mg; 500mg; 300mg; 120mg.	Hộp 10 ống x 10ml, Hộp 20 ống x 10ml, Hộp 1 lọ 60ml, hộp 1 lọ 90ml, hộp 1 lọ 140ml, hộp 1 lọ 120ml, hộp 1 lọ 200ml, hộp 1 lọ 280ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
300mg; 250mg; 300mg; 500mg; 300mg; 120mg.	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 20 viên Hộp 1 lọ nhựa 100 viên, 50 viên nén bao đường	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0,4g; 0,4g; 0,24g; 0,24g; 0,2g; 0,2g; 0,16g; 0,16g; 0,024g	H/100	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang
	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh
120mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
	Hộp 1 lọ 100 viên bao đường	Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Vạn Xuân
	Hộp 1 lọ 100 viên bao đường	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
221,4mg tương đương 3440mg; 60mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
120mg	Vỉ 10 viên nén bao đường x hộp 10 vỉ; Hộp 1 lọ 100 viên.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
165mg	Hộp 1 chai 100 viên nén bao phim; Uống	Công ty CP BV Pharma
160mg	H/100	SPM
30g; 30g; 8,5g	Hộp 10 gói x 5g hoàn cứng, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
4g; 8g; 12g; 8g; 8g; 12g; 12g	Hộp 1 lọ x 120ml; Cao lỏng	Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương
0.545g; 0.273g; 0.273g; 0.273g; 0.273g; 0.273g; 0.09g	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
20g; 10g; 10g; 3,75g; 20g; 30g	Hộp 1 lọ 250ml, siro thuốc, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
1g; 0,67g; 0,34g; 0,34g; 0,125g; 0,67g	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
	Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang

	H/100	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH dược phẩm Hà Thành
125mg; 130mg; 120mg; 5mg; 5mg; 15mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
126mg; 174mg; 126mg; 6mg; 16mg; 5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
600mg; 700mg; 600mg; 25mg; 5mg; 25mg	Hộp 20 gói x 2g thuốc cốm, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái
174mg; 126mg; 126mg; 16mg; 6mg; 5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
165mg; 132mg; 132mg; 15mg; 6mg; 5mg	Hộp 100 viên	Hà Nam
257mg, 257mg, 257mg, 257mg, 257mg, 257mg, 206mg, 52mg. Bột mịn tương đương 66,7mg; 66,7mg; 66,7mg; 32,9mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 2 tuýp 15 viên	Nadyphar
	Hộp 4 vỉ x 18 viên	Công ty CP BV Pharma
	Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang
	Hộp 100 viên, 10 vỉ * 10 viên	Công ty TNHH Vạn Xuân
0,6g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng; Uống	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
240mg; 184mg; 300mg; 148mg; 120mg; 120mg; 148mg; 104mg; 92mg; 92mg; 92mg; 148mg; 60mg; 60mg; 92mg	Hộp 100 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
0.38g; 0.23g; 0.15g; 0.25g; 0.60g; 0.38g; 0.38g; 0.15g; 0.23g; 0.23g; 0.23g; 0.75g; 0.45g; 0.30g; 0.3g.	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 100 viên nén bao đường	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar

	Hộp 02 vỉ x 10 viên nang cứng	Công Ty TNHH Đông Dược Xuân Quang
30g, 30g, 30g, 30g, 17g, 16.5g, 16.5g	Chai 200ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
80ml tương đương 12g; 12g; 12g; 12g; 6,8g; 6,6g; 6,6g	Chai 80ml, Chai 200ml thuốc nước	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
220mg; 530mg cao đặc hỗn hợp tương đương 1000mg; 670mg; 670mg; 400mg; 400mg; 440mg; 200mg	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
0.3g, 0.4g, 0.4g, 0.8g, 0.4g, 0.4g, 0.3g,	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
300mg cao khô tương đương 760mg; 400mg; 400mg; 320mg; 320mg; 300mg; 300mg; bột mịn gồm 80mg, 40mg	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
1,05g; 0,9g; 0,59g; 0,21g; 0,23g; 0,75g	Hộp 10 gói x 5g hoàn cứng, Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam
	Hộp 10 viên x 10g hoàn mềm,	Công ty CP Dược - VTYT Thanh Hóa
100mg; 75mg; 5,245mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm; hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định
80g; 4g	Chai 80ml, Chai 200ml	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
600mg; 400mg; 600mg; 600mg	H/100	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh
200mg; 25mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
	Hộp 10 vỉ x 10 Viên bao đường	Ladophar
	Hộp 1 lọ x 180 viên nén	
200mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim, Uống	Công ty CP Dược VTYT Thanh Hoá (Thephaco)
300mg; 100mg; 13mg	Hộp 1 lọ 200viên hoàn cứng bao đường; Uống	CTCPDVITYT Thanh Hoá
5mg; 5mg; 5mg; 5mg; 25mg; 20mg; 25mg; 25mg; 25mg; 25mg; 20mg; 25mg; 20mg	Hộp 1 lọ 230 viên hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
76.0mg, 30.4mg, 30.4mg, 41.8mg, 30.4mg, 30.4mg, 30.4mg, 30.4mg, 8.4mg, 41.8mg, 41.8mg, 30.4mg, 30.4mg, 53.2mg, 30.4mg, 30.4mg, 30.4mg, 25.8mg, 30.4mg, 76.0mg	Hộp 1Lọ 60 viên nén bao đường; Uống	Tianjin Tongrentang Group Co.,Ltd

	Hộp 100 viên	Công ty CP BV Pharma
250mg; 250mg; 250mg; 200mg; 200mg; 150mg; 150mg; 150mg; 150mg; 100mg tương đương 240mg; 150mg;	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
15g; 10g; 15g; 12g; 10g; 6g; 6g; 4g; 4g; 4g; 4g; 4g	Hộp 1 lọ 100ml siro	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
200mg; 150mg; 16mg	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
0,1g; 0,075g; 0,075g	Hộp 5vỉ x 20viên bao đường, Uống	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
400mg; 400mg; 400mg; 400mg	Hộp 50 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
0,65g; 0,54g; 0,04g; 0,25g; 0,42g; 0,4g; 0,35g; 0,22g; 0,35g; 0,35g; 0,35g	Hộp 10 gói x 4g hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
12g; 12g; 6g; 12g; 6g; 12g; 4g; 4g; 4g/125ml	Hộp 1 chai	Ypharco
6g; 5g; 2g; 6g; 5g; 5g; 7,2g; 5g; 5g; 6g; 2g	Hộp 1 lọ 60ml	Cơ sở sản xuất Y học cổ truyền Bảo Phương
40mg; 60mg; 4mg; 20mg; 5mg; 60mg; 55mg	Hộp 1 lọ 240 viên hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
0,32g; 0,6g; 0,65g; 0,72g; 0,16g; 0,25g; 0,65; 0,26g; 0,32g; 0,35g; 0,60g;	Hộp 10 viên x 9g hoàn mềm	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
0,6152g; 0,6152g; 0,6152g; 0,3080g; 0,3080g; 0,056g; 0,0976g; 0,6152g; 0,1536g; 0,3080g; 0,3080g	Hộp 10 viên x 8g hoàn mềm	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 10 ống x 10ml.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
20mg; 25mg; 50mg.	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; lọ 60 viên; lọ 100 viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0.5g; 1.5g; 10g	Hộp 10 ống, 20 ống x 10ml dung dịch uống. Hộp 1 lọ 60ml, 90ml, 100ml, 120ml, 200ml	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar

0,75g; 1,37g;0,87g; 0,75g; 0,50g; 0,55g; 0,80g; 1,75g; 0,75g; 1g; 0,4g; 0,63g; 0,45g; 1,6g; 0,75g; 0,37g	Hộp 10 gói thuốc bột, Uống x 8g	Công ty TNHH Đông dược Tùng Lộc II
	Hộp 9 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
135mg; 300mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
1250mg	Hộp 1 lọ 50viên nén bao phim; Uống	CTCPDP Hà Tây
500mg; 400mg; 400mg; 300mg; 500mg; 400mg; 400mg	Hộp 12 hoàn x 5g	Chi nhánh Công ty CPDP OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC - Việt Nam
6.4g; 6.4g; 6.4g; 0.64g; 3g; 0.64g; 0.97g; 6.4g; 3g.	Hộp 5 gói, 10 gói, 20 gói x 10g; lọ 50g; 80g; 100g	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0,5g; 0,27g; 0,13g	Chai 40 viên nang, Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma
200mg; 100mg; 50mg; 25mg; 10mg; 10mg	Hộp 2vỉ x 20viên nén bao phim; Uống	Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương
24mg; 52mg; 260mg; 18mg; 250mg; 50mg	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
260mg; 250mg; 52mg; 24mg; 50mg;18mg	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nang cứng, Uống	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
160mg; 24mg; 24mg; 24mg; 120mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái
250mg; 950mg	Hộp/5 vỉ x 12 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
0.2g; 0.03g;	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 20 viên; hộp 1 lọ 100 viên.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
0.2g; 0.03g;	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 100 viên.	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh - Hadiphar
400mg; 50mg	Chai 100 viên bao phim	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
	Hộp 2 vỉ x 10 ống x 10ml dung dịch uống	Công ty Cổ phần Dược - VTYT Nghệ An
300mg; 25mg	Hộp 1 chai 40 viên, Hộp 1 chai 100 viên	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
50mg; 50mg; 125mg; 25mg	Hộp 4 vỉ x 10 viên	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
50mg; 150mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	(Cơ sở nhận gia công): Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

500mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viện Dược liệu
34,8g	Hộp 1 chai x 40g hoàn cứng	(Cơ sở nhận gia công): Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
15g; 15g; 5g; 5g; 25g; 15g; 5g; 20g; 25g; 20g	Chai 250 ml	Cơ sở dầu gió Trung Tâm
	Hộp 10 gói x 3g	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương
5g; 4,5g; 7,2g; 4,5g; 4,5g; 6g; 2g; 6g; 6g; 2g; 4,5g	Hộp 1 chai 60 ml	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương
1,2g; 1,2g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,15g; 1,2g	Hộp 10 túi x 5 gam; hộp 20 túi x 5 gam	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
140mg; 60mg	Hộp 5 vỉ x 12 viên; hộp 10 vỉ x 15 viên	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
23g; 11,5g; 8,6g; 11,5g; 8,6g; 8,6g; 8,6g; 8,6g; 8,6g; 8,6g; 11,5g	Hộp 1 lọ x 60ml, 100ml, 125ml; hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
4,5g	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 15ml; hộp 1 lọ x 60ml, 90ml, 100ml, 125ml, 200ml	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
1,6g; 0,8g; 0,8g; 0,6g; 0,6g; 0,6g	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống nhựa x 8ml. Hộp 1 chai 120ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
200mg; 66,66mg; 200mg; 133,33mg; 133,33mg; 133,33mg; 133,33mg; 66,66mg; 133,33mg; 33,33mg	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống nhựa x 8ml. Hộp 1 chai 120ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
0,2g	Hộp 30 ống (ống nhựa PVC) x 10 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
	Hộp 1 lọ x 60 viên	Chi nhánh sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng Hoa Việt
0,1g; 0,1g; 0,15g; 0,12g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,4g; 0,4g; 0,4g	Hộp 10 gói x 5g viên hoàn cứng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

15g; 10g; 15g; 12g; 10g; 6g; 6g; 4g; 4g; 4g; 4g; 4g	Hộp 1 lọ 90ml; hộp 1 lọ 100ml; hộp 1 lọ 125ml	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
300mg; 200mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 06 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
0,62g; 0,62g; 0,62g; 0,62g; 0,31g; 0,31g; 0,31g; 0,3g; 0,15g; 0,09g; 0,05g	Hộp 6 hoàn x 8g; Hộp 10 hoàn x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 05 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
0,5g; 1,5g; 1,0g; 0,7g; 0,5g; 0,5g; 0,3g	Hộp 10 gói x 5 g; Hộp 15 gói x 5 g	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
20mg; 100mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
8g; 4g; 4g; 4g; 4g; 4g	Hộp 10 gói x 6 gam	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
1000mg; 500mg; 500mg; 500mg; 500mg; 500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
100g; 75mg; 7,5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ x 30 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
130mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
	Hộp 10 gói x 4g	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng
	Hộp 1 lọ 125 ml; 250 ml	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng

	Hộp 1 chai 500 ml	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
300mg cao khô dược liệu (330mg; 330mg; 270mg; 80mg); 80mg bột mịn dược liệu (60mg; 20mg)	Chai 40 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 12 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 30 viên; hộp 1 lọ 60 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Nhất
	Hộp 1 lọ 100 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Usapha
	Hộp 1 túi metalight x 4 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần TM dược VTTYT Khải Hà
250mg	Chai 100 viên ; Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Công ty cổ phần dược thảo Phúc Vinh
0,6g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g	Hộp 10 túi x 5 gam; hộp 20 túi x 5 gam	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
60mg	Hộp 9 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 90 viên	Công ty Cổ phần BV Pharma
0,8g; 0,4g; 0,3g; 0,4g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,4g	Hộp 10 gói x 5g, hộp 20 gói x 5g, hộp 1 lọ 60g, hộp 1 lọ 100g	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng
200mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai x 100 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
11,5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

	Hộp 1 lọ 50 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa linh
1,6g; 0,8g; 0,8g; 0,6g; 0,6g; 0,6g	Hộp 30 ống x 10 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
0,48g; 0,48g; 0,32g; 0,24g; 0,96g; 0,48g; 0,48g	Hộp 10 gói x 10ml, hộp 20 gói x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
40mg; 70mg; 80mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
35mg; 70mg; 42,25mg	Hộp 1 chai 100 viên; Hộp 1 chai 240 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
100mg; 300mg	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược thảo Phúc Vinh
100mg; 300mg	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1
	Hộp 1 chai 25 ml; hộp 1 chai 50 ml; hộp 1 chai 100 ml	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma)
1,12g; 0,9g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,23g; 0,23g; 0,04g	Hộp 06 hoàn x 8g; Hộp 10 hoàn x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
0,6g; 0,6g; 0,41g; 0,41g; 0,41g; 0,41g; 0,41g; 0,31g; 0,12g; 0,12g	Hộp 06 hoàn x 8g; Hộp 10 hoàn x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1
	Hộp 20 gói x 6g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Pymepharco
166mg	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2

	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
80g; 20g; 25mg	Hộp 1 chai 100 ml	Công ty Cổ phần BV Pharma
100mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
700mg	Hộp 1 lọ 100 ml	Công ty TNHH Đông Nam Dược Bảo Linh
48mg; 48mg; 48mg; 48mg; 32mg; 48mg; 32mg; 48mg; 1,6mg	Hộp 1 lọ x 500 hoàn, hộp 1 lọ x 300 hoàn	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
200mg	Hộp 2 vỉ, hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco.
	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ 30 viên.	Công ty TNHH Nam Dược
500mg; 350mg; 350mg; 150mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 100mg; 50mg; 50mg; 50mg; 50mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco.
0,7g; 1g; 0,3g; 0,9g; 0,7g; 0,1g; 0,9g; 0,3g; 0,3g; 0,3g	Hộp 10 viên x 9g	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 40 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 12 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ x 30 viên, hộp 1 lọ x 60 viên	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 12 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 30 viên, hộp 1 lọ x 60 viên	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int l
	Hộp 1 chai 100 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4,3g; 0,7g	Hộp 10 gói x 5 gam	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
0,1g	Hộp 20 túi x 5 ml	Kolmar Korea
	Hộp 1 chai thủy tinh 100ml, 200ml	Neopharma, UAE
	Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 100 viên	(Cơ sở nhận gia công): Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn (Sagopha)
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	(Cơ sở nhận gia công:) Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 20 gói x 2 gam	Viện Dược liệu
	Hộp 1 lọ 35 g; Hộp 10 gói x 4 g	Cơ sở Cao Nghĩa Đường

	Chai 250 ml	Cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm YHCT Nguyễn Minh Trí
	Hộp 1 chai 280 ml	Cơ sở sản xuất và kinh doanh thuốc đông dược Lợi Hòa Đường
	Hộp 15 gói x 4,5g	Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 1 lọ 45 viên	Công ty cổ phần dược Danapha
	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
	Túi 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 30g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1
	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Chai 100g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3

	Túi 0,5 kg; Túi 1 kg; Túi 2 kg; Túi 5 kg; Túi 10 kg; Túi 20 kg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Túi 0,5 kg; Túi 1 kg; Túi 2 kg; Túi 5 kg; Túi 10 kg; Túi 20 kg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 01 chai 30 viên	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 50 viên, 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 50 viên, 60 viên, 100 viên	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 100 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 1 lọ 30 g hoàn cứng	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 1 lọ 100 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 1 lọ 90 ml; Hộp 1 lọ 100 ml	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng

	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 40 viên	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
	Hộp 1 lọ 50 gam (275 viên); hộp 1 lọ 100 gam (550 viên)	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
	Hộp 1 lọ 60 ml; hộp 1 lọ 100 ml	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 05 túi nhôm x 02 vỉ x 10 viên; hộp 4 chai x 40 viên	Công ty TNHH Thiên Dược
	Hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-nhôm), hộp 2 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-nhôm hoặc nhôm-PVC)	Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 10 gói, 20 gói x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.
	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 90 viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Túi nhôm x 2 lớp túi PE x 50g, 100g, 200g, 1kg, 5kg, 10kg, 15 kg.	Công ty Cổ phần BV Pharma

	Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al), hộp 2 vỉ x 25 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE hoặc chai thủy tinh màu nâu)	Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 1 túi nhôm chứa 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 lọ 30 viên; 100 viên	Công ty cổ phần dược Danapha
	Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam.
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
	Túi 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
	Túi 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
	Hộp 1 vỉ x 2 lọ x 100 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.

	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
	Túi chứa 0,5 kg; 1 kg; 2kg; 5kg; 10kg; 20kg	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
	Hộp 1 lọ 125 ml	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 9ml, hộp 4 vỉ x 5 ống x 9ml, hộp 1 chai x 108ml	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
	Hộp 5 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al hoặc Al-PVC), hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
	Hộp 1 chai 280 ml; hộp 1 chai 250 ml	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
	Hộp 1 lọ 50 gam	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
	Hộp 1 chai 280 ml; hộp 1 chai 250 ml	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang

	Hộp 1 lọ 50 gam	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 40 viên	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
	Hộp 10 gói x 4g	Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long
	Hộp 1 chai 60 ml; hộp 1 chai 120 ml	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
	Hộp 3 vỉ, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
	Hộp 1 lọ 30 viên; hộp 1 lọ 60 viên	Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma
	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Lọ 30 viên; Lọ 60 viên	Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma

	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ xx 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 20 gói x 10 gam	Công ty TNHH Vạn Xuân
	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Vạn Xuân
	Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al), hộp 4 vỉ x 18 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 chai 100 viên (Chai nhựa HDPE hoặc chai thủy tinh màu nâu)	Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 10 viên x 10 gam	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
	Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 5ml; Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 7,5ml; Hộp 10 ống, hộp 20 ống, hộp 30 ống x 10ml; Hộp 1 chai x 80ml; Hộp 1 chai x 100ml; Hộp 1 chai x 125ml	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 10 viên. Lọ 1000 viên	Công ty cổ phần dược Danapha
	Hộp 10 gói, 20 gói x 10g; Hộp 10 gói, 20 gói x 5g; Hộp 1 lọ 50g, 100g, 200g	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.

	Hộp 10 gói, hộp 20 gói x 5g; Hộp 1 lọ 50g, 100g, 200g	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
	Hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai 30 viên, hộp 1 chai 60 viên, hộp 1 chai 100 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 8ml. Hộp 1 chai 120 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ, 20 vỉ x 5 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)
	Hộp 1 lọ 125 ml	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
	Hộp 6 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex

	Hộp 1 túi nhôm, hộp 2 túi nhôm, hộp 3 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 40 viên	Công ty TNHH đông dược Xuân Quang
	Hộp 1 chai 500 ml	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Dược thảo Hoàng Thành
	Hộp 1 lọ 30 viên; hộp 1 lọ 60 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma
	Hộp 1 lọ 100 ml; hộp 1 lọ 125 ml	Công ty TNHH Nam Dược
	Túi 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10g, 15kg (Cao dược liệu đựng trong 2 lớp túi PE chứa trong túi bao nhôm)	Công ty Cổ phần BV Pharma
	Hộp 1 chai 120 ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên
	Hộp 10 viên x 9g	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên

	Chai 200 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh
	Hộp 10 viên x 8g	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
	Hộp 1 chai 240 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
	Túi 0,5kg, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
	Hộp 1 chai 60ml; hộp 1 chai 100ml; hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 10ml	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 30 viên	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà

	Hộp 1 lọ 240 viên	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng
	Hộp 10 gói x 4g	Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long
	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 4 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Nam Dược
	Hộp 1 chai 100 ml	JSC "Farmak"
	Hộp 1 chai 100ml	JRP Co., Ltd

NUOC_SX
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Trung Quốc
Trung Quốc

[illegible]

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

[illegible]

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam

[illegible]

Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
France
Việt Nam
Việt Nam
Việt Nam
Trung Quốc

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Korea

Các tiêu
vương quốc
Ả rập

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

[illegible]

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Việt Nam

Ukraine

Korea

STT	SO_DANG_KY	TEN_THUOC	MA_HOAT_CHAT (Theo CV 908/BYT-BH)
1	GC-282-17	Diệp hạ châu PMC	05C.21
2	GC-285-17	Ích mẫu điều kinh	05C.201.1
3	NC56-H09-19	Cốm trê việt	05C.106
4	V136-H12-18	Nhức Khớp Hoàn	05C.58.15
5	V152-H06-19	Phong thấp cột sống cao	05C.58.13
6	V155-H06-19	Thấp khớp tê bại thủy	05C.58.21
7	VD-27677-17	Bổ trung ích khí SXH	05C.107.2
8	VD-27694-17	Phong tê thấp HD New	05C.70
9	VD-27700-17	Dưỡng tâm an thần	05C.131
10	VD-27723-17	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
11	VD-27957-17	Actiso	05C.7

12	VD-27990-17	Metrad	05C.26.2
13	VD-28105-17	An vị tràng TW3	05C.100.2
14	VD-28110-17	Trà Gừng TW3	05C.1
15	VD-28129-17	Ngũ vị tử	05C.102
16	VD-28130-17	Tam thất	05C.191
17	VD-28155-17	Hoạt huyết dưỡng não	05C.127.1
18	VD-28159-17	Actiso PV	05C.7
19	VD-28161-17	Kim tiền thảo PV	05C.35
20	VD-28209-17	Đương quy di thực	05C.178.1
21	VD-28211-17	Tam thất DHĐ	05C.191
22	VD-28214-17	Viên nang ích mẫu	05C.199.1
23	VD-28261-17	Kim tiền thảo MKP Plus	05C.35
24	VD-28358-17	Kahagan	05C.8.10
25	VD-28359-17	Phong thấp Khải Hà	05C.58.14
26	VD-28360-17	Thập toàn đại bổ	05C.161.3
27	VD-28361-17	Viên nghệ mật ong	05C.101
28	VD-28442-17	Thuốc ho bách bộ P/H	05C.145
29	VD-28491-17	Fitôeye	05C.211.7
30	VD-28533-17	Nghệ mật ong từng lộc	05C.97.1
31	VD-28534-17	Từng lộc Helix	05C.151
32	VD-28579-17	Đại tràng kháng	05C.81

33	VD-28581-17	Thăng trĩ Nam Dược	05C.107.8
34	VD-28621-17	Crila	05C.117
35	VD-28653-18	Transda-S	05C.134.2
36	VD-28667-18	Bổ khí thông mạch K-Yingin	05C.128
37	VD-28712-18	Donosal extra	05C.125.1
38	VD-28749-18	Hepaexel	05C.15
39	VD-28763-18	Cao khô Trinh Nữ Hoàng Cung (1:10)	05C.117
40	VD-28771-18	Viên cảm cúm - BVP	05C.4.1
41	VD-28789-18	Dưỡng tâm an thần	05C.131
42	VD-28943-18	Thanh nhiệt tiêu độc Livergood	05C.44
43	VD-28954-18	Pharnanca	05C.17
44	VD-29019-18	Bách bộ tẩm mật sao	05C.145
45	VD-29042-18	Ngũ vị tử tẩm mật	05C.102
46	VD-29091-18	Quancardio	05C.125.1
47	VD-29242-18	Folitat dạ dày	05C.95
48	VD-29243-18	Hương liên Yba	05C.92

49	VD-29253-18	Kim tiền thảo	05C.35
50	VD-29254-18	Lục vị ẩm	05C.193.4
51	VD-29294-18	Lisimax Super	05C.21
52	VD-29381-18	Siro Mahota DHD	05C.155.2
53	VD-29389-18	An thần ích trí	05C.142
54	VD-29439-18	Đương qui dưỡng huyết cao Xuân Quang	05C.198
55	VD-29440-18	Ích mẫu dưỡng huyết Xuân Quang	05C.198
56	VD-29441-18	Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.2
57	VD-29442-18	Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.2
58	VD-29444-18	Tisore - Khu phong hóa thấp Xuân Quang	05C.55.1
59	VD-29445-18	Dưỡng tâm kiện tỳ hoàn	05C.122
60	VD-29461-18	Gel dùng ngoài Mangizeni	05C.221
61	VD-29480-18	Cordygan - NBD	05C.8.9
62	VD-29527-18	Độc hoạt ký sinh	05C.58.13

63	VD-29529-18	Ngân kiều giải độc	05C.32.4
64	VD-29530-18	Bổ huyết ích não	05C.129
65	VD-29579-18	Diệp hạ châu Vạn xuân	05C.27
66	VD-29580-18	Superyin	05C.189.1
67	VD-29613-18	Tiêu dao-BVP	05C.50
68	VD-29615-18	Hoàn thập toàn đại bổ	05C.161.3
69	VD-29620-18	Thanh nhiệt tiêu độc ATM	05C.49
70	VD-29626-18	Losotonic	05C.131
71	VD-29631-18	Hoàn bổ trung ích khí	05C.107.8
72	VD-29632-18	Hoàn phong tê thấp - HT	05C.58.35
73	VD-29635-18	Thấp khớp CD	05C.56
74	VD-29683-18	A.T Diệp hạ châu	05C.21
75	VD-29685-18	A.T hoạt huyết dưỡng	05C.127.1
76	VD-29745-18	Biosmartmin	05C.98

77	VD-29825-18	Mizho	05C.11
78	VD-29906-18	Viên bát trân Octupper	05C.179.4
79	VD-29915-18	Baby PV	05C.112
80	VD-29931-18	Granxic	05C.50
81	VD-30004-18	Đại bổ DHH	05C.161.3
82	VD-30063-18	Forvim - ngân kiều giải độc Xuân Quang	05C.33
83	VD-30071-18	Song hảo đại bổ tinh	05C.165
84	VD-30093-18	Bổ gan Trường Phúc	05C.14
85	VD-30137-18	Lục vị	05C.193.4
86	VD-30139-18	Nam Dược tiêu độc thủy	05C.16
87	VD-30212-18	Cao khô điệp hạ châu (1:10)	05C.21
88	VD-30304-18	Cao lỏng Actiso	05C.7
89	VD-30306-18	Dưỡng tâm an A.T	05C.126
90	VD-30307-18	Cao ích mẫu	05C.199.1
91	VD-30442-18	Bổ trung ích khí Nam Hà	05C.107.4

92	VD-30461-18	Quy tỳ dưỡng tâm OPC	05C.82.16
93	VD-30462-18	Viên hộ tâm Opcardio	05C.125.1
94	VD-30555-18	Viên ngân kiều TW3	05C.32.4
95	VD-30565-18	Bách bộ phiên	05C.145
96	VD-30643-18	Bổ tỳ HD	05C.78.2
97	VD-30743-18	Quy tỳ	05C.82.16
98	VD-30798-18	Quy tỳ an thần hoàn P/H	05C.82.16
99	VD-30800-18	Cổ tinh hoàn	05C.132
100	VD-30860-18	Bổ gan Nam Dược	05C.8.10
101	VD-30861-18	Bổ gan Nam Dược	05C.8.10
102	VN-20742-17	Pectolvan Ivy	05C.151
103	VN-21010-18	Kimixi Syrup	05C.151

PHỤ LỤC 06.2. DANH MỤC MÃ CHẾ PHẨM THU
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /)

HOAT_CHAT	MA_DUONG_DUNG
Cao khô Diệp hạ châu 250mg	1.01
Ích mẫu 0,06g; Ngải cứu 0,18g; Hương phụ 0,15g; Thục địa 0,08g; Bạch thược 0,08g; Đương qui 0,06g; Xuyên khung 0,03g - 0,06g, 0,18g, 0,15g, 0,08g, 0,08g, 0,06g, 0,03g	1.01
Mỗi 2 g chứa: Nhân sâm 0,403g; Bạch truật 0,403g; Cam thảo 0,403g; Đại táo 0,201g; Bạch linh 0,403g; Hoài sơn 0,403g; Cát cánh 0,201g; Sa nhân 0,201g; Bạch biển đậu 0,201g; Ý dĩ 0,201g; Liên nhục 0,201g - 0,403g, 0,403g, 0,403g, 0,201g, 0,403g, 0,403g, 0,201g, 0,201g, 0,201g, 0,201g, 0,201g	1.01
Mỗi 35g hoàn cứng chứa 27,5 g bột dược liệu (tương đương: Bạch thược 3,5 g; Đỗ trọng 3,5 g; Đương quy 3,36g; Phục linh 3,36 g; Ngưu tất 2,45 g; Tang ký sinh 2,1 g; Độc hoạt 2,1 g; Xuyên khung 1,75 g; Tần giao 1,75 g; Phòng phong 1,68 g; Đảng sâm 3,5 g; Phòng phong 1,68 g; Tế tân 1,05 g); 7,5 ml cao lỏng dược liệu (tương đương: Quế chi 0,875 g; Đảng sâm 3,5 g; Thục địa 3,15 g; Cam thảo 0,875 g) - 3,5 g, 3,5 g, 3,36g, 3,36 g, 2,45 g, 2,1 g, 2,1 g, 1,75 g, 1,75 g, 1,68 g, 3,5 g, 1,68 g, 1,05 g), 0,875 g, 3,5 g, 3,15 g, 0,875 g)	1.01
Mỗi 250ml dịch chiết từ các dược liệu gồm: Độc hoạt 20g; Tang ký sinh 15g; Tế tân 15g; Tần giao 15g; Phòng phong 15g; Đương quy 20g; Phục linh 20g; Cam thảo 5g; Quế chi 5g; Bạch thược 15g; Sinh địa 20g; Xuyên khung 20g; Đỗ trọng 20g; Ngưu tất 25g; Đảng sâm 20g - 20g, 15g, 15g, 15g, 20g, 20g, 5g, 5g, 15g, 20g, 20g, 20g, 25g, 20g	1.01
Mỗi chai 280 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Đỗ trọng 18 g; Đảng sâm 15 g; Bạch thược 12 g; Phục linh 12 g; Đương quy 12 g; Thục địa 12 g; Tần giao 9 g; Độc hoạt 6 g; Ngưu tất 6 g; Phòng phong 6 g; Tang ký sinh 6 g; Xuyên khung 3 g; Tế tân 2 g; Cam thảo 0,6 g; Nhục quế 0,4 g - 18 g, 15 g, 12 g, 12 g, 12 g, 12 g, 9 g, 6 g, 6 g, 6 g, 3 g, 2 g, 0,6 g, 0,4 g	1.01
Mỗi gói chứa 2,7g cao khô chiết từ các dược liệu: Đảng sâm 5,3g; Bạch truật 4g; Trần bì 2,6g; Hoàng kỳ tẩm mật 4g; Thăng ma 2,6g; Cam thảo chích 2g; Đương quy 4g; Sài hồ 3,3g - 5,3g, 4g, 2,6g, 4g, 2,6g, 2g, 4g, 3,3g	1.01
Mã tiền chế 70mg; Quế chi 40mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với 460mg dược liệu bao gồm: Đương quy 70mg, đỗ trọng 70mg, ngưu tất 60mg, độc hoạt 80mg, thương truật 80mg, thỏ phục linh 100mg) 92mg - 70mg, 40mg, 92mg	1.01
Hoài sơn 100 mg; Cao khô liên tâm 130 mg; Cao khô liên nhục 70 mg; Cao khô bá tử nhân 20 mg; Cao khô toan táo nhân 20 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương với: Lá dâu 182,5 mg; Lá vông 182,5 mg; Long nhãn 182,5 mg) 160 mg - 100 mg, 130 mg, 70 mg, 20 mg, 20 mg, 160 mg	1.01
Cao khô lá bạch quả (tương đương 500 mg dược liệu Bạch quả) 10 mg; Cao đặc rễ Đinh lăng (tương đương 1500 mg dược liệu Đinh lăng) 150 mg - 10 mg, 150 mg	1.01
Actiso	0

Cao Diệp hạ châu đắng (tương đương với 1g Diệp hạ châu đắng) 100 mg; Cao Cỏ nhọ nồi (tương đương với 0,5 g Cỏ nhọ nồi) 50 mg; Cao Nhân trần (tương đương với 1,3g Nhân trần) 130 mg; Cao Râu bấp (tương đương với 0,5g Râu bấp) 50 mg - 100 mg, 50 mg, 130 mg, 50 mg	1.01
Hoàng liên 250mg; Mộc hương 250mg - 250mg, 250mg	1.01
Mỗi chai 100g chứa: Gừng 5,5g - 5,5g	1.01
Ngũ vị tử	0
Tam thất	0
Cao khô lá bạch quả (tương đương 19,2mg flavonoid toàn phần) 80mg; cao khô rễ Đinh lăng 75mg - 80mg, 75mg	1.01
Cao khô actiso (tương đương với 5g actiso) 300 mg - 300 mg	1.01
Cao khô Kim tiền thảo (tương đương với 3g kim tiền thảo) 300 mg - 300 mg	1.01
Cao khô đương quy di thực (4:1) (tương đương 1,2g rễ đương quy di thực) 300mg - 300mg	1.01
Cao khô tam thất (tương đương 800mg rễ củ tam thất) 80 mg	0
Cao khô hỗn hợp 10,5:1 (tương đương 6,562g dược liệu gồm: Ích mẫu 4,2g, hương phụ 1,312g, ngải cứu 1,05g) 625mg - 625mg	1.01
Cao khô kim tiền thảo (tương đương kim tiền thảo 5,1g) 300mg - 300mg	1.01
Cao đặc Actiso 0,1g; Cao đặc Rau đắng đất 0,075g; Bìm bìm biếc 0,075g - 0,1g, 0,075g, 0,075g	1.01
Mỗi lọ 30g hoàn cứng chứa các chất chiết từ các dược liệu sau: Độc hoạt 2,4g; Phòng phong 1,8g; Tang ký sinh 3g; Tế tân 1,2g; Tần giao 1,2g; Ngưu tất 1,8g; Đỗ trọng 1,8g; Quế chi 1,2g; Xuyên khung 0,9g; Sinh địa 1,8g; Bạch thược 1,8g; Đương quy 1,2g; Đảng sâm 1,8g; Bạch linh 1,8g; Cam thảo 0,9g - 2,4g, 1,8g, 3g, 1,2g, 1,2g, 1,8g, 1,8g, 1,2g, 0,9g, 1,8g, 1,8g, 1,2g, 1,8g, 1,8g, 0,9g	1.01
Mỗi viên chứa 523,2 mg cao khô chiết từ các dược liệu khô sau: Đảng sâm 720mg; Bạch truật 480mg; Phục linh 384mg; Cam thảo 384mg; Đương quy 480mg; Xuyên khung 384mg; Bạch thược 384mg; Thục địa 720mg; Hoàng kỳ 720mg; Quế nhục 480mg - 480mg	1.01
Mỗi 100 g viên hoàn cứng chứa: Nghệ 85 g - 85 g	1.01
Mỗi lọ 90 ml cao lỏng (1:2) chiết xuất từ: Bách bộ 45 g - 45 g	1.01
Mỗi viên chứa 259 mg cao khô dược liệu (tương đương: Thục địa 400 mg; Sơn thù 200 mg; Hoài sơn 150 mg; Trạch tả 150 mg; Mẫu đơn bì 150 mg; Phục linh 100 mg; Câu kỷ tử 100 mg; Cúc hoa 50 mg); 150 mg bột mịn dược liệu (tương đương: Hoài sơn 50 mg; Phục linh 50 mg; Cúc hoa 50 mg) - 400 mg, 200 mg, 150 mg, 150 mg, 150 mg, 100 mg, 100 mg, 50 mg), 50 mg, 50 mg, 50 mg)	1.01
Bột nghệ vàng 150mg; Mật ong 65mg - 150mg, 65mg	1.01
Mỗi 100 ml chứa: cao khô lá thường xuân (tương đương lá thường xuân: 7g) 0,7g - 0,7g	1.01
Mỗi viên nang chứa 0,4 g cao khô dược liệu tương đương: Bạch truật 0,35 g; Bạch linh 0,235 g; Trần bì 0,235 g; Mộc hương 0,115 g; Đảng sâm 0,115 g; Mạch nha 0,115 g; Sơn tra 0,115 g; Hoài sơn 0,115 g; Thần khúc 0,115 g; Sa nhân 0,115 g; Cam thảo 0,07 g; Hoàng liên 0,06 g; Nhục đậu khấu 0,235 g - 0,35 g, 0,235 g, 0,235 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,115 g, 0,07 g, 0,06 g, 0,235 g	1.01

Mỗi viên nang chứa 400 mg cao khô dược liệu tương đương: Hoàng kỳ 350 mg; Cam thảo 170 mg; Đảng sâm 100 mg; Đương quy 100 mg; Thăng ma 100 mg; Trần bì 100 mg; Sài hồ 100 mg; Bạch truật 100 mg; Đại táo 70 mg; Sinh khương 30 mg - 350 mg, 170 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 100 mg, 70 mg, 30 mg	1.01
Cao khô Trinh nữ Crila (tương đương 1,25mg alcaloid toàn phần) 250mg - 250mg	1.01
Rotundin 15mg; Cao khô lá sen (tương đương với 1g lá sen khô) 80 mg; Cao khô lá vông (tương đương với 1g lá vông khô) 95 mg - 15mg, 80 mg, 95 mg	1.01
Mỗi gói 10ml cao lỏng chứa: Địa long 0,4g; Hoàng kỳ 4g; Đương quy 0,8g; Xích thực 0,6g; Xuyên khung 0,4g; Đào nhân 0,4g; Hồng hoa 0,4g - 0,4g, 4g, 0,8g, 0,6g, 0,4g, 0,4g, 0,4g	1.01
Cao Đan sâm 10/1 (tương đương 450mg Đan sâm) 45mg; Cao Tam thất 3/1 (tương đương 141mg tam thất) 47mg; L-Borneol 8mg - 45mg, 47mg, 8mg	1.01
Cao khô bồ bồ (tương đương 3g bồ bồ) 300mg - 300mg	1.01
Mỗi g cao tương đương với Trinh nữ Hoàng cung 10 g - 10 g	0
Mỗi viên chứa 120mg Cao khô toàn phần chiết được từ 1500mg các dược liệu sau: Bạc hà 85 mg; Thanh cao 415 mg; Địa liên 200 mg; Kim ngân hoa 200 mg; Tía tô 200 mg; Kinh giới 200 mg; Thích gia đẳng 200 mg - 85 mg, 415 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg, 200 mg	1.01
Bột hoài sơn (tương ứng 183 mg Hoài Sơn) 100 mg; Cao khô liên tâm (tương ứng với 200 mg Liên tâm) 65 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với 91,25 mg Lá dâu, 91,25 Lá vông, 91,25 mg Long nhãn) 80 mg; Cao khô Bá tử nhân (tương đương với 91,25 Bá tử nhân) 10 mg; Cao khô Toan táo nhân (tương đương 91,25 mg Toan táo nhân) 10 mg; Cao khô Liên nhục (tương ứng với 175 mg Liên Nhục) 35 mg - 100 mg, 65 mg, 80 mg, 10 mg, 10 mg, 35 mg	1.01
Cao đặc hỗn hợp 315mg tương đương: Nhân trần 1000mg; Bồ công anh 670mg; Cúc hoa 340mg; Kim ngân hoa 340mg; Cam thảo 125mg; Actiso 670mg - 1000mg, 670mg, 340mg, 340mg, 125mg, 670mg	1.01
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với Cam thảo 20 mg; Bạch mao căn 400 mg; Bạch thực 400 mg; Đan sâm 400 mg, Bản lam căn 300 mg, Hoắc hương 300 mg; Sài hồ 400 mg; Liên kiều 300 mg; Thần khúc 300 mg; Chỉ thực 400 mg; Mạch nha 300 mg; Nghệ 400 mg) 500 mg - 500 mg	1.01
Bách bộ (tầm mật sao)	0
Ngũ vị tử tầm mật	0
Cao khô đan sâm (tương ứng với Đan sâm 17,5mg) 3,5mg; Cao khô tam thất (tương ứng với Tam thất 3,43mg) 0,343mg; Borneol 0,2mg - 3,5mg, 0,343mg, 0,2mg	1.01
Mỗi viên nang cứng chứa: Lá khôi 160 mg; Ô tặc cốt 120 mg; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Khổ sâm: 0,12 g; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Dạ cẩm: 0,12 g; 24 mg cao khô tương đương dược liệu Cỏ hàn the: 0,12 g - 160 mg, 120 mg, 0,12 g, 0,12 g, 0,12 g	1.01
Mỗi viên nang cứng chứa: 120 mg cao khô tương đương dược liệu Hoàng liên: 0,6 g; 130 mg cao khô tương đương dược liệu Vân mộc hương 0,6 g; Bột Đại hồi 0,015 g; Bột Sa nhân 0,015 g; Bột Quế nhục 0,0075 g; Bột Đinh hương 0,0075 g - 0,6 g, 0,6 g, 0,015 g, 0,015 g, 0,0075 g, 0,0075 g	1.01

Kim tiền thảo (sấy khô) - 0,5 kg	0
Mỗi lọ 125 ml chứa: Cao lỏng hỗn hợp (tương đương với Thực địa 40g; Hoài sơn 20 g, Sơn thù 20 g, Mẫu đơn bì 15g, Phục linh 15g, Trạch tả 15g) 62,5 ml - 62,5 ml	1.01
Cao khô điệp hạ châu (tương đương với 3g điệp hạ châu) 300mg - 300mg	1.01
Mỗi 9ml siro chứa dịch chiết dược liệu tương đương với: Ma hoàng 1,5g; Quế chi 1g; Khổ hạnh nhân 2g; Cam thảo 1g - 1,5g, 1g, 2g, 1g	1.01
Mỗi viên chứa 350mg Cao khô hỗn hợp tương đương với: Toan táo nhân 960mg; Tri mẫu 640mg; Phục linh 960mg; Xuyên khung 640mg; Cam thảo 320mg - 960mg, 640mg, 960mg, 640mg, 320mg	1.01
Mỗi chai 280 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Ích mẫu 42,0 g; Huyền hồ sách 42,0 g; Hương phụ 21,0 g; Đương quy 21,0 g; Bạch thược 21,0 g; Đại hoàng 21,0 g; Thực địa 16,8 g; Bạch truật 16,8 g; Xuyên khung 10,36 g; Phục linh 10,36 g - 42,0 g, 42,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 21,0 g, 16,8 g, 16,8 g, 10,36 g, 10,36 g	1.01
Mỗi lọ 50 g hoàn cứng chứa: Ích mẫu 6,25 g; Bạch thược 6,25 g; Đại hoàng 6,25 g; Thực địa 4,75 g; Hương phụ 4,75 g; Đương quy 4,75 g; Bạch truật 4,75 g; Xuyên khung 3,25 g; Huyền hồ sách 3,25 g; Phục linh 3,25 g - 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 4,75 g, 4,75 g, 4,75 g, 4,75 g, 3,25 g, 3,25 g, 3,25 g	1.01
Mỗi chai 250 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Đỗ trọng 22,5 g; Ngũ gia bì chân chim 22,5 g; Thiên niên kiện 22,5 g; Tục đoạn 22,5 g; Đại hoàng 17,5 g; Đương quy 10,0 g; Xuyên khung 10,0 g; Tần giao 10,0 g; Sinh địa 10,0 g; Uy linh tiên 10,0 g; Quế chi 7,5 g; Cam thảo 7,5 g - 22,5 g, 22,5 g, 22,5 g, 22,5 g, 17,5 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 10,0 g, 7,5 g, 7,5 g, 7,5 g	1.01
Mỗi lọ 50 g hoàn cứng chứa: Đỗ trọng 6,25 g; Ngũ gia bì chân chim 6,25 g; Thiên niên kiện 6,25 g; Tục đoạn 6,25 g; Đại hoàng 4,50 g; Xuyên khung 4,50 g; Tần giao 4,50 g; Sinh địa 4,50 g; Uy linh tiên 4,50 g; Đương quy 4,50 g; Quế chi 1,50 g; Cam thảo 1,50 g - 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 6,25 g, 4,50 g, 4,50 g, 4,50 g, 4,50 g, 1,50 g, 1,50 g	1.01
Mỗi viên chứa 412,5 mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương: Đỗ trọng 1100 mg; Ngũ gia bì chân chim 1100 mg; Tục đoạn 1100 mg; Thiên niên kiện 1100 mg; Đại hoàng 800 mg; Đương quy 470 mg; Xuyên khung 470 mg; Tần giao 470 mg; Sinh địa 470 mg; Uy linh tiên 470 mg; Quế nhục 350 mg; Cam thảo 350 mg - 1100 mg, 1100 mg, 1100 mg, 1100 mg, 800 mg, 470 mg, 470 mg, 470 mg, 470 mg, 350 mg, 350 mg	1.01
Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Táo nhân 0,3 g; Bạch truật 0,25 g; Đảng sâm 0,25 g; Đỗ trọng 0,25 g; Đương quy 0,25 g; Hoài sơn 0,25 g; Bạch thược 0,25 g; Mạch nha 0,2 g; Phục linh 0,2 g; Sa nhân 0,2 g; Ý dĩ 0,2 g; Trần bì 0,15 g; Viễn chí 0,15 g; Cam thảo 0,1 g; Liên nhục 0,1 g; Bạch tật lê 0,1 g - 0,3 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,25 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,2 g, 0,15 g, 0,15 g, 0,1 g, 0,1 g, 0,1 g	1.01
Mỗi 60 ml chứa: Dịch chiết lá xoài (0,5% mangiferin) 12ml - 12ml	3.05
Cao đặc Actiso 300mg; Cao đặc rau đắng đất 150mg; Cao đặc bìm bìm 16mg - 300mg, 150mg, 16mg	1.01
Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng: Sinh địa 53,8mg; Độc hoạt 214,3mg; Bạch thược 107,6mg; Cam thảo 26,9mg; Tang ký sinh 214,3mg; Ngưu tất 53,8mg; Tần giao 53,8mg; Đỗ trọng 107,6mg) 104,1mg; Bột hỗn hợp dược liệu (tương ứng: Phòng phong 53,8mg; Đương quy 53,8mg; Xuyên khung 53,8mg; Đảng sâm 53,8mg; Quế 26,9mg; Phục linh 53,8mg; Tế tân 53,8mg) 349,7mg - 104,1mg, 349,7mg	1.01

Mỗi 330mg bột hỗn hợp dược liệu chứa: Kim ngân (hoa) 210mg; Cát cánh (rễ) 100mg; Đạm đậu xị 20mg; Mỗi 59mg cao hỗn hợp dược liệu qui về khô (tỷ lệ 1/10) chứa: Liên kiều (quả) 210mg; Bạc hà 20mg; Kinh giới 80mg; Cam thảo (rễ) 100mg; Ngưu bàng (quả) 100mg; Đạm trúc diệp 80mg - 210mg, 100mg, 20mg, 210mg, 20mg, 80mg, 100mg, 100mg, 80mg	1.01
Cao khô Đương quy (tương đương 1,3 g dược liệu Đương quy) 0,3 g; Cao khô lá bạch quả 0,04 g - 0,3 g, 0,04 g	1.01
Mỗi 2,4g Cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng: Diệp hạ châu 10g; Tam thất 5g; Kim ngân hoa 2g; Cam thảo 2g; Thảo quyết minh 5g; Cúc hoa 1g - 10g, 5g, 2g, 2g, 5g, 1g	1.01
Mỗi 430mg cao khô hỗn hợp dược liệu tương ứng: Qui bản 1,5g; Thục địa 1,5g; Hoàng bá 0,5g; Tri mẫu 0,5g - 1,5g, 1,5g, 0,5g, 0,5g	1.01
Mỗi viên chứa 300mg cao khô hỗn hợp dược liệu được chiết từ 2100mg các dược liệu khô sau: Sài hồ 300 mg, Bạch linh 300mg, Đương quy 300mg, Cam thảo chích 240mg, Bạch thược 300mg, Bạc hà 60mg, Bạch truật 300mg, Sinh khương 300mg - 300mg	1.01
Mỗi viên hoàn mềm 10g chứa 5,1g bột thập toàn đại bổ gồm: Đảng sâm 1g; Phục linh 0,65g; Bạch truật 0,65g; Cam thảo 0,12g; Xuyên khung 0,3g; Đương quy 0,6g; Thục địa 1g; Bạch thược 0,6g; Hoàng kỳ 0,45g; Quế nhục 0,24g - 1g, 0,65g, 0,65g, 0,12g, 0,3g, 0,6g, 1g, 0,6g, 0,45g, 0,24g	1.01
Mỗi 5ml chứa: 1,25ml cao lỏng dược liệu tương đương với: Sài đất 500mg; Thương nhĩ tử 500mg; Kinh giới 500mg; Thổ phục linh 375mg; Phòng phong 375mg; Đại hoàng 375mg; Kim ngân hoa 150mg; Liên kiều 125mg; Hoàng liên 125mg; Bạch chỉ 100mg; Cam thảo 25mg - 500mg, 500mg, 500mg, 375mg, 375mg, 375mg, 150mg, 125mg, 125mg, 100mg, 25mg	1.01
Hoài sơn 183 mg; Cao khô Liên tâm (tương đương với 15 mg Liên tâm) 8 mg; Cao khô Liên nhục (tương ứng với 175 mg Liên nhục) 35 mg; Cao khô Bá tử nhân (tương ứng với 91,25 mg Bá tử nhân) 10 mg; Cao khô Toan táo nhân (tương ứng với 91,25 mg Toan táo nhân) 10 mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương ứng với Lá dâu 91,25 mg, Lá vông 91,25 mg, Long nhãn 91,25 mg) 80 mg - 183 mg, 8 mg, 35 mg, 10 mg, 10 mg, 80 mg	1.01
Mỗi 10g chứa: Bạch truật 0,23g; Hoàng kỳ 1,02g; Cam thảo 0,23g; Sài hồ 0,23g; Đại táo 1,02g; Thăng ma 0,23g; Đảng sâm 1,28g; Trần bì 0,23g; Đương quy 0,23g; Gừng 0,12g - 0,23g, 1,02g, 0,23g, 0,23g, 1,02g, 0,23g, 1,28g, 0,23g, 0,23g, 0,12g	1.01
Mỗi 5g chứa: Cao đặc phong tê thấp 274mg tương ứng với: Phòng phong 230mg; Tần giao 250mg; Tang ký sinh 600mg; Can địa hoàng 450mg; Đỗ trọng 380mg; Ngưu tất 380mg; Nhân sâm 300mg; Cam thảo 150mg; Độc hoạt 380mg; Tế tân 150mg; Tang ký sinh 600mg; Quế nhục 230mg; Đương quy 230mg; Xuyên khung 230mg; Bạch thược 750mg; Phục linh 300mg - 230mg, 250mg, 600mg, 450mg, 380mg, 380mg, 300mg, 150mg, 380mg, 150mg, 600mg, 230mg, 230mg, 230mg, 750mg, 300mg	1.01
Mỗi viên chứa 0,5g cao khô dược liệu tương đương với: Tang ký sinh 1,5g; Độc hoạt 1g; Phòng phong 1g; Đỗ trọng 1g; Ngưu tất 1g; Trinh nữ 1g; Hồng hoa 1g; Bạch chỉ 1g; Tục đoạn 1g; Bồ cốt chỉ 0,5g - 1,5g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 1g, 0,5g	1.01
Cao đặc Diệp hạ châu 150 mg tương đương: Diệp hạ châu 1050 mg - 1050 mg	1.01
Mỗi 8 ml chứa: Cao lá bạch quả (tương đương 9,6 mg Ginkoflavon Glycosid toàn phần) 40 mg; Cao rễ đinh lăng (tỷ lệ 10:1) 120 mg - 40 mg, 120 mg	1.01
Men bia (tương ứng cao khô men bia 5% 400 mg) 4000 mg - 4000 mg	1.01

Cao khô lá Actiso (tương đương lá Actiso 0,4g) 40 mg; Cao khô Rau má (tương đương Rau má 3g) 300 mg - 40 mg, 300 mg	1.01
Mỗi 500mg cao đặc toàn phần tương đương 1.875mg hỗn hợp dược liệu gồm: Đảng sâm 250mg; Đương quy 250mg; Bạch truật 250mg; Bạch thược 250mg; Phục linh 250mg; Xuyên khung 250mg; Cam thảo 125mg; Thục địa 250mg - 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 250mg, 125mg, 250mg	1.01
Mỗi chai 125 ml chứa: Cao lỏng hỗn hợp (tương đương với 56,375 g dược liệu: Lục thần khúc 12g, Hoàng liên 12g, Sứ quân tử 12g, Nhục đậu khấu 6g, Mạch nha 6g, Bình lang 6g, Mộc hương 2,375g) 62,5 ml - 62,5 ml	1.01
Cao khô hỗn hợp dược liệu 480mg tương đương với: Sài hồ 428mg; Đương quy 428mg; Bạch thược 428mg; Bạch truật 428mg; Bạch linh 428mg; Cam thảo (chích mật) 343mg; Bạc hà 86mg; Gừng tươi 428mg - 428mg, 428mg, 428mg, 428mg, 343mg, 86mg, 428mg	1.01
Cao đặc hỗn hợp dược liệu 283mg tương đương với: Đảng sâm 390mg; Bạch truật 260mg; Phục linh 208mg; Cam thảo 208mg; Đương quy 260mg; Xuyên khung 208mg; Bạch thược 260mg; Thục địa 390mg; Hoàng kỳ 390mg; Quế nhục 260mg - 390mg, 260mg, 208mg, 208mg, 260mg, 208mg, 260mg, 390mg, 390mg, 260mg	1.01
Mỗi viên chứa 377,5 mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương: Kim ngân hoa 1500 mg; Liên kiều 1500 mg; Diệp hạ châu 1500 mg; Bồ công anh 1150 mg; Mẫu đơn bì 1150 mg; Đại hoàng 750 mg - 1500 mg, 1500 mg, 1500 mg, 1150 mg, 1150 mg, 750 mg	1.01
Mỗi chai 500 ml chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Nhân sâm 21 g; Lộc nhung 21 g; Đương quy 10,5 g; Đỗ trọng 10,5 g; Thục địa 10,5 g; Phục linh 10,5 g; Ngưu tất 10,5 g; Xuyên khung 10,5 g; Hà thủ ô đỏ 10,5 g; Ba kích 10,5 g; Nhục thung dung 10,5 g; Sơn thù 10,5 g; Bạch truật 10,5 g; Kim anh 10,5 g; Nhục quế 10,5 g; Cam thảo 10,5 g - 21 g, 21 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g, 10,5 g	1.01
Mỗi viên chứa 700mg cao đặc hỗn hợp dược liệu tương đương với: Diệp hạ châu 1,2g; Đảng sâm 1,2g; Nhân trần 1,2g; Bạch thược 0,6g; Bạch truật 0,6g; Cam thảo 0,6g; Đương quy 0,6g; Phục linh 0,6g; Trần bì 0,6g - 0,6g	1.01
Mỗi viên nang chứa 360mg bột dược liệu gồm: Phục linh 180mg; Mẫu đơn bì 180mg; và 114 mg cao hỗn hợp dược liệu quy về khô, tỷ lệ quy về khô là 1/10 gồm: Thục địa 480mg; Sơn thù 240mg; Hoài sơn 240mg; Trạch tả 180mg - 180mg, 180mg, 480mg, 240mg, 240mg, 180mg	1.01
Mỗi lọ 100 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Bồ công anh 30 g; Kim ngân hoa 30 g; Hạ khô thảo 30 g; Thổ phục linh 30 g; Sài đất 30 g; Thương nhĩ tử 25 g; Huyền sâm 10 g - 30 g, 30 g, 30 g, 30 g, 30 g, 25 g, 10 g	1.01
Diệp hạ châu 10g/1g cao - 10g/1g cao	0
Cao lỏng Actiso (tương đương 60g Actiso) 120 ml - 120 ml	1.01
Mỗi viên 9g hoàn mềm chứa: Đảng sâm 0,6 g; Táo nhân 2g; Thảo quyết minh 1,5 g; Tâm sen 1 g - 0,6 g, 2g, 1,5 g, 1 g	1.01
Mỗi 200ml cao lỏng chứa dịch chiết tương đương với: Ích mẫu 160 g; Ngải cứu 40 g; Hương phụ chế 50 g - 160 g, 40 g, 50 g	1.01
Mỗi 8g hoàn mềm chứa: Đương quy 0,184 g; Sài hồ 0,184 g; Đảng sâm 1,024 g; Bạch truật 0,184 g; Hoàng kỳ 0,816 g; Cam thảo 0,184 g; Trần bì 0,184 g; Đại táo 0,816 g; Thăng ma 0,184 g - 0,184 g, 0,184 g, 1,024 g, 0,184 g, 0,816 g, 0,184 g, 0,184 g, 0,816 g, 0,184 g	1.01

Mỗi viên hoàn cứng chứa: cao đặc quy tỷ dưỡng tâm OPC 102mg (tương ứng với Bạch truật 64mg; Bạch linh 64mg; Viễn chí 6,4mg; Toan táo nhân 64mg; Long nhãn 64mg; Đương quy 6,4mg; Đại táo 16mg); Bột kép Quy tỷ dưỡng tâm OPC 112mg (tương ứng với Đảng sâm 32mg; Hoàng kỳ 64mg; Cam thảo 16mg; Mộc hương 32mg) - 64mg, 64mg, 6,4mg, 64mg, 64mg, 6,4mg, 16mg), 32mg, 64mg, 16mg, 32mg)	1.01
Cao đặc đan sâm qui về khan (tương ứng với Rễ đan sâm 450mg) 126mg; Cao đặc Tam thất quy về khan (tương ứng với Rễ củ tam thất 141mg) 28mg; Borneol 8mg - 126mg, 28mg, 8mg	1.01
Liên kiều 200mg; Ngưu bàng tử 120mg; Cát cánh 80mg; Cam thảo 40mg; Cao đặc dược liệu (tương đương: Kim ngân hoa 200mg; Bạc hà 120mg; Đỗ đen chế 100mg; Kinh giới 80mg; Đạm trúc diệp 80mg; Cam thảo 60mg) 80mg - 200mg, 120mg, 80mg, 40mg, 80mg	1.01
Bách bộ	0
Mỗi 10ml chứa: Dịch chiết dược liệu 2:1 (tương đương dược liệu bao gồm: Đảng sâm 1,2g; bạch truật 1,2g; ý dĩ 1,2g; cát cánh 1,2g; liên nhục 1,2g; hoài sơn 1,2g; cam thảo 0,6g; sa nhân 0,8g; bạch linh 0,8g; mạch nha 0,4g; trần bì 0,6g) 5,2ml - 5,2ml	1.01
Cao khô hỗn hợp 300mg (tương đương với: Bạch truật 248mg; Viễn chí 248mg; Long nhãn 248mg; Bạch linh 181,3mg; Đương quy 174,7mg; Đảng sâm 124mg; Toan táo nhân 107,3mg; Hoàng kỳ 87,3mg; Mộc hương 63mg; Đại táo 63mg; Cam thảo 55,4mg); Bột mịn Đương quy 73,3mg; Bột mịn Bạch linh 66,7mg; Bột mịn Hoàng kỳ 36,7mg; Bột mịn Toan táo nhân 16,7mg; Bột mịn Cam thảo 6,6mg - 55,4mg), 73,3mg, 66,7mg, 36,7mg, 16,7mg, 6,6mg	1.01
Đảng sâm 15 mg; Bạch truật 30 mg; Hoàng kỳ 30 mg; Cam thảo 7,5 mg; Phục linh 30 mg; Viễn chí 3 mg; Toan táo nhân 30 mg; Long nhãn 30 mg; Đương quy 3mg; Mộc hương 15mg; Đại táo 7,5 mg - 15 mg, 30 mg, 30 mg, 7,5 mg, 30 mg, 3 mg, 30 mg, 30 mg, 3mg, 15mg, 7,5 mg	1.01
Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Hoàng bá 0,84 g; Tri mẫu 0,84 g; Sơn thù 0,42 g; Viễn chí 0,42 g; Khiếm thực 0,26 g; Liên tu 0,26 g; Phục linh 0,26 g; Mẫu lệ 0,17 g - 0,84 g, 0,84 g, 0,42 g, 0,42 g, 0,26 g, 0,26 g, 0,26 g, 0,17 g	1.01
Mỗi viên chứa cao đặc Actiso (tương đương 0,8 g Actiso) 0,1g; Cao rau đắng đất (tương đương 0,33 g Rau đắng đất) 0,075 g; Cao bìm bìm biếc (tương đương 0,075g Bìm bìm biếc) 0,011 g - 0,1g, 0,075 g, 0,011 g	1.01
Mỗi viên chứa cao đặc Actiso (tương đương 1200 g Actiso) 150 mg; Cao rau đắng đất (tương đương 500 mg Rau đắng đất) 112,5 mg; Cao bìm bìm biếc (tương đương 112,5 mg Bìm bìm biếc) 16 mg - 150 mg, 112,5 mg, 16 mg	1.01
Mỗi 5 ml chứa: Cao khô lá thường xuân (4-8):1 35mg - 35mg	1.01
Mỗi 100ml siro chứa: Dịch chiết lá thường xuân 70% còn (tương đương 40mg Hederacoside C) 2g - 2g	1.01

JỐC CỔ TRUYỀN BỔ SUNG

(2/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

DUONG_DUNG	HAM_LUONG	DONG_GOI
Uống		Hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 100 viên
Uống		Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 20 gói x 2 gam
Uống		Hộp 1 lọ 35 g; Hộp 10 gói x 4 g
Uống		Chai 250 ml
Uống		Hộp 1 chai 280 ml
Uống		Hộp 15 gói x 4,5g
Uống		Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 lọ 45 viên
Uống		Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên
Khác		Túi 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 30g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg

Uống		Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 30 viên, 60 viên, 100 viên
Uống		Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên
Uống		Chai 100g
Khác		Túi 0,5 kg; Túi 1 kg; Túi 2 kg; Túi 5 kg; Túi 10 kg; Túi 20 kg
Khác		Túi 0,5 kg; Túi 1 kg; Túi 2 kg; Túi 5 kg; Túi 10 kg; Túi 20 kg
Uống		Hộp 01 chai 30 viên
Uống		Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 50 viên, 60 viên, 100 viên
Uống		Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 50 viên, 60 viên, 100 viên
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên
Khác		Hộp 3 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 60 viên
Uống		Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 100 viên
Uống		Hộp 1 lọ 30 g hoàn cứng
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 lọ 100 viên
Uống		Hộp 1 lọ 90 ml; Hộp 1 lọ 100 ml
Uống		Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 40 viên
Uống		Hộp 1 lọ 50 gam (275 viên); hộp 1 lọ 100 gam (550 viên)
Uống		Hộp 1 lọ 60 ml; hộp 1 lọ 100 ml
Uống		Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên

Uống		Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 05 túi nhôm x 02 vỉ x 10 viên; hộp 4 chai x 40 viên
Uống		Hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-nhôm), hộp 2 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm-nhôm hoặc nhôm-PVC)
Uống		Hộp 10 gói, 20 gói x 10ml
Uống		Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 90 viên
Uống		Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên
Khác		Túi nhôm x 2 lớp túi PE x 50g, 100g, 200g, 1kg, 5kg, 10kg, 15 kg.
Uống		Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al), hộp 2 vỉ x 25 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 chai 100 viên (chai nhựa HDPE hoặc chai thủy tinh màu nâu)
Uống		Hộp 1 túi nhôm chứa 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 lọ 30 viên; 100 viên
Uống		Hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên
Khác		Túi 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg
Khác		Túi 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg
Uống		Hộp 1 vỉ x 2 lọ x 100 viên
Uống		Hộp 10 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên

Khác		Túi chứa 0,5 kg; 1 kg; 2kg; 5kg; 10kg; 20kg
Uống		Hộp 1 lọ 125 ml
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 2 vỉ x 5 ống x 9ml, hộp 4 vỉ x 5 ống x 9ml, hộp 1 chai x 108ml
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al hoặc Al-PVC), hộp 10 vỉ x 10 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên
Uống		Hộp 1 chai 280 ml; hộp 1 chai 250 ml
Uống		Hộp 1 lọ 50 gam
Uống		Hộp 1 chai 280 ml; hộp 1 chai 250 ml
Uống		Hộp 1 lọ 50 gam
Uống		Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 1 lọ 40 viên
Uống		Hộp 10 gói x 4g
Dùng ngoài		Hộp 1 chai 60 ml; hộp 1 chai 120 ml
Uống		Hộp 3 vỉ, Hộp 10 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 lọ 30 viên; hộp 1 lọ 60 viên

Uống		Hộp 3 vỉ x 10 viên; Lọ 30 viên; Lọ 60 viên
Uống		Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 20 gói x 10 gam
Uống		Hộp 10 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 6 vỉ x 10 viên (vỉ Al-Al), hộp 4 vỉ x 18 viên (vỉ Al-PVC), hộp 1 chai 100 viên (Chai nhựa HDPE hoặc chai thủy tinh màu nâu)
Uống		Hộp 10 viên x 10 gam
Uống		Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 5ml; Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 7,5ml; Hộp 10 ống, hộp 20 ống, hộp 30 ống x 10ml; Hộp 1 chai x 80ml; Hộp 1 chai x 100ml; Hộp 1 chai x 125ml
Uống		Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 10 viên. Lọ 1000 viên
Uống		Hộp 10 gói, 20 gói x 10g; Hộp 10 gói, 20 gói x 5g; Hộp 1 lọ 50g, 100g, 200g
Uống		Hộp 10 gói, hộp 20 gói x 5g; Hộp 1 lọ 50g, 100g, 200g
Uống		Hộp 3 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai 30 viên, hộp 1 chai 60 viên, hộp 1 chai 100 viên
Uống		Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 8ml. Hộp 1 chai 120 ml
Uống		Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên

Uống		Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ, 20 vỉ x 5 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên
Uống		Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên
Uống		Hộp 1 lọ 125 ml
Uống		Hộp 6 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 60 viên, hộp 1 lọ 100 viên
Uống		Hộp 1 túi nhôm, hộp 2 túi nhôm, hộp 3 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 40 viên
Uống		Hộp 1 chai 500 ml
Uống		Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 lọ 30 viên; hộp 1 lọ 60 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 lọ 100 ml; hộp 1 lọ 125 ml
Khác		Túi 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10g, 15kg (Cao dược liệu đựng trong 2 lớp túi PE chứa trong túi bao nhôm)
Uống		Hộp 1 chai 120 ml
Uống		Hộp 10 viên x 9g
Uống		Chai 200 ml
Uống		Hộp 10 viên x 8g

Uống		Hộp 1 chai 240 viên
Uống		Hộp 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên
Khác		Túi 0,5kg, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg
Uống		Hộp 1 chai 60ml; hộp 1 chai 100ml; hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống x 10ml
Uống		Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 lọ 30 viên
Uống		Hộp 1 lọ 240 viên
Uống		Hộp 10 gói x 4g
Uống		Hộp 5 vỉ x 20 viên
Uống		Hộp 4 vỉ, 5 vỉ x 10 viên
Uống		Hộp 1 chai 100 ml
Uống		Hộp 1 chai 100ml

HANG_SX	NUOC_SX
(Cơ sở nhận gia công): Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn (Sagopha)	Việt Nam
(Cơ sở nhận gia công:) Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Viện Dược liệu	Việt Nam
Cơ sở Cao Nghĩa Đường	Việt Nam
Cơ sở sản xuất thuốc thành phẩm YHCT Nguyễn Minh Trí	Việt Nam
Cơ sở sản xuất và kinh doanh thuốc đông dược Lợi Hòa Đường	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam

Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam
Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Việt Nam
Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Việt Nam
Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Việt Nam
Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Việt Nam
Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam

Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
Công ty TNHH Thiên Dược	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.	Việt Nam
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam.	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Việt Nam
Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Việt Nam

Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Việt Nam
Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Việt Nam
Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam

Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam
Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam
Công ty TNHH Vạn Xuân	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam

Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1	Việt Nam
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam
Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Việt Nam
Công ty TNHH đông dược Xuân Quang	Việt Nam
Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Việt Nam
Công ty TNHH Dược thảo Hoàng Thành	Việt Nam
Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma	Việt Nam
Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam
Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam
Công ty cổ phần TM dược VTYT Khai Hà	Việt Nam
Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Việt Nam
Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long	Việt Nam
Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
Công ty TNHH Nam Dược	Việt Nam
JSC "Farmak"	Ukraine
JRP Co., Ltd	Korea

PHỤ LỤC 06.3. DANH MỤC MÃ VỊ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	STT nhóm	Mã	Tên vị thuốc
(1)	(2)	(3)	(4)
			I. Nhóm phát tán phong hàn
1	1	05V.1	Bạch chỉ
2	2	05V.2	Cao bản
3	3	05V.3	Đại bi
4	4	05V.4	Kinh giới
5	5	05V.5	Ma hoàng
6	6	05V.6	Quế chi
7	7	05V.7	Sinh khương
8	8	05V.8	Tân di
9	9	05V.9	Tế tân
10	10	05V.10	Thông bạch
11	11	05V.11	Tô diệp
12	12	05V.12	Tràm
13	13	05V.13	Trầu không
			II. Nhóm phát tán phong nhiệt
14	1	05V.14	Bạc hà
15	2	05V.15	Cát căn
16	3	05V.16	Cốc tinh thảo
17	4	05V.17	Cúc hoa
18	5	05V.18	Cúc tần
19	6	05V.19	Đạm đậu xỉ
20	7	05V.20	Đạm trúc diệp
21	8	05V.21	Đậu đen
22	9	05V.22	Lức (Sài hồ nam)
23	10	05V.23	Lức (lá)/Tên khác: Hải sài
24	11	05V.24	Mạn kinh tử
25	12	05V.25	Ngưu bàng tử
26	13	05V.26	Phù bình
27	14	05V.27	Sài hồ
28	15	05V.28	Tang diệp
29	16	05V.29	Thăng ma
30	17	05V.30	Thuyền thoái
31	18	05V.31	Trúc diệp
			III. Nhóm phát tán phong thấp
32	1	05V.32	Bưởi bung (Cơm rượu)

33	2	05V.33	Cà gai leo
34	3	05V.34	Cột khí củ
35	4	05V.35	Dây đau xương
36	5	05V.36	Dây gắm
37	6	05V.37	Độc hoạt
38	7	05V.38	Hoàng nàn
39	8	05V.39	Hy thiêm
40	9	05V.40	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)
41	10	05V.41	Khương hoạt
42	11	05V.42	Lá lốt
43	12	05V.43	Mẫu kinh kinh (Hoàng kinh)
44	13	05V.44	Mộc qua
45	14	05V.45	Ngũ gia bì chân chim
46	15	05V.46	Ngũ gia bì gai
47	16	05V.47	Phòng phong
48	17	05V.48	Rễ nhàu
49	18	05V.49	Tang chi
50	19	05V.50	Tang ký sinh
51	20	05V.51	Tầm xoong
52	21	05V.52	Tầm xuân
53	22	05V.53	Tần giao
54	23	05V.54	Thiên niên kiện
55	24	05V.55	Trinh nữ (Xâu hổ)
56	25	05V.56	Uy linh tiên
57	26	05V.57	Xích đồng nam
			IV. Nhóm thuốc trừ hàn
58	1	05V.58	Can khương
59	2	05V.59	Cao lương khương
60	3	05V.60	Đại hồi
61	4	05V.61	Địa liên
62	5	05V.62	Đinh hương
63	6	05V.63	Ngô thù du
64	7	05V.64	Thảo quả
65	8	05V.65	Tiểu hồi
66	9	05V.66	Xuyên tiêu
			V. Nhóm hồi dương cứu nghịch
67	1	05V.67	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)
68	2	05V.68	Quế nhục
			VI. Nhóm thanh nhiệt giải thử
69	1	05V.69	Bạch biên đầu
70	2	05V.70	Đậu quyền

71	3	05V.71	Hà diệp (Lá sen)
72	4	05V.72	Hương nhu
VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc			
73	1	05V.73	Bạch đồng nữ
74	2	05V.74	Bạch hoa xà thiệt thảo
75	3	05V.75	Bạch tiền bì
76	4	05V.76	Bản lam căn
77	5	05V.77	Biển súc
78	6	05V.78	Bồ công anh
79	7	05V.79	Bướm bạc (Hồ điệp)
80	8	05V.80	Cam thảo dây
81	9	05V.81	Cam thảo đất
82	10	05V.82	Chi thiên
83	11	05V.83	Diệp cá (Ngư tinh thảo)
84	12	05V.84	Diệp hạ châu
85	13	05V.85	Diệp hạ châu đắng
86	14	05V.86	Đại toán
87	15	05V.87	Đơn lá đỏ (Đơn mặt trời)
88	16	05V.88	Giảo cổ lam
89	17	05V.89	Khổ qua
90	18	05V.90	Kim ngân đắng (Kim ngân cuống)
91	19	05V.91	Kim ngân hoa
92	20	05V.92	Liên kiều
93	21	05V.93	Mô qua
94	22	05V.94	Rau sam
95	23	05V.95	Ráy gai
96	24	05V.96	Sài đất
97	25	05V.97	Thổ phục linh
98	26	05V.98	Trinh nữ hoàng cung
99	27	05V.99	Xa can (Rẻ quạt)
100	28	05V.100	Xạ đen
101	29	05V.101	Xuyên tâm liên
VIII. Nhóm thanh nhiệt tả hỏa			
102	1	05V.102	Chi tử
103	2	05V.103	Cối xay
104	3	05V.104	Hạ khô thảo
105	4	05V.105	Hạ khô thảo (Cải trời)
106	5	05V.106	Huyền sâm
107	6	05V.107	Mật môn hoa
108	7	05V.108	Thạch cao (sống) (được dụng)
109	8	05V.109	Tri mẫu

			IX. Nhóm thanh nhiệt táo thấp
110	1	05V.110	Actiso
111	2	05V.111	Bán biên liên
112	3	05V.112	Bán chi liên
113	4	05V.113	Cỏ sữa lá nhỏ
114	5	05V.114	Hoàng bá
115	6	05V.115	Hoàng bá nam (Núc nác)
116	7	05V.116	Hoàng cầm
117	8	05V.117	Hoàng đằng
118	9	05V.118	Hoàng liên
119	10	05V.119	Khổ sâm
120	11	05V.120	Long đởm thảo
121	12	05V.121	Màn trâu
122	13	05V.122	Mía dò
123	14	05V.123	Mơ tam thể
124	15	05V.124	Nhân trần
125	16	05V.125	Nhân trần tía
126	17	05V.126	Ô rô
127	18	05V.127	Rau má
128	19	05V.128	Thổ hoàng liên
129	20	05V.129	Vàng đắng
			X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết
130	1	05V.130	Bạch mao căn
131	2	05V.131	Địa cốt bì
132	3	05V.132	Hương gia bì
133	4	05V.133	Mẫu đơn bì
134	5	05V.134	Sâm đại hành
135	6	05V.135	Sinh địa
136	7	05V.136	Thiên hoa phấn
137	8	05V.137	Xích thược
			XI. Nhóm thuốc trừ đàm
138	1	05V.138	Bạch giới tử
139	2	05V.139	Bạch phụ tử
140	3	05V.140	Bán hạ bắc
141	4	05V.141	Bán hạ nam (Củ chóe)
142	5	05V.142	Côn bố
143	6	05V.143	La hán
144	7	05V.144	Phật thủ
145	8	05V.145	Qua lâu nhân
146	9	05V.146	Quất hồng bì
147	10	05V.147	Thiên nam tinh

148	11	05V.148	Thổ bồi mầu
149	12	05V.149	Trúc nhự
150	13	05V.150	Xuyên bồi mầu
XII. Nhóm thuốc chỉ khái bình suyễn			
151	1	05V.151	Bách bộ
152	2	05V.152	Bách hợp
153	3	05V.153	Bạch quả (Ngân hạnh)
154	4	05V.154	Bạch tiên
155	5	05V.155	Cà độc dược
156	6	05V.156	Cát cánh
157	7	05V.157	Hạnh nhân
158	8	05V.158	Húng chanh
159	9	05V.159	Kha tử
160	10	05V.160	Khoản đông hoa
161	11	05V.161	La bạc tử
162	12	05V.162	Tang bạch bì
163	13	05V.163	Tiên hồ
164	14	05V.164	Tô tử
165	15	05V.165	Toàn phúc hoa
166	16	05V.166	Tử uyên
167	17	05V.167	Tỳ bà diệp
168	18	05V.168	Uy linh tiên nam
XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong			
169	1	05V.169	Bạch cương tâm
170	2	05V.170	Bạch tật lê
171	3	05V.171	Câu đằng
172	4	05V.172	Dừa cạn
173	5	05V.173	Địa long
174	6	05V.174	Hoa đại
175	7	05V.175	Ngô công
176	8	05V.176	Thiên ma
177	9	05V.177	Toàn yết
178	10	05V.178	Trâm bầu
XIV. Nhóm thuốc an thần			
179	1	05V.179	Bá tử nhân
180	2	05V.180	Bình vôi (Ngải tương)
181	3	05V.181	Lạc tiên
182	4	05V.182	Liên tâm
183	5	05V.183	Linh chi
184	6	05V.184	Phục thần
185	7	05V.185	Táo nhân

186	8	05V.186	Thạch quyết minh
187	9	05V.187	Thảo quyết minh
188	10	05V.188	Trân châu mẫu
189	11	05V.189	Viễn chí
190	12	05V.190	Vông nem
			XV. Nhóm thuốc khai khiếu
191	1	05V.191	Băng phiến
192	2	05V.192	Bồ kết
193	3	05V.193	Thạch xương bồ
			XVI. Nhóm thuốc hành khí
194	1	05V.194	Chi thực
195	2	05V.195	Chi xác
196	3	05V.196	Hậu phác
197	4	05V.197	Hậu phác nam
198	5	05V.198	Hương phụ
199	6	05V.199	Lệ chi hạch
200	7	05V.200	Mộc hương
201	8	05V.201	Mộc hương nam
202	9	05V.202	Vỏ rut (Nam mộc hương)
203	10	05V.203	Ô dược
204	11	05V.204	Quất hạch
205	12	05V.205	Sa nhân
206	13	05V.206	Thanh bì
207	14	05V.207	Thi đề
208	15	05V.208	Trần bì
			XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết, khứ ứ
209	1	05V.209	Bồ hoàng
210	2	05V.210	Cỏ xước (Ngưu tất nam)
211	3	05V.211	Đan sâm
212	4	05V.212	Đào nhân
213	5	05V.213	Hồng hoa
214	6	05V.214	Huyền hồ
215	7	05V.215	Huyết giác
216	8	05V.216	Ích mẫu
217	9	05V.217	Kê huyết đằng
218	10	05V.218	Khương hoàng/Uất kim
219	11	05V.219	Một dược
220	12	05V.220	Nga truật
221	13	05V.221	Ngưu tất
222	14	05V.222	Nhũ hương
223	15	05V.223	Tam lăng

224	16	05V.224	Tạo giác thích
225	17	05V.225	Tô mộc
226	18	05V.226	Xuyên khung
XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết			
227	1	05V.227	Bạch cập
228	2	05V.228	Cỏ nhọ nồi
229	3	05V.229	Địa du
230	4	05V.230	Hoè hoa
231	5	05V.231	Huyết dụ
232	6	05V.232	Ngải cứu (Ngải diệp)
233	7	05V.233	Tam thất
234	8	05V.234	Tam thất gừng
235	9	05V.235	Trắc bách diệp
XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy			
236	1	05V.236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)
237	2	05V.237	Bòng bong/Thòng bong
238	3	05V.238	Cỏ ngọt
239	4	05V.239	Đại phúc bì
240	5	05V.240	Đẳng tâm thảo
241	6	05V.241	Địa phu tử
242	7	05V.242	Hải kim sa
243	8	05V.243	Hải táo (Rong mơ)
244	9	05V.244	Hoạt thạch
245	10	05V.245	Kim tiền thảo
246	11	05V.246	Mã đề
247	12	05V.247	Mộc thông
248	13	05V.248	Phòng kỷ
249	14	05V.249	Rau đắng đất
250	15	05V.250	Râu mèo
251	16	05V.251	Râu ngô
252	17	05V.252	Thạch vĩ
253	18	05V.253	Thông thảo
254	19	05V.254	Trạch tả
255	20	05V.255	Trư linh
256	21	05V.256	Tỳ giải
257	22	05V.257	Xa tiền tử
258	23	05V.258	Ý dĩ
XX. Nhóm thuốc trục thủy			
259	1	05V.259	Cam toại
260	2	05V.260	Khiên ngư (Hắc sủ)
261	3	05V.261	Thương lục

			XXI. Thuộc tả hạ, nhuận hạ
262	1	05V.262	Đại hoàng
263	2	05V.263	Lô hội
264	3	05V.264	Mật ong
265	4	05V.265	Muồng trâu
266	5	05V.266	Phan tả diệp
267	6	05V.267	Vừng đen
			XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo
268	1	05V.268	Bạch đậu khấu
269	2	05V.269	Chè dây
270	3	05V.270	Dạ cẩm
271	4	05V.271	Hoắc hương
272	5	05V.272	Kê nội kim
273	6	05V.273	Lá khô
274	7	05V.274	Lục thần khúc
275	8	05V.275	Mạch nha
276	9	05V.276	Ô tặc cốt
277	10	05V.277	Sim
278	11	05V.278	Sơn tra
279	12	05V.279	Thương truật
			XXIII. Nhóm thuốc thu liễm, cố sáp
280	1	05V.280	Khiếm thực
281	2	05V.281	Kim anh
282	3	05V.282	Liên nhục
283	4	05V.283	Liên tu (tua nhị)
284	5	05V.284	Ma hoàng (Ma hoàng căn)
285	6	05V.285	Mẫu lệ
286	7	05V.286	Ngũ vị tử
287	8	05V.287	Nhục đậu khấu
288	9	05V.288	Ô mai (Mơ muối)
289	10	05V.289	Phúc bồn tử
290	11	05V.290	Sơn thù
291	12	05V.291	Tang phiêu tiêu
292	13	05V.292	Tiểu mạch
			XXIV. Thuốc an thai
293	1	05V.293	Củ gai
294	2	05V.294	Tô ngạnh
			XXV. Nhóm thuốc bổ huyết
295	1	05V.295	Bạch thực
296	2	05V.296	Đương quy (Toàn quy)
297	3	05V.297	Đương quy (di thực)

298	4	05V.298	Hà thủ ô đồ
299	5	05V.299	Long nhãn
300	6	05V.300	Tang thâm (Quả dâu)
301	7	05V.301	Thục địa
XXVI. Nhóm thuốc bổ âm			
302	1	05V.302	A giao
303	2	05V.303	Câu kỷ tử
304	3	05V.304	Hoàng tinh
305	4	05V.305	Mạch môn
306	5	05V.306	Miết giáp
307	6	05V.307	Ngọc trúc
308	7	05V.308	Quy bản
309	8	05V.309	Sa sâm
310	9	05V.310	Thạch hộc
311	10	05V.311	Thiên môn đông
XXVII. Nhóm thuốc bổ dương			
312	1	05V.312	Ba kích
313	2	05V.313	Bách bệnh
314	3	05V.314	Cáp giới (Tắc kè)
315	4	05V.315	Cẩu tích
316	5	05V.316	Cốt toái bổ
317	6	05V.317	Dâm dương hoắc
318	7	05V.318	Dây tơ hồng
319	8	05V.319	Đỗ trọng
320	9	05V.320	Hải mã (Cá ngựa)
321	10	05V.321	Ích trí nhân
322	11	05V.322	Lộc Nhung
323	12	05V.323	Nhục thung dung
324	13	05V.324	Phá cô chi (Bồ cốt chi)
325	14	05V.325	Quảng vương bất lưu hành (Trâu cổ)
326	15	05V.326	Thỏ ty tử
327	16	05V.327	Tục đoạn
XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí			
328	1	05V.328	Bạch truật
329	2	05V.329	Cam thảo
330	3	05V.330	Đại táo
331	4	05V.331	Đảng sâm
332	5	05V.332	Đinh lăng
333	6	05V.333	Hoài sơn
334	7	05V.334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)
335	8	05V.335	Nhân sâm

			XXIX. Nhóm thuốc dùng ngoài
336	1	05V.336	Bạch hoa xà
337	2	05V.337	Lá móng
338	3	05V.338	Long não
339	4	05V.339	Mã tiền
340	5	05V.340	Mù u
341	6	05V.341	Ngũ sắc
342	7	05V.342	Ô đầu
343	8	05V.343	Phèn chua (Bạch phèn)
344	9	05V.344	Tử thảo
345	10	05V.345	Xà sàng tử
			XXX. Nhóm thuốc trị giun sán
346	1	05V.346	Bình lang
347	2	05V.347	Hạt bí ngô
348	3	05V.348	Sử quân tử
349	4	05V.349	Xuyên luyện tử

√

Bộ Y tế)

Nguồn gốc
(5)
N
B
N
N
B
N
N
B
B
N
N
N
N
N
N
B-N
B-N
N
B
B
N
N
N
N
B
N
B
N
B
B
B-N
N

<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
B-N
B
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>

<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
B - N
<i>N</i>
B - N
B - N

B - N
<i>N</i>

<i>N</i>
<i>N</i>

N
N

N
B-N
B
B
B
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N
B-N
B
N
N
N
N
N
N
N
N
N
N

B - N
N
B
N
B - N
B
N
B

N
B
B
N
B
N
B - N
B
B
N
B
N
N
N
N
N
N
N
B - N
N

N
B
N
B
N
B-N
B
B

N
B
B
N
B
B
N
B
N
N

B
N
B

N
B
B
B
N
B
B
N
B
B
N
N
B
N
B
B
N
N

N
B - N
B - N
N
N
N
B - N
B
B - N
N

B
N
N
N
B - N
B
B - N

<i>N</i>
<i>N</i>
B
B
<i>N</i>

<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>

B - <i>N</i>
B - <i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>

B
<i>N</i>
B
B - <i>N</i>
B
B
B - <i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
<i>N</i>
B - <i>N</i>
B
B - <i>N</i>

N
N
$B - N$

B
N
B
N
N
N
B
N
$B - N$

B
N
N
N
$B - N$
B
$B - N$
N
N
N
N
$B - N$
B
N
N
N
N
B
$B - N$
B
$B - N$
$B - N$
$B - N$

B
N
$B - N$

B
N
N
N
B
N

B
N
N
B - N
N
N
B - N
B - N
N
N
B - N
B

B
B
N
N
B
N
B - N
B - N
N
B
B
N
N

N
N

B
B - N
N

B - N
N
N
N

B
B
N
B - N
B - N
B - N
N
B
B
N

N
B - N
N
N
N
B
N
B - N
N
B
N
B
B
N
B
N

B - N
B
B
B - N
N
N
B
B

<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
B
B - <i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>
<i>N</i>